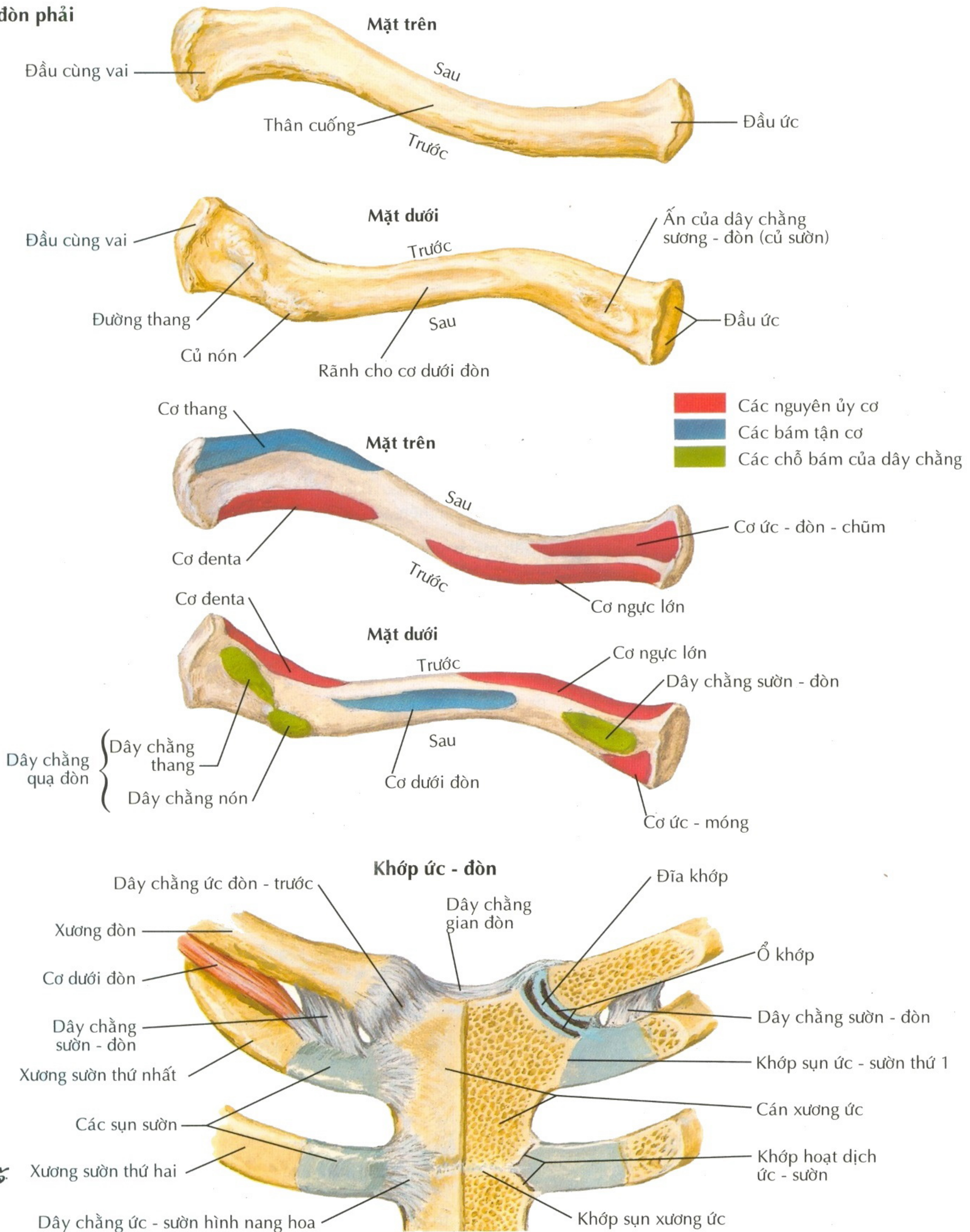


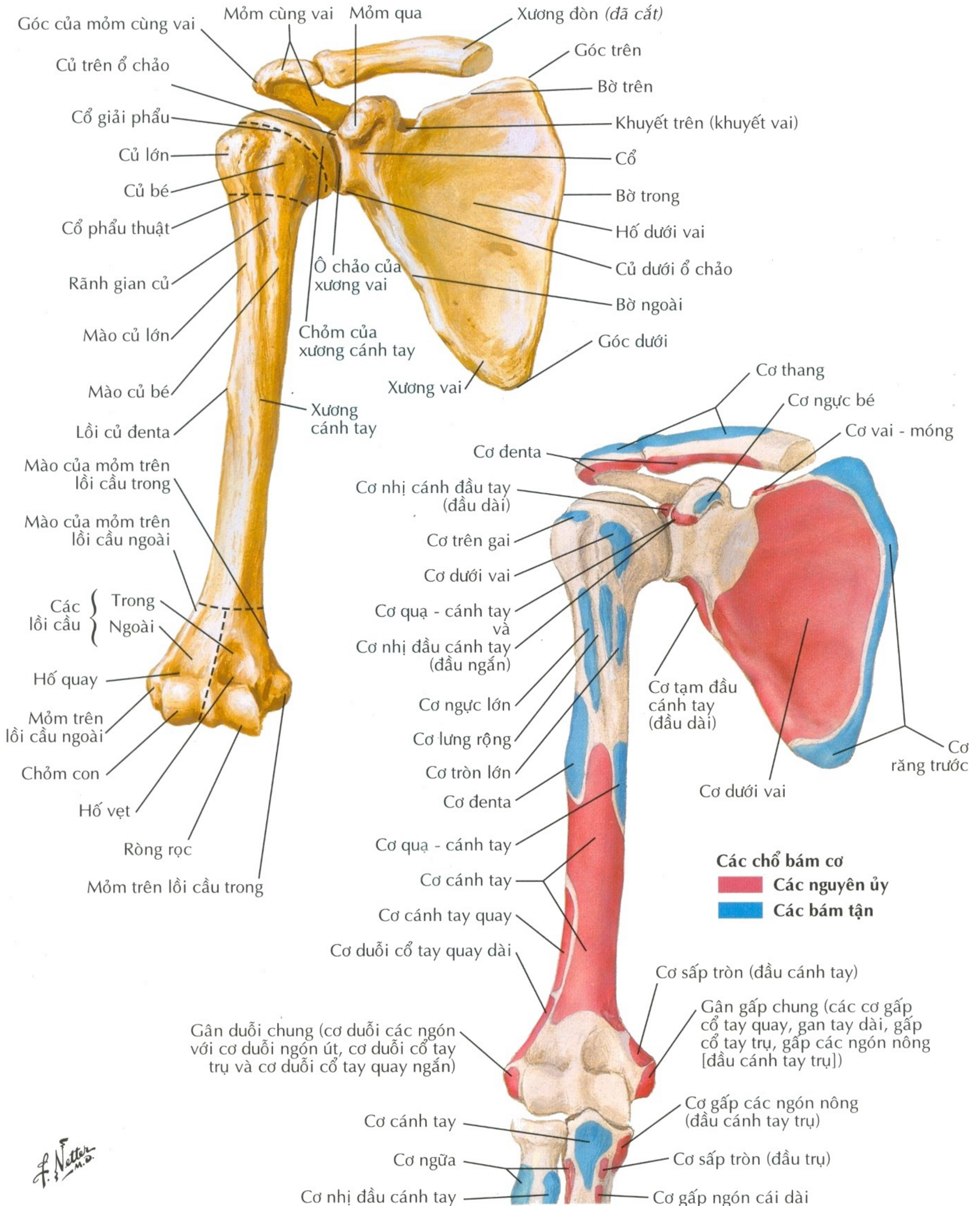
Các Xương Đòn và Khớp Ưc - Đòn

Xương đòn phải



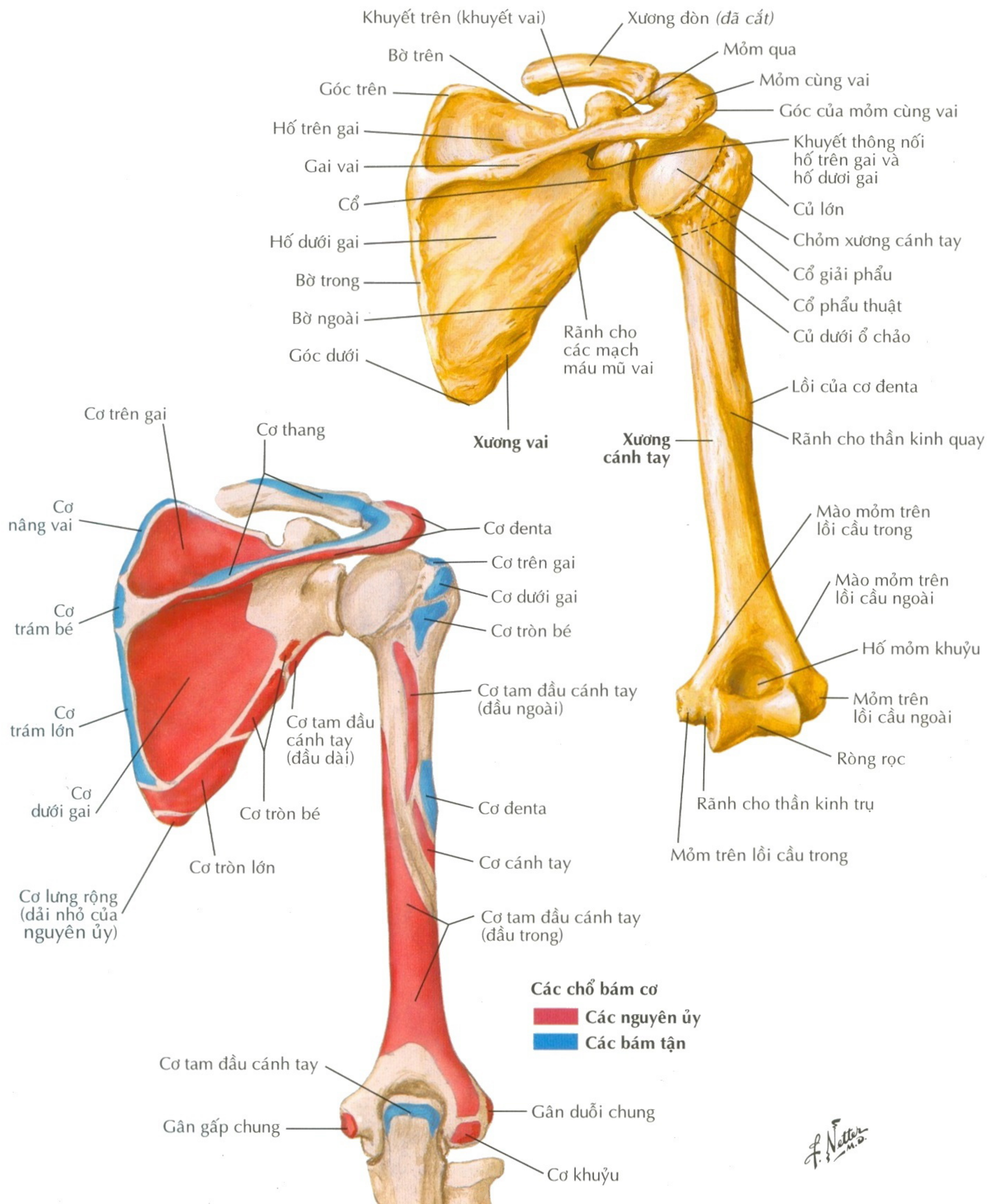
Xương Cánh Tay và Xương Vai: Nhìn Trước

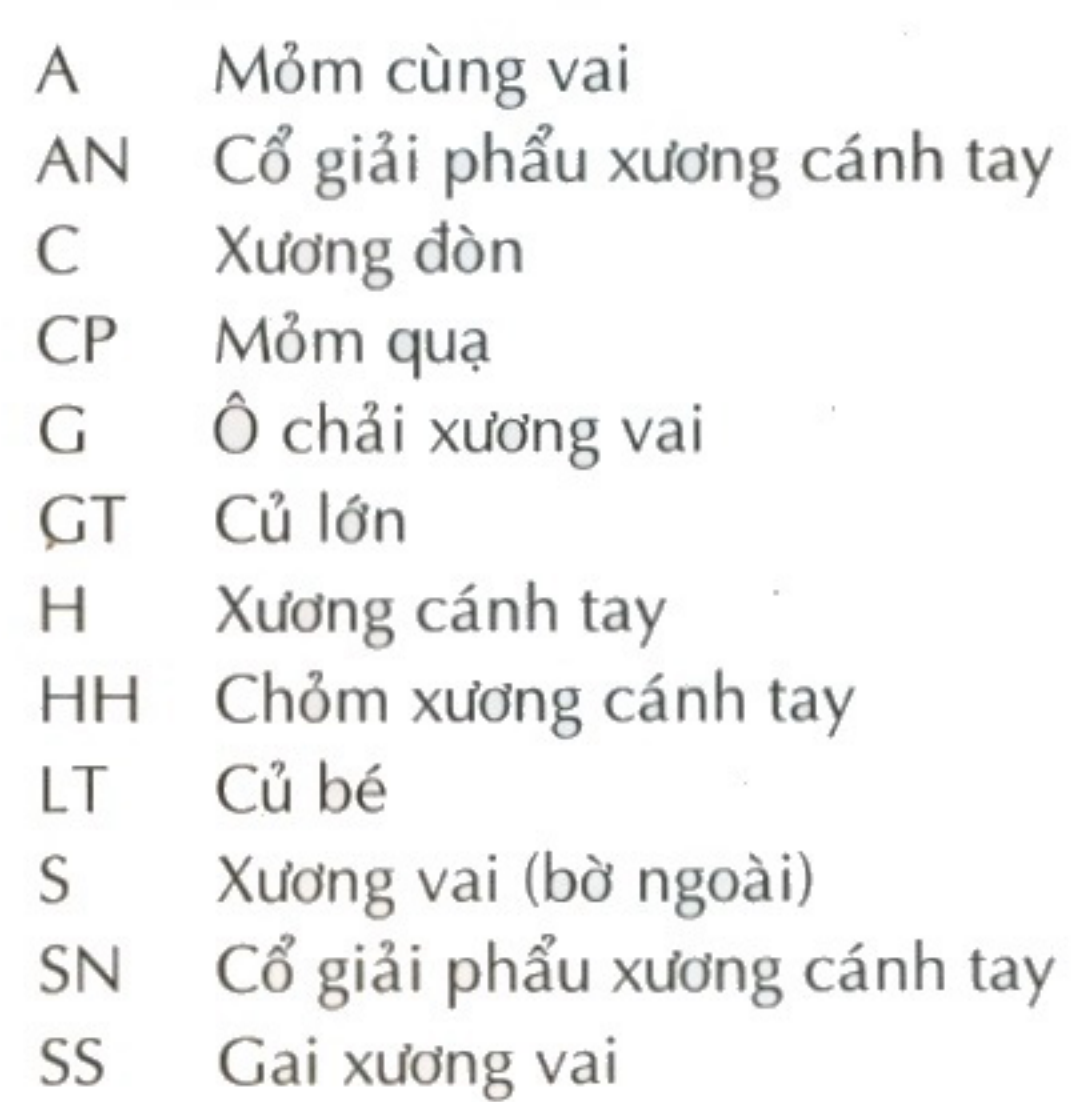
Xem thêm hình 185



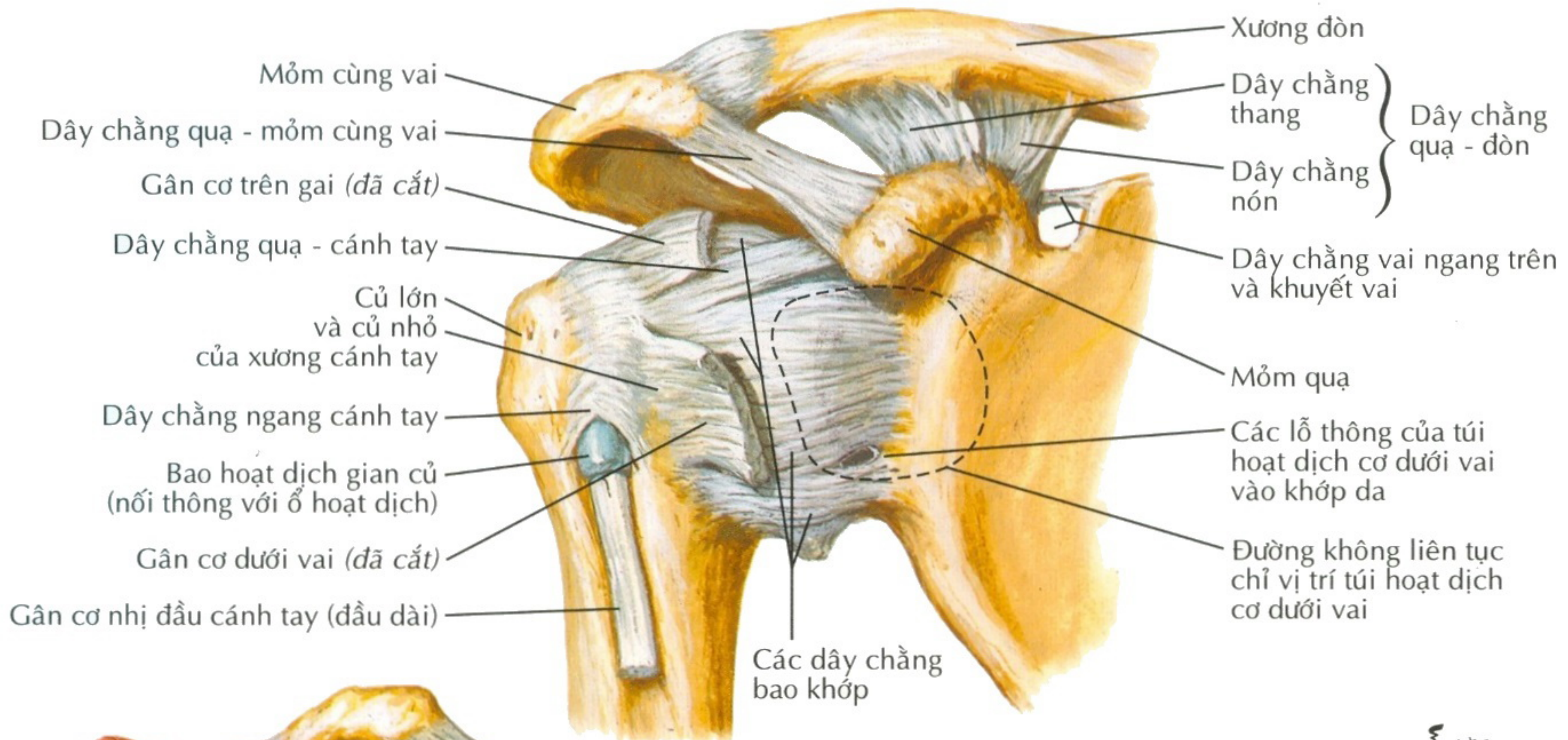
Xương Cánh Tay và Xương Vai: Nhìn Sau

Xem thêm hình 185

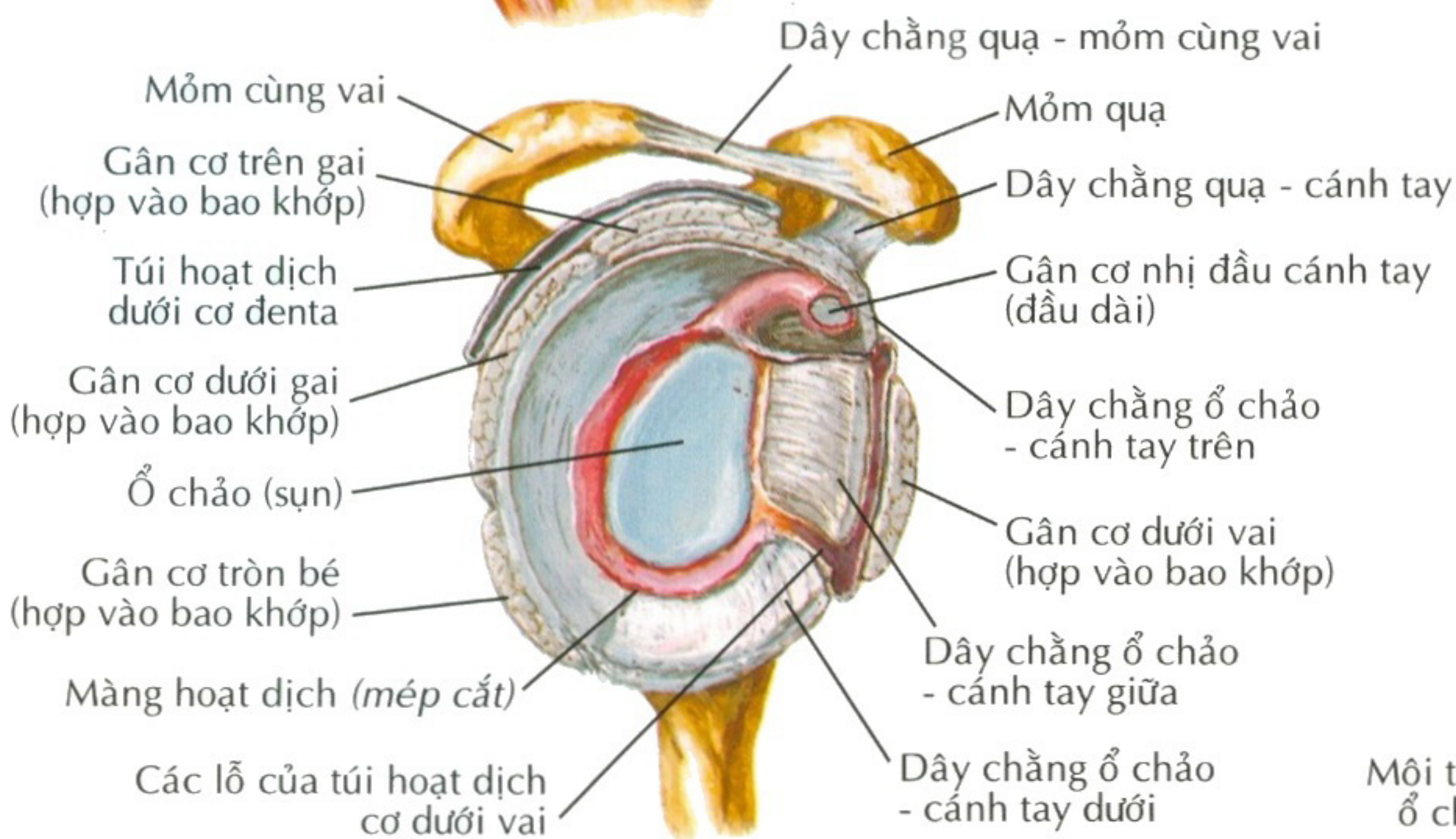
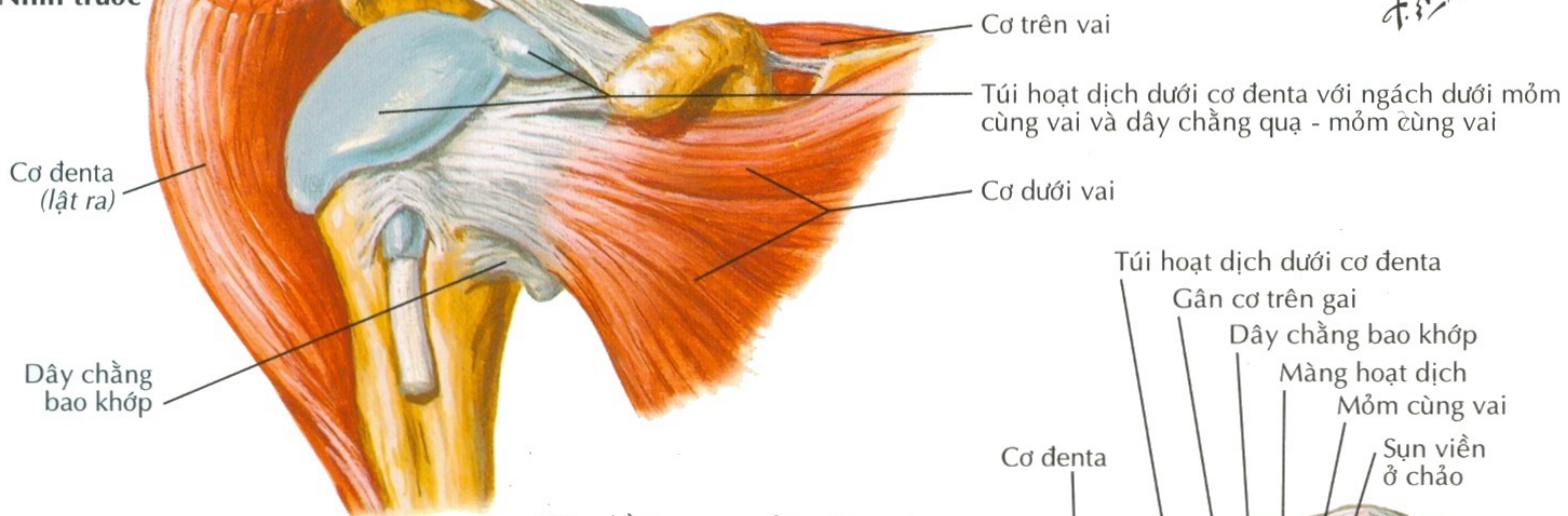




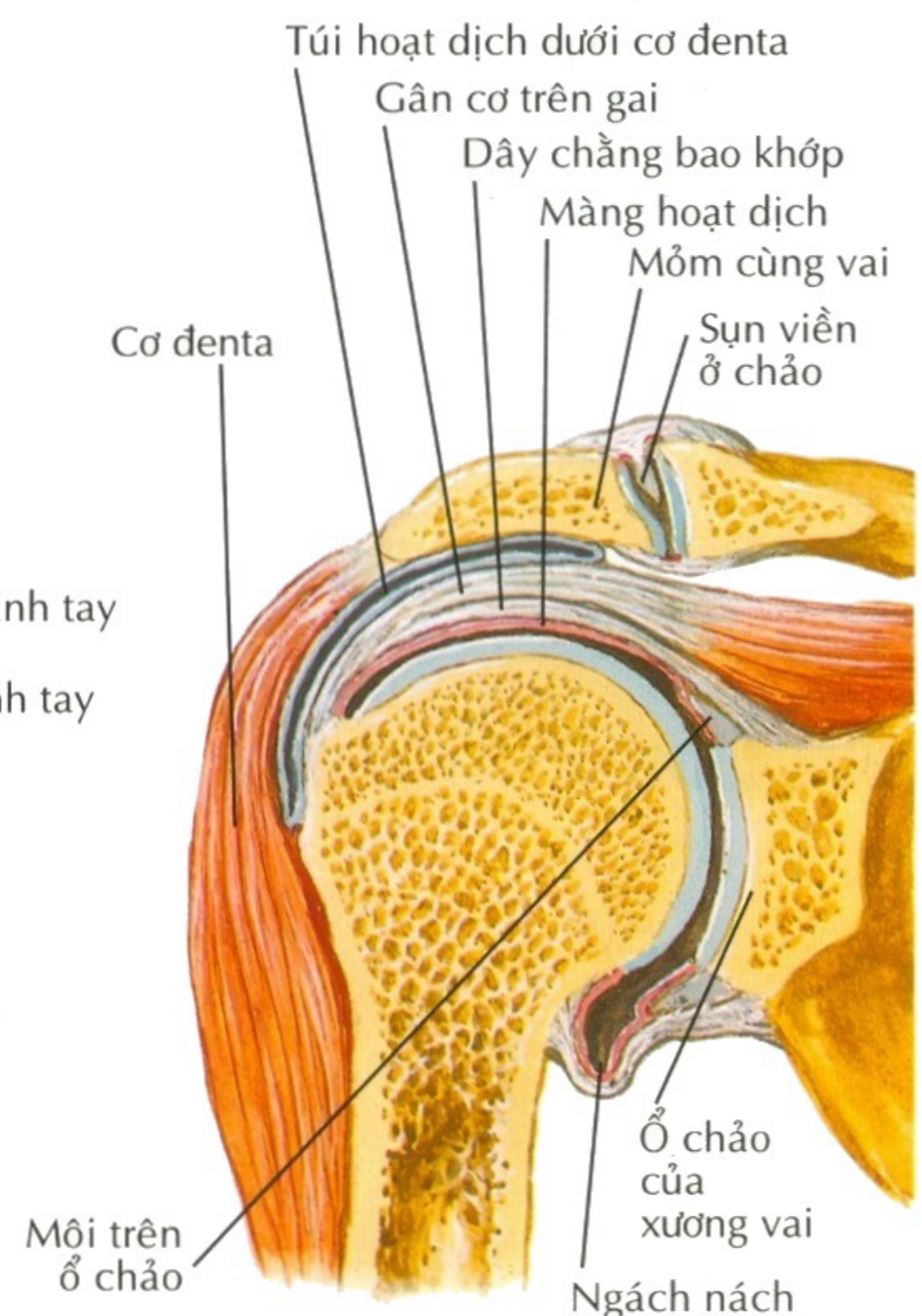
Nhìn trước



Nhìn trước



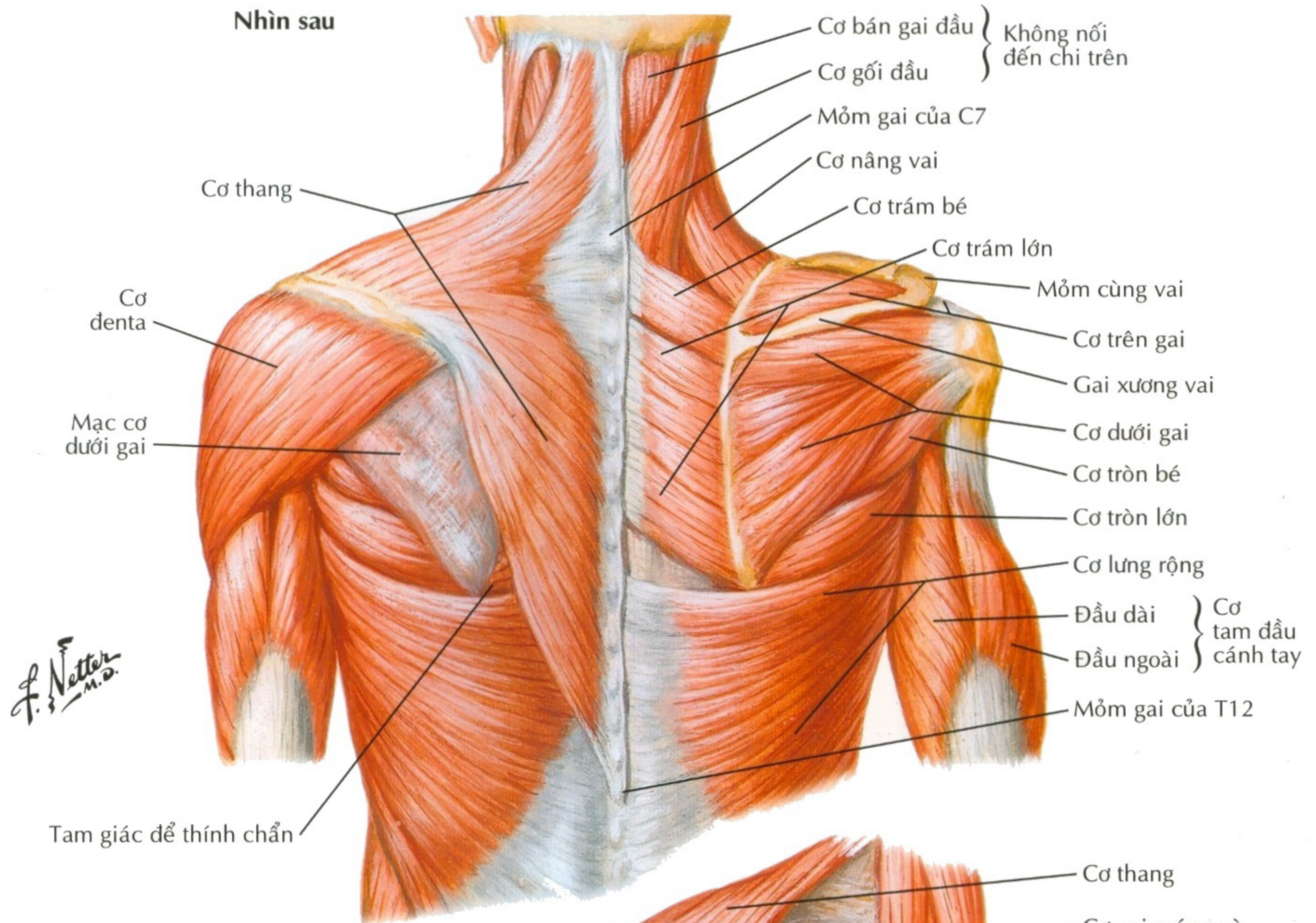
Khớp đã được mở ra: nhìn ngoài



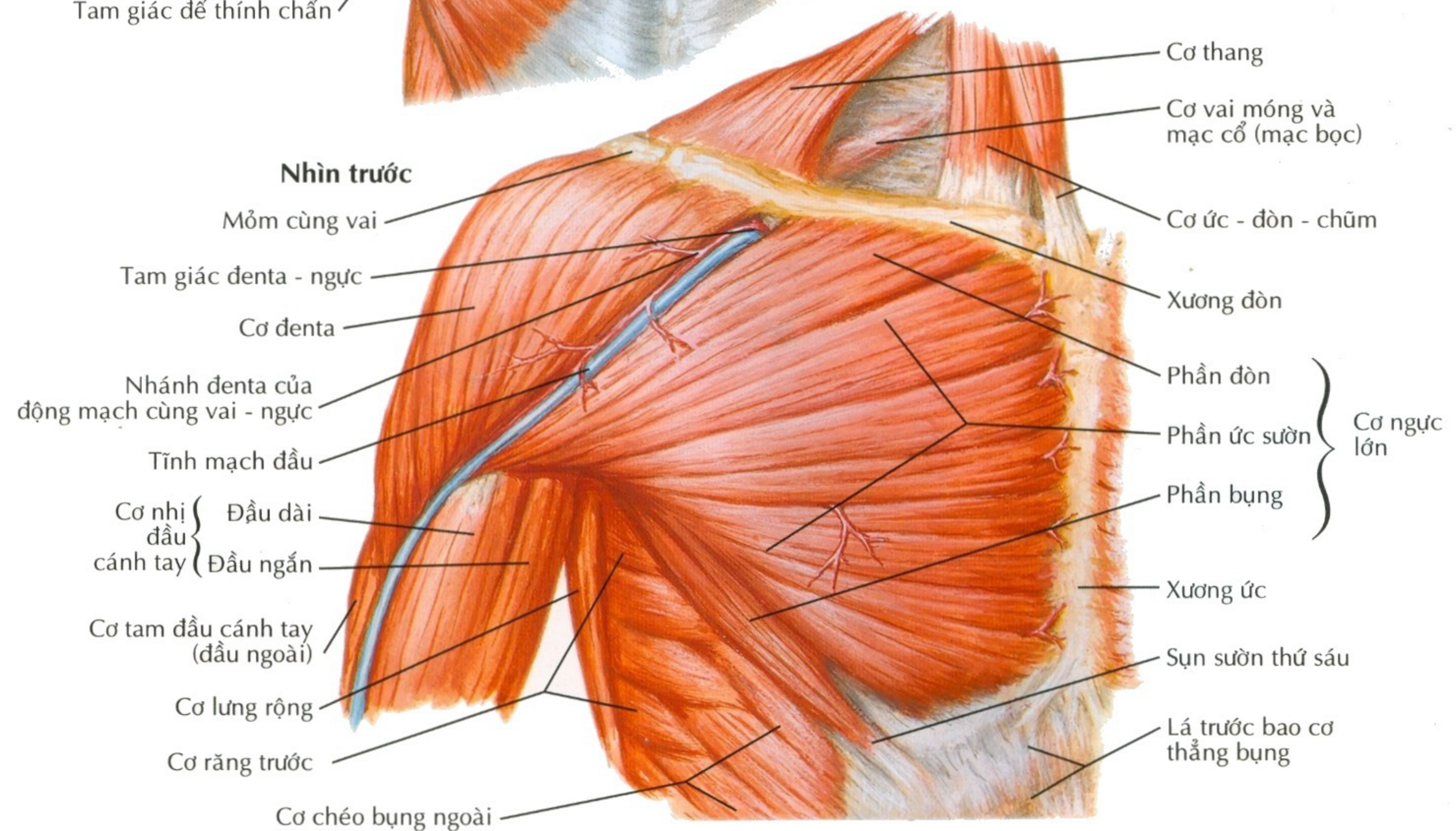
Thiết đồ đứng ngang qua khớp

Xem thêm hình 27, 174, 188, 189

Nhìn sau

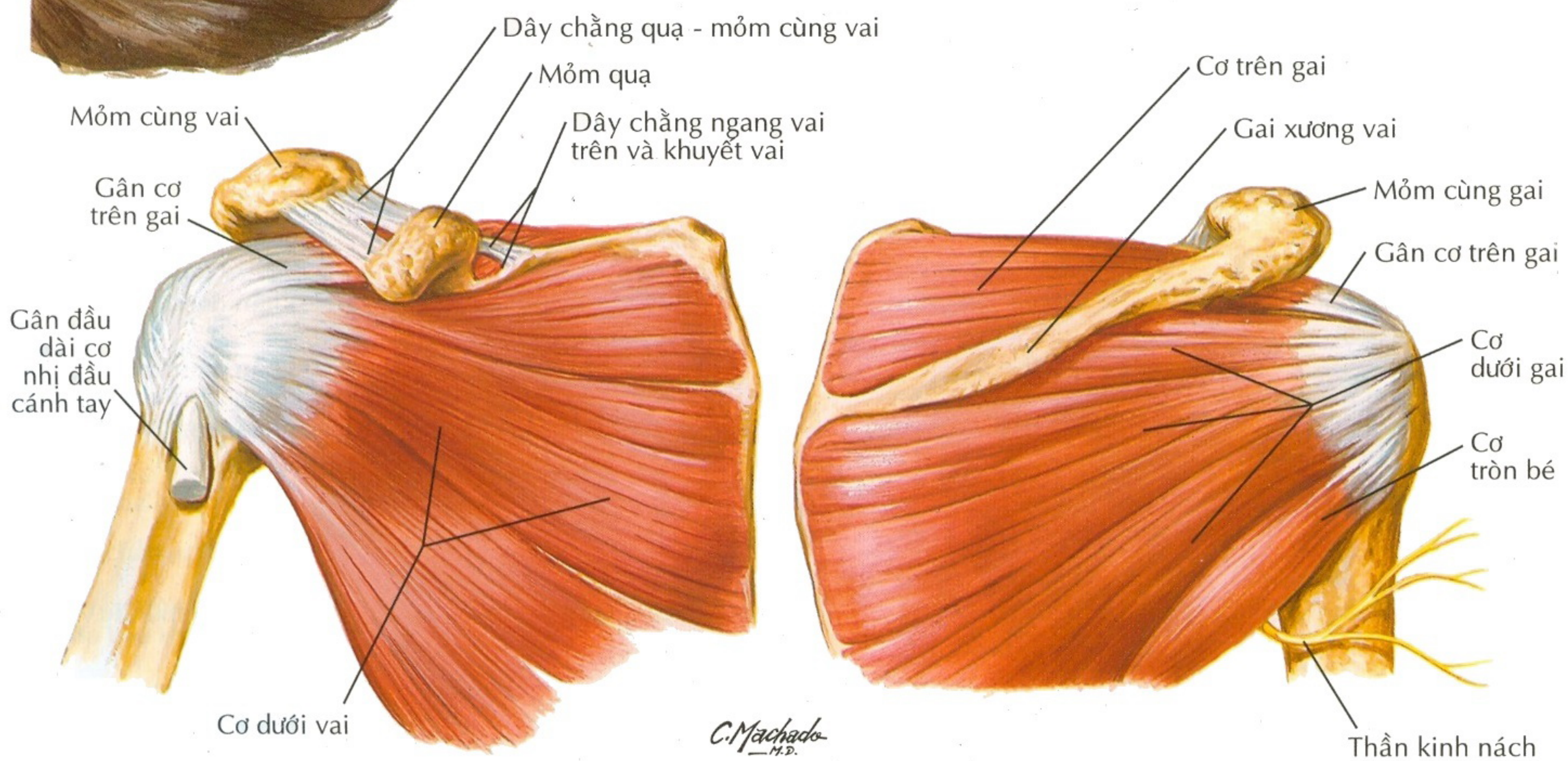
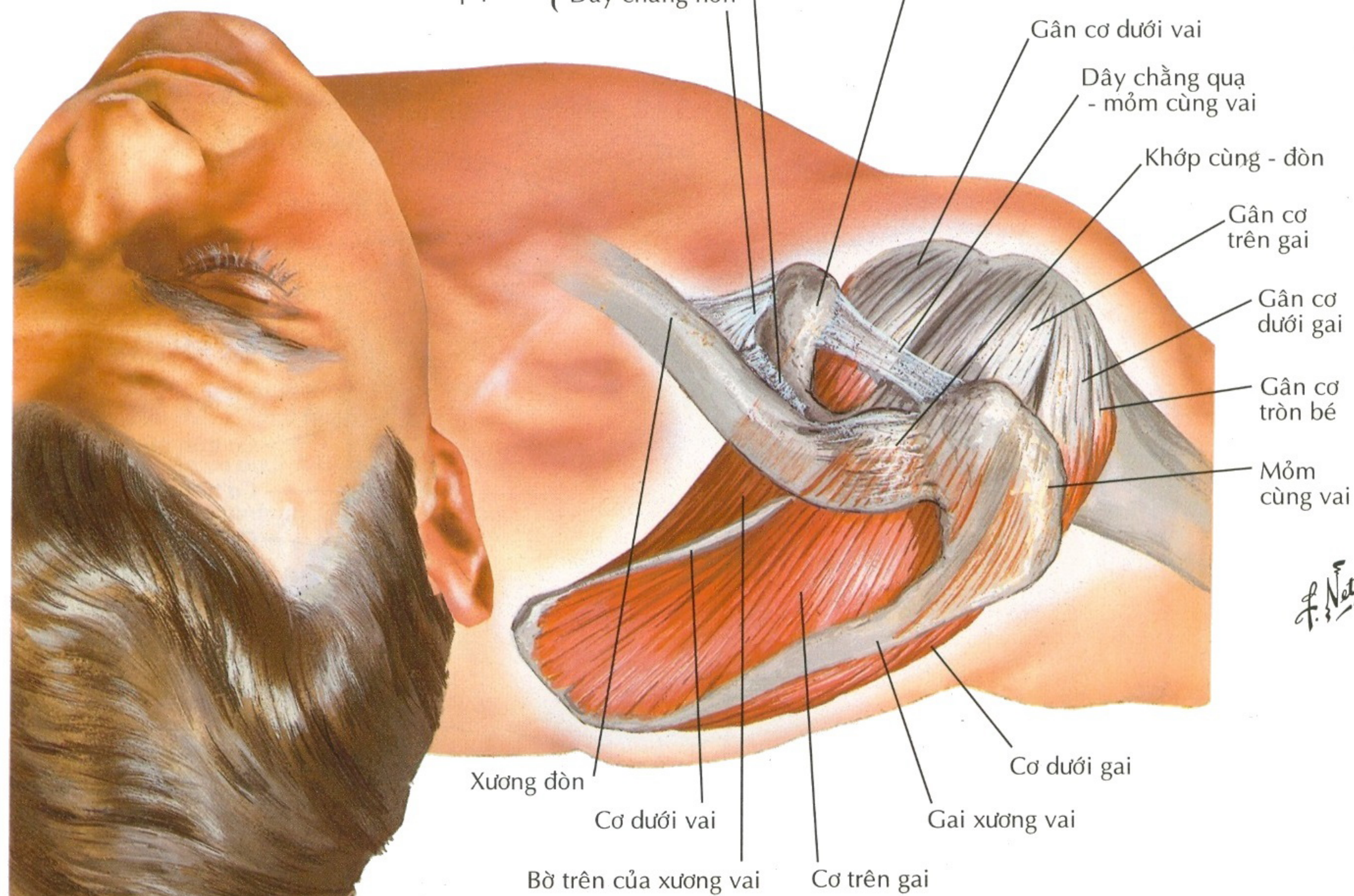


Nhìn trước



Nhìn trên

Dây chằng { Dây chằng thang
qua đòn { Dây chằng nón

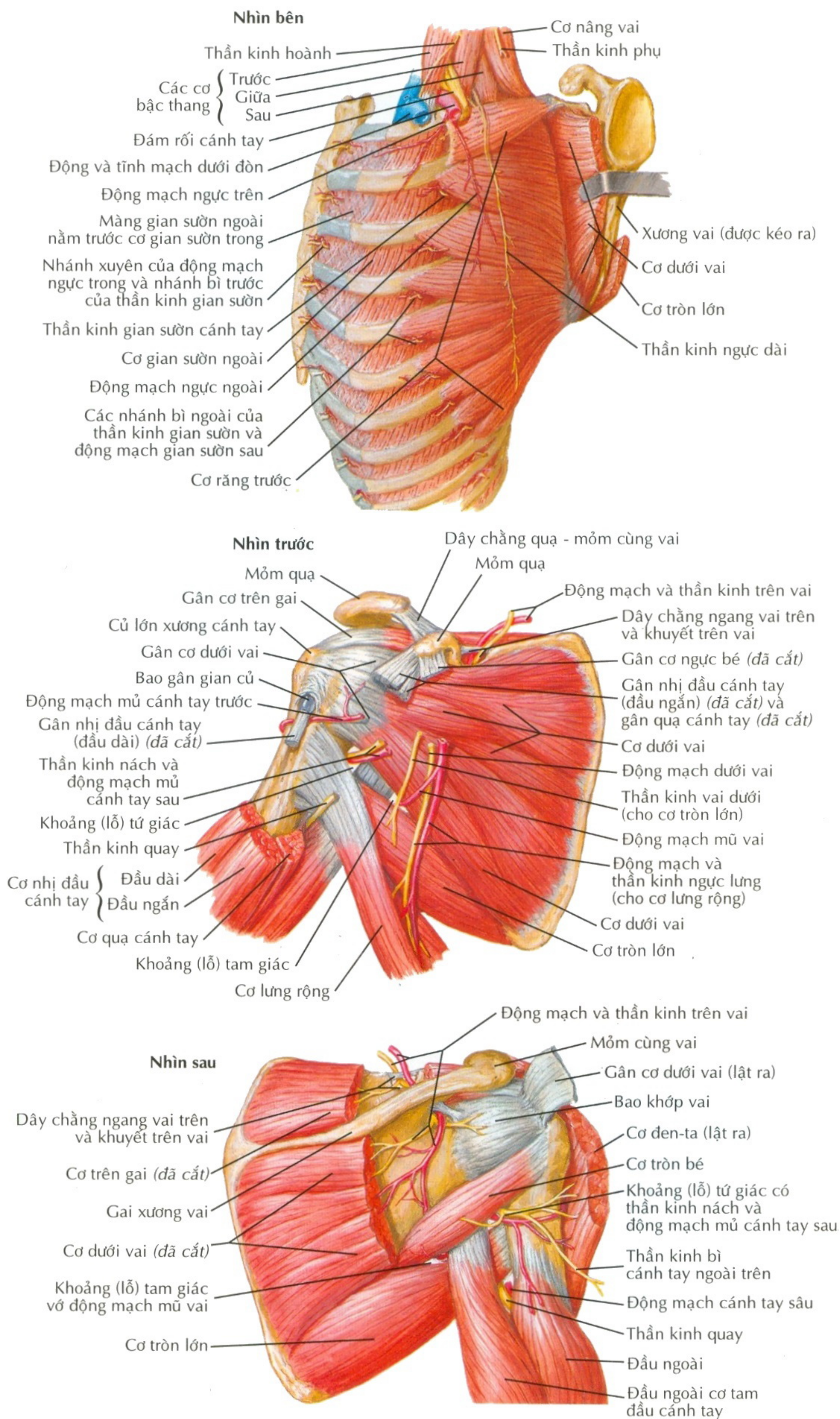


Nhìn trước

Nhìn sau

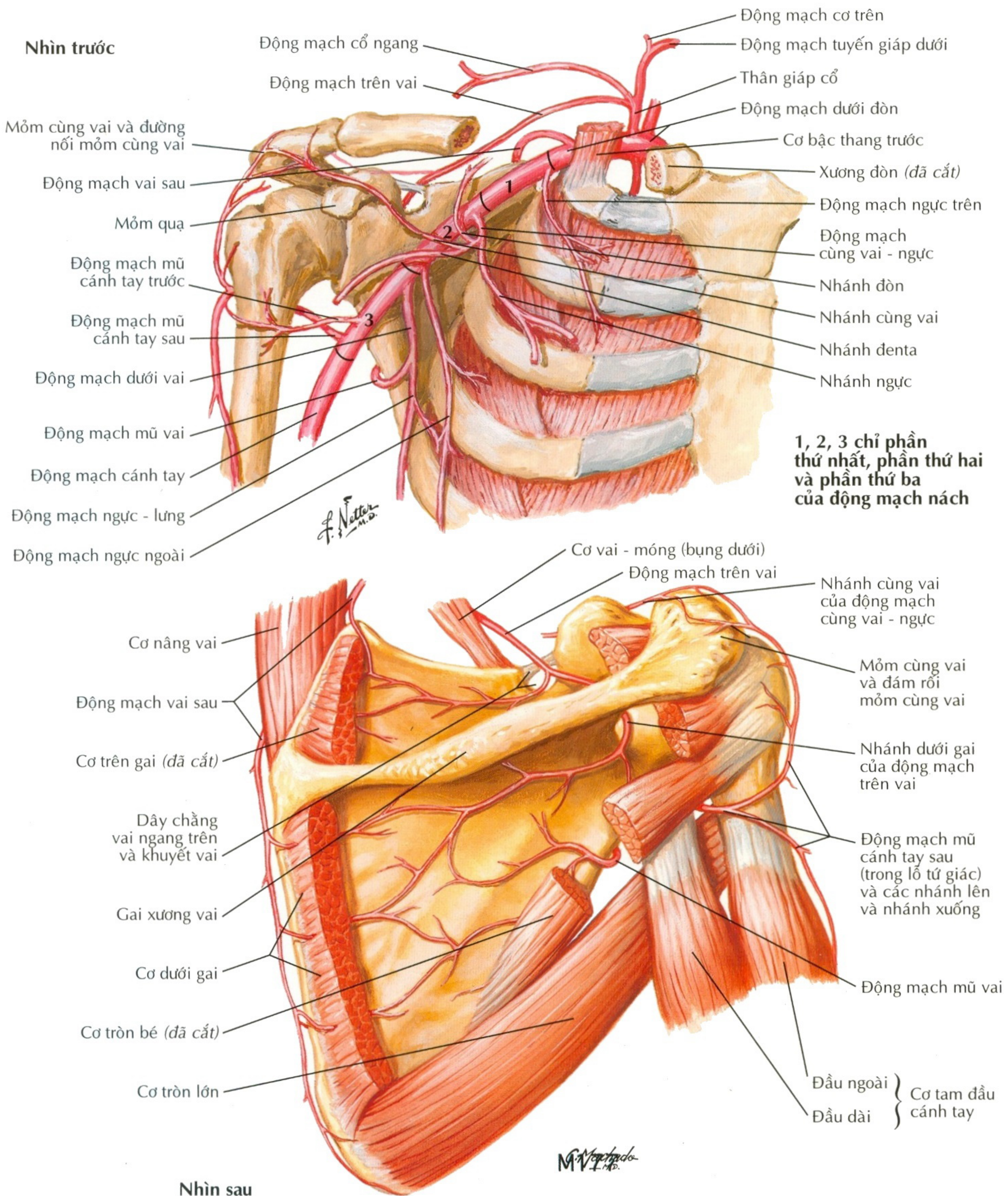
Phẫu Tích Vùng Bả Vai - Cánh Tay

Xem thêm hình 477



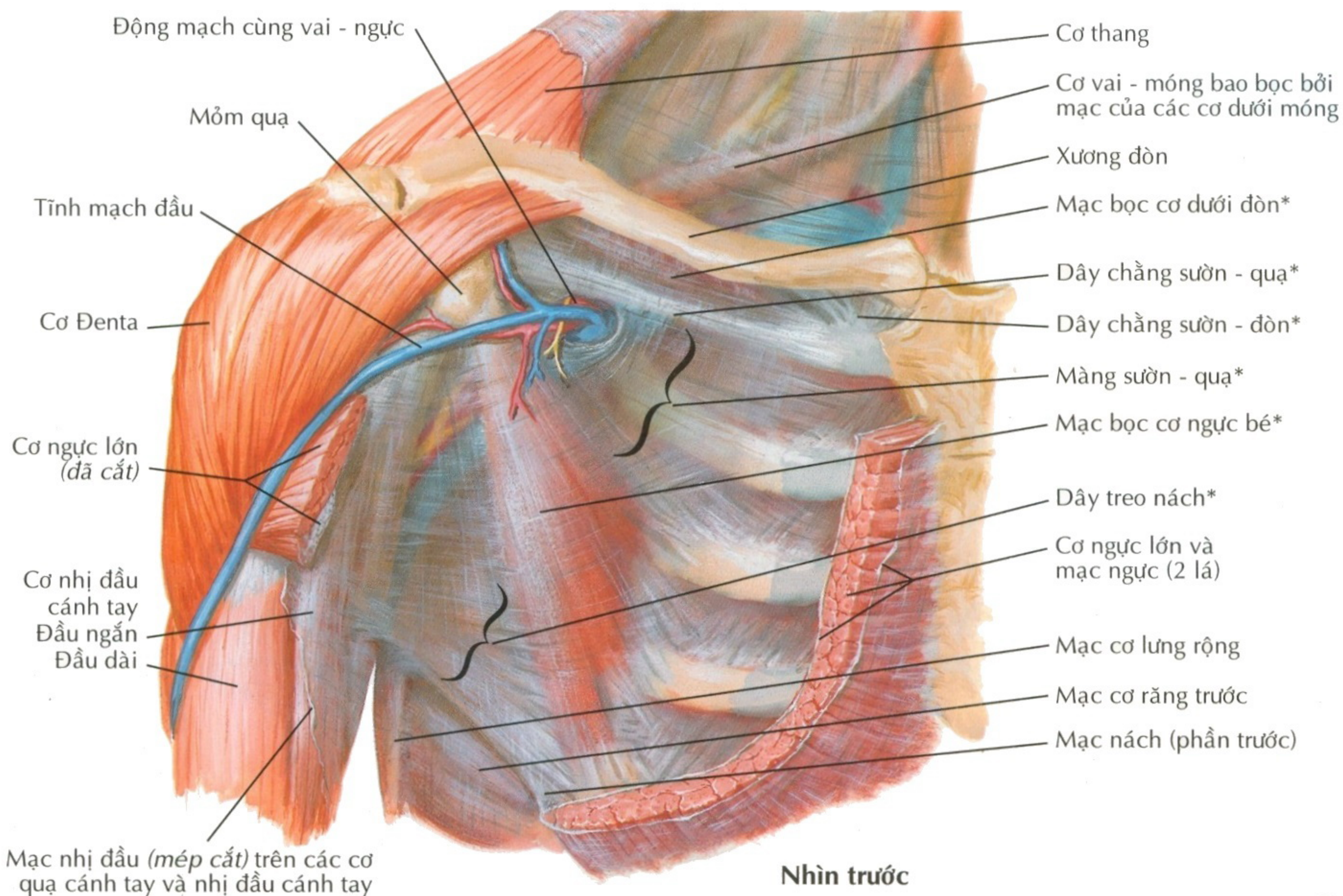
Động Mạch Nách và Vòng Nối Quanh Xương Vai

Xem thêm hình 33, 434



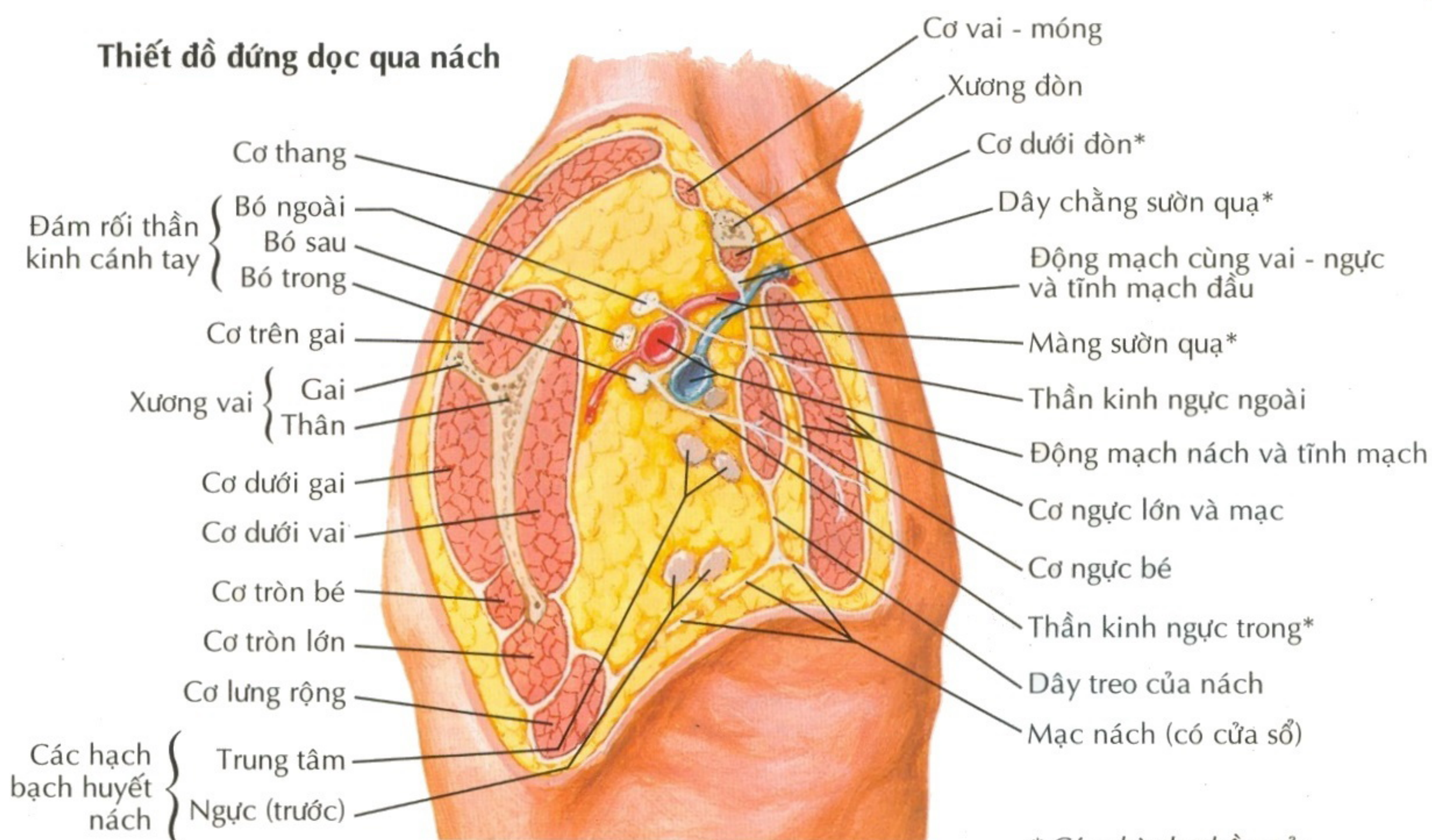
Các Mạc Ngực, Đòn Ngực và Nách

Xem thêm hình 188

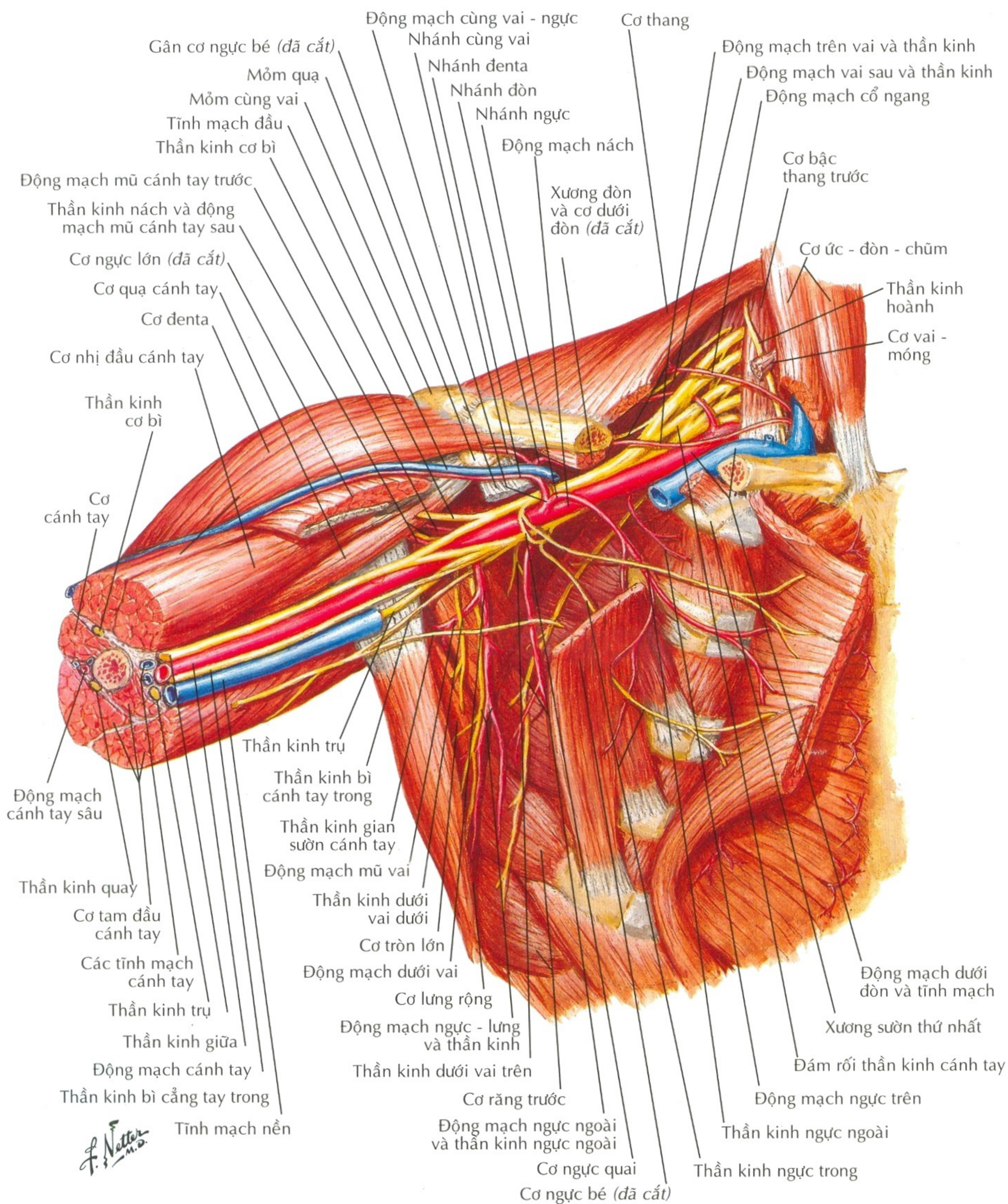


F. Netter M.D.

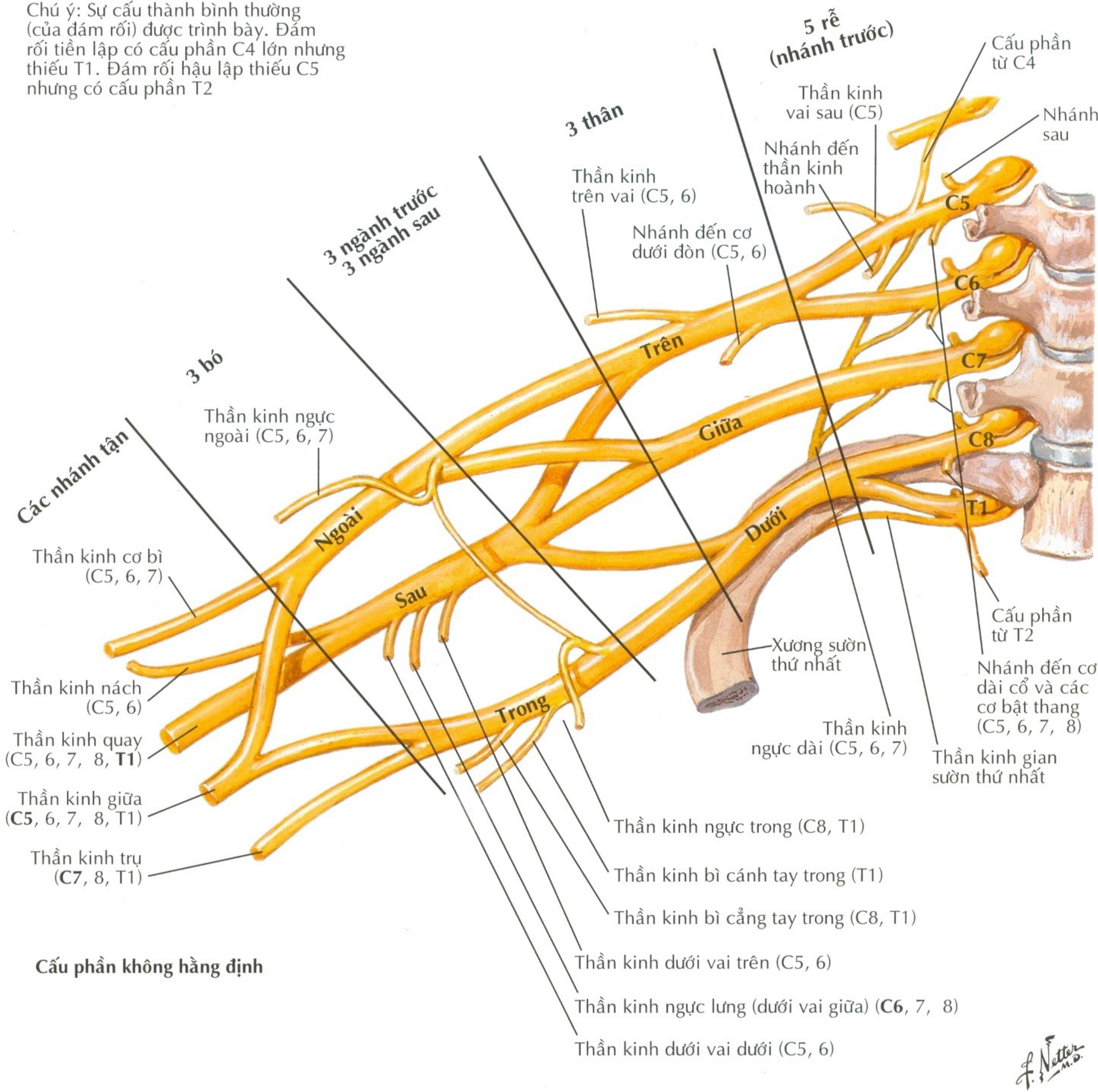
Thiết đồ đứng dọc qua nách



* Các thành phần của mạc đòn - ngực

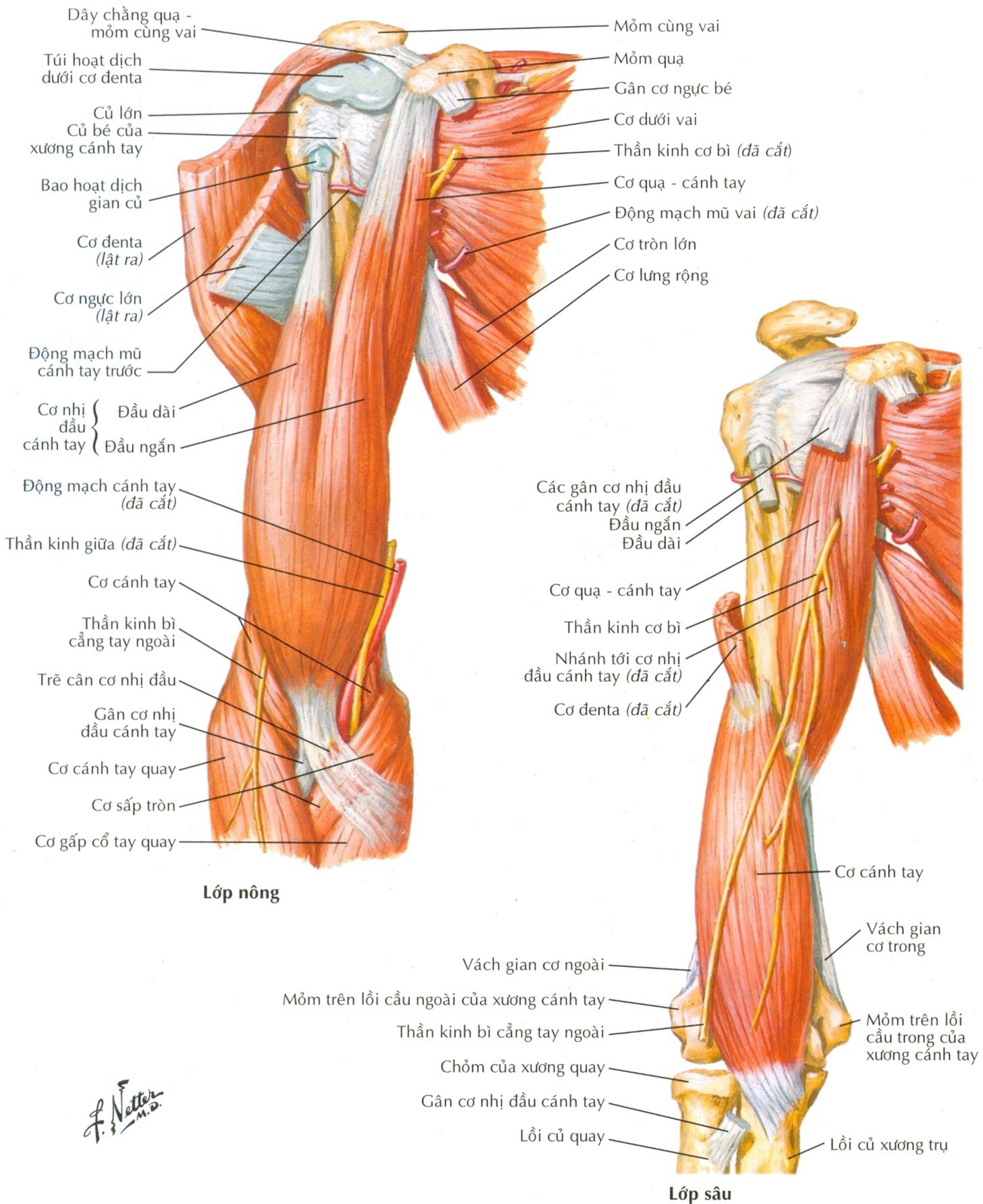


Chú ý: Sự cấu thành bình thường (của đám rối) được trình bày. Đám rối tiền lập có cấu phần C4 lớn nhưng thiếu T1. Đám rối hậu lập thiếu C5 nhưng có cấu phần T2



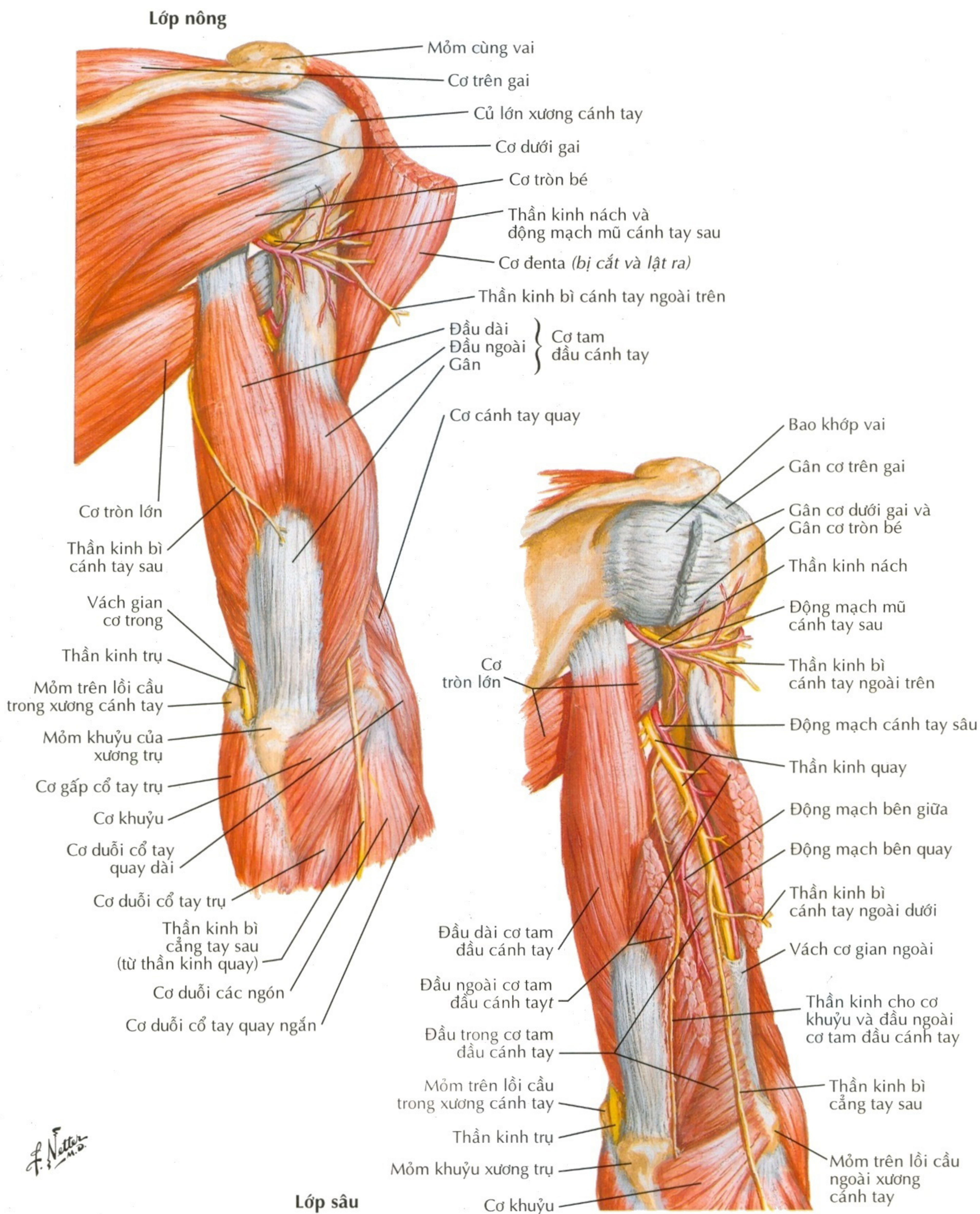
F. Netter M.D.

Xem thêm hình 474

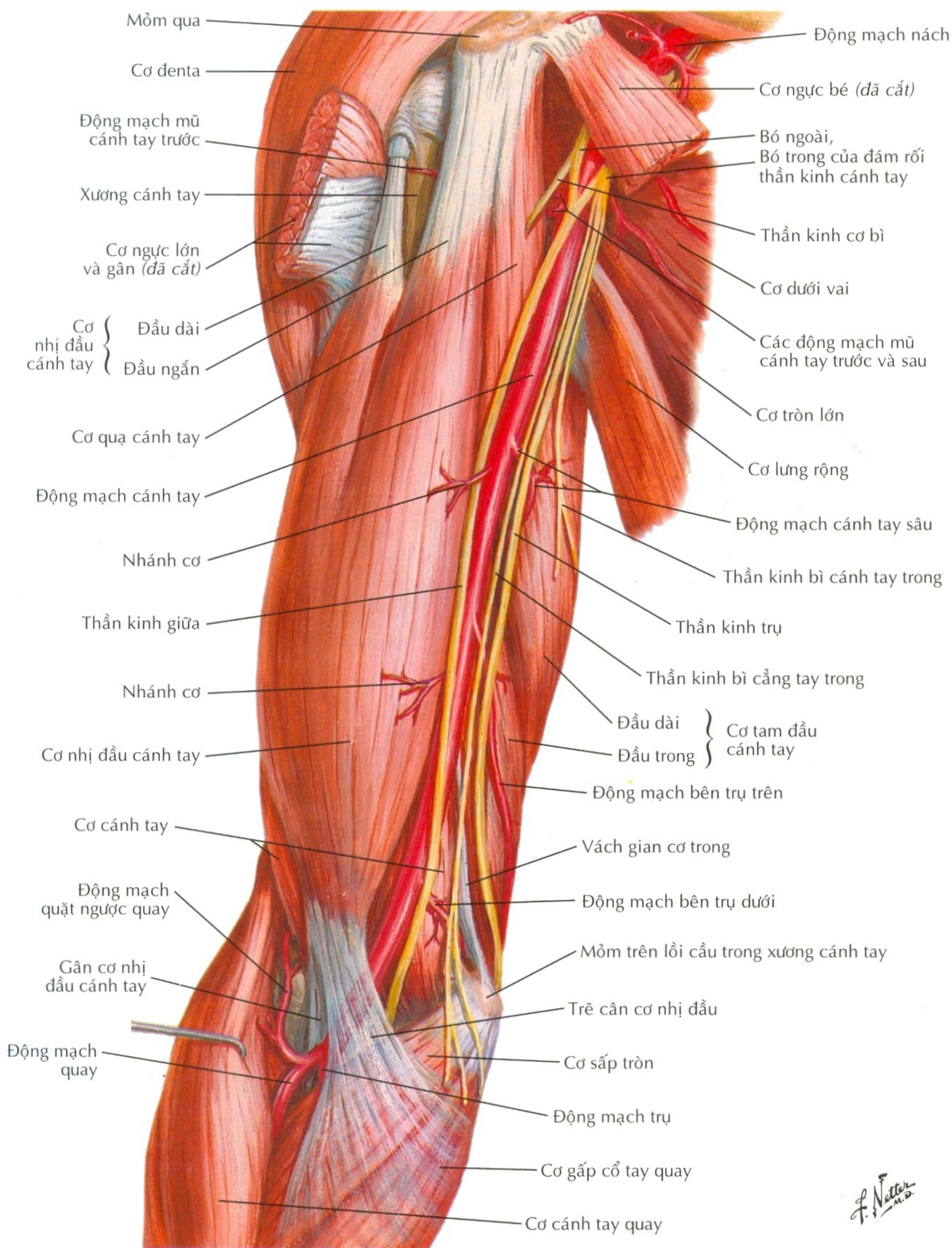


Các Cơ của Cánh Tay: Nhìn Sau

Xem thêm hình 477



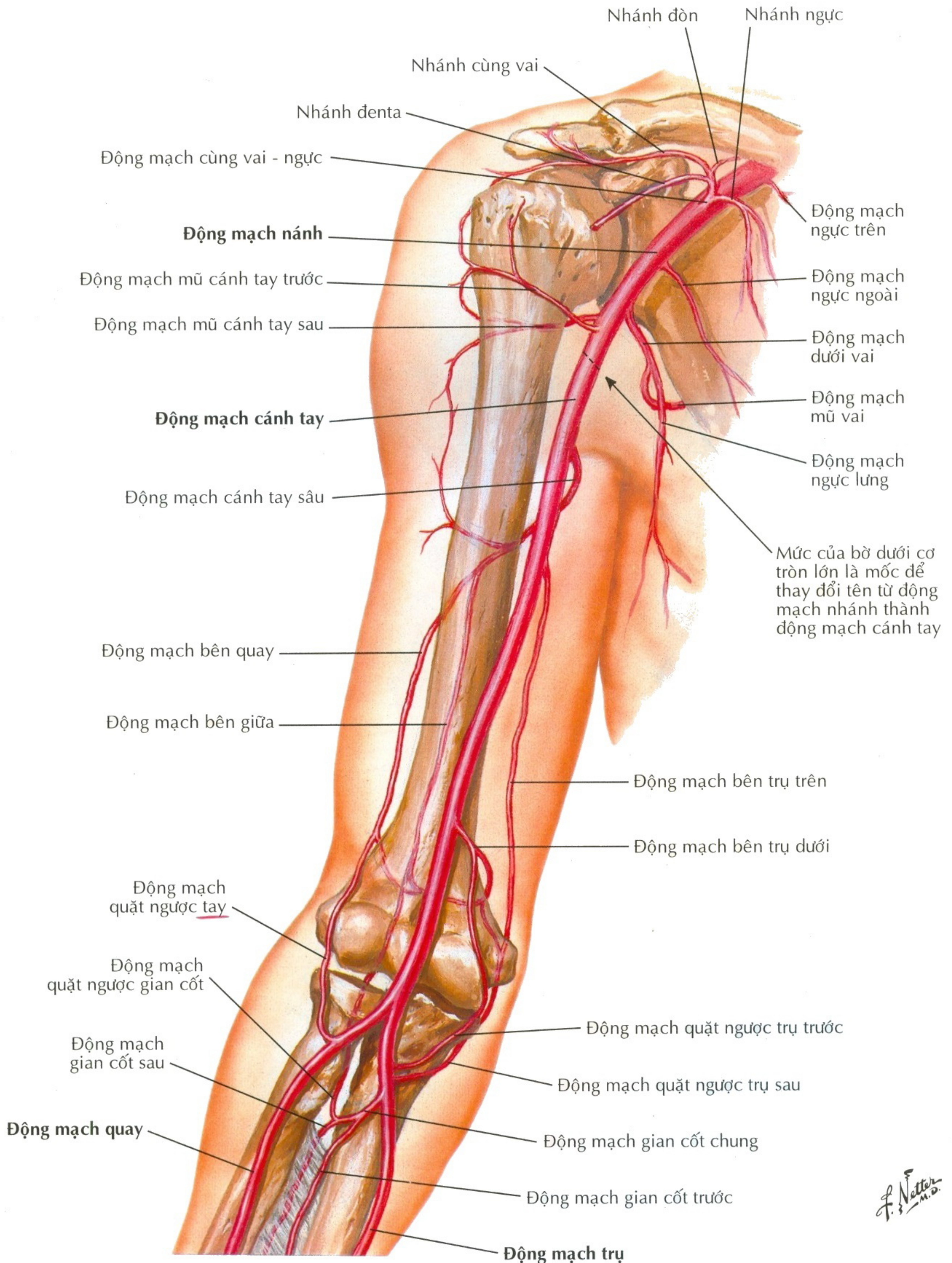
Động Mạch Cánh Tay ở Tại Chỗ



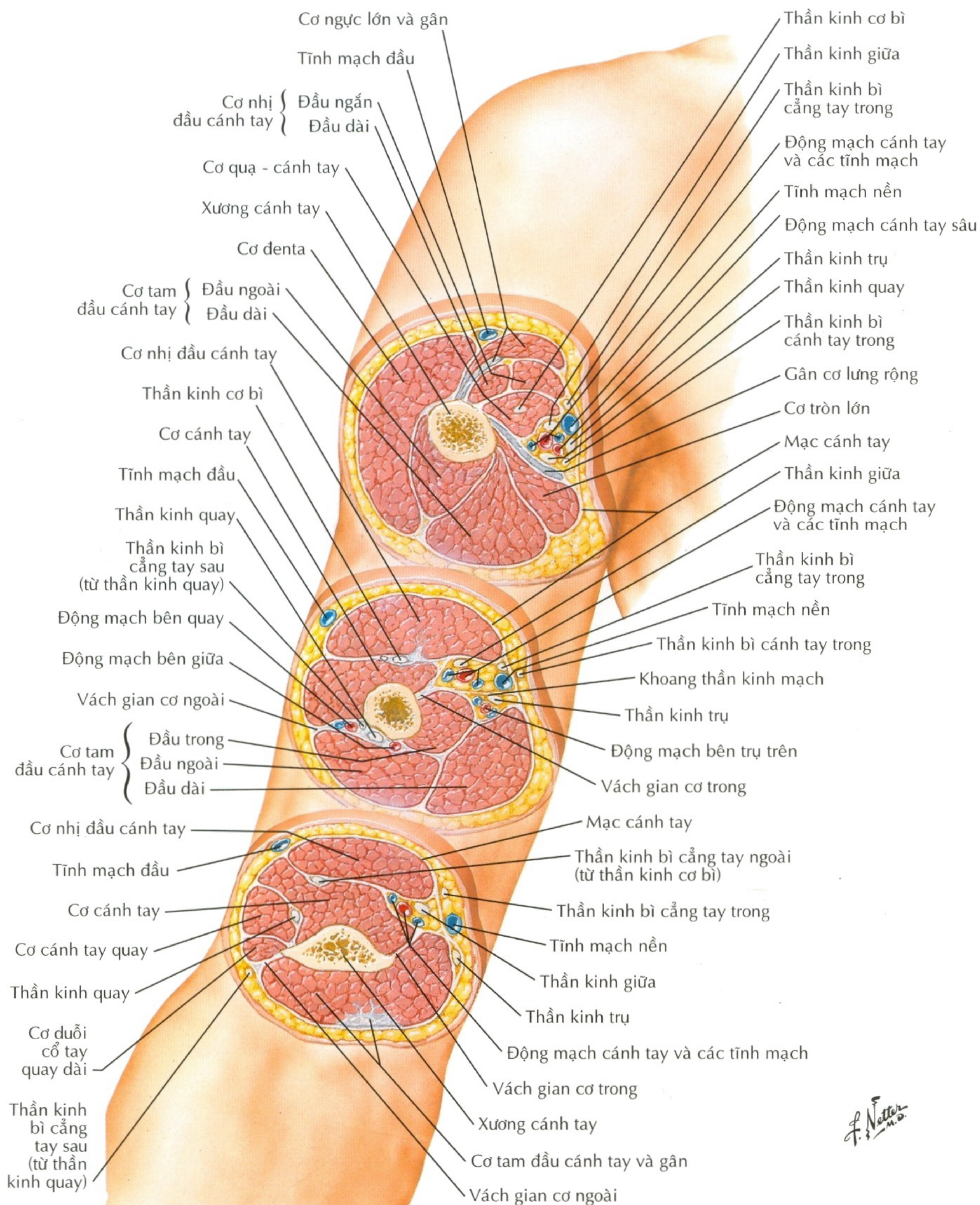
F. Netter
M.D.

Động Mạch Cánh Tay và Các Vòng Nối Quan Khuyết

Xem thêm hình 427

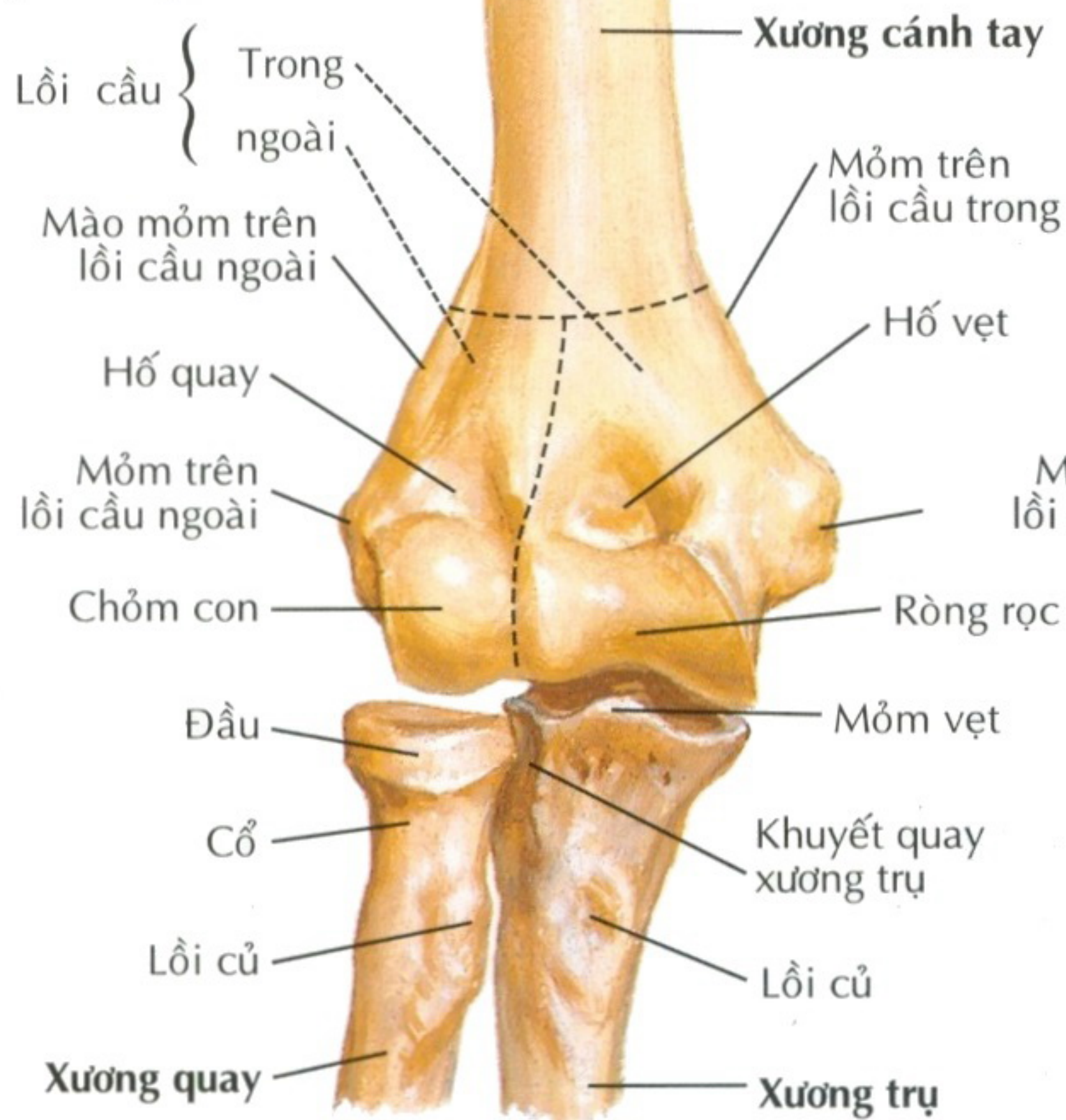


F. Netter M.D.

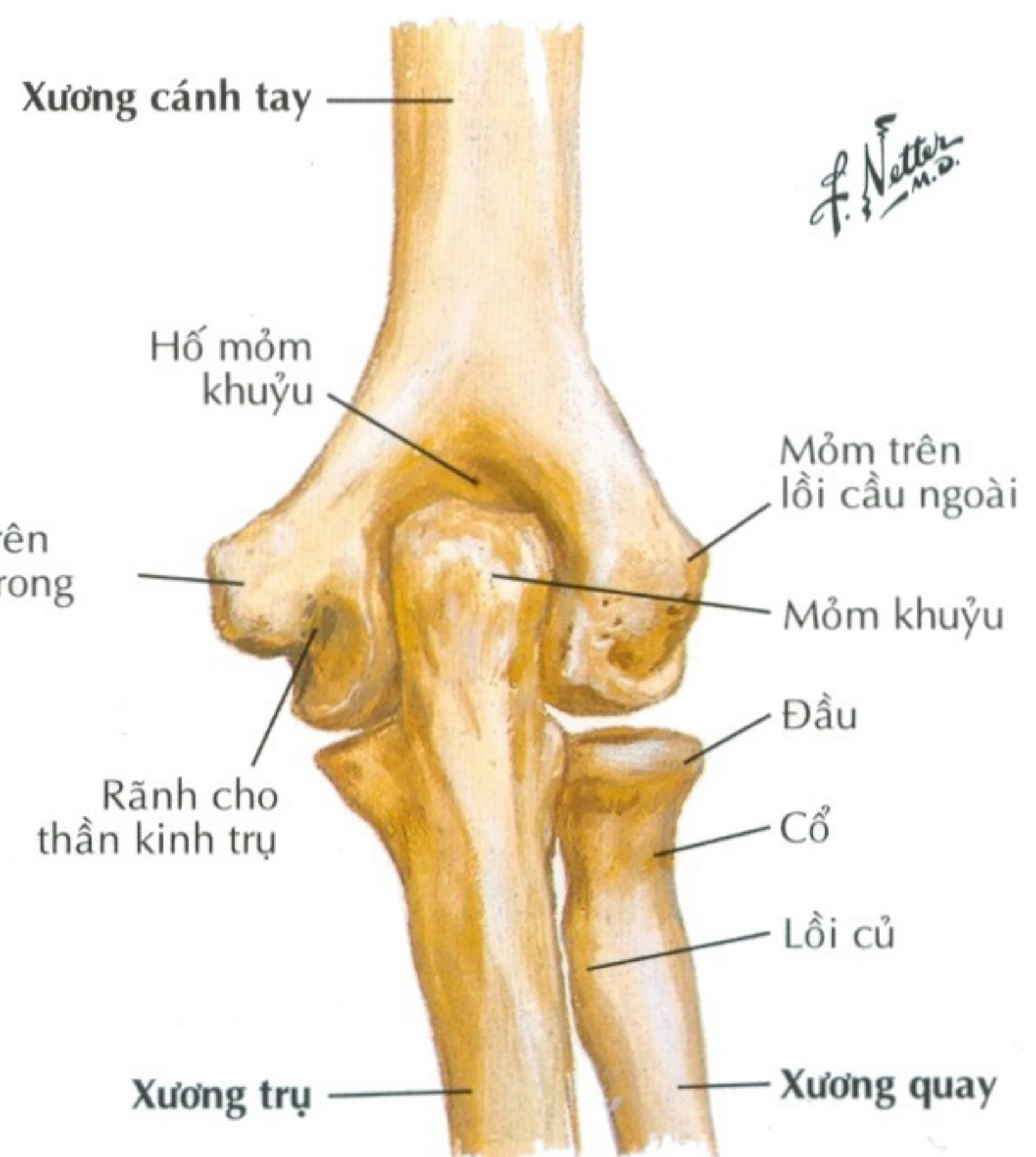


F. Netter M.D.

Khuỷu bên phải



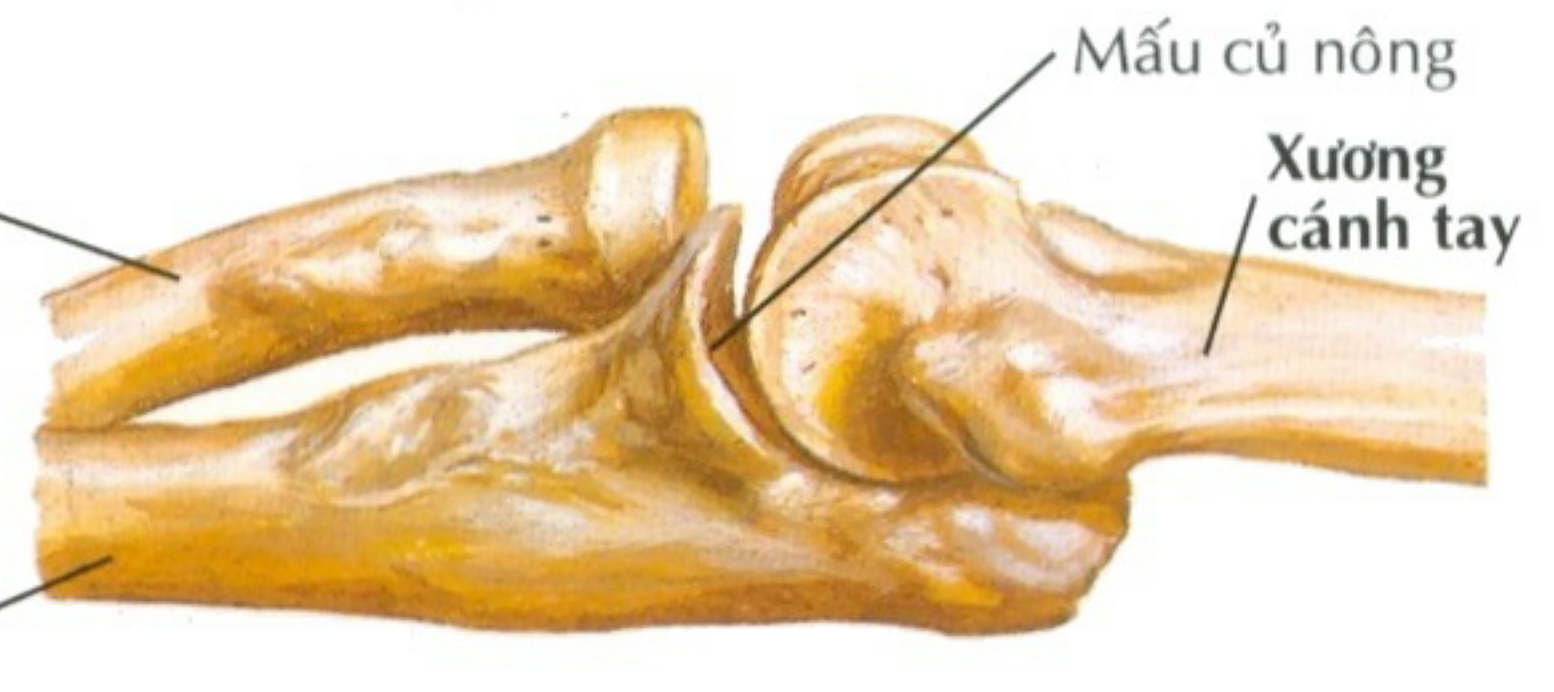
Trong tư thế duỗi: nhìn trước



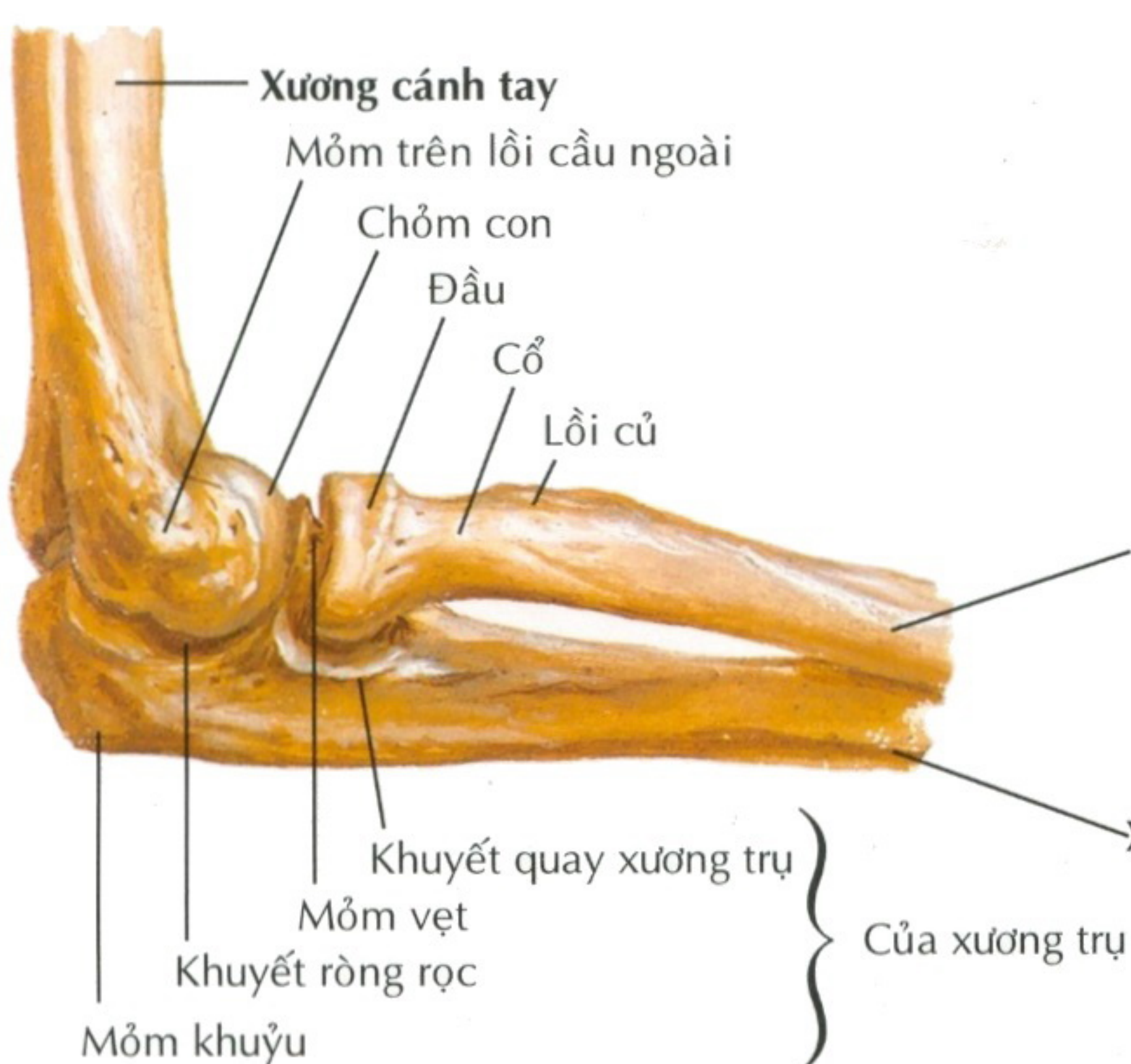
Trong tư thế duỗi: nhìn sau



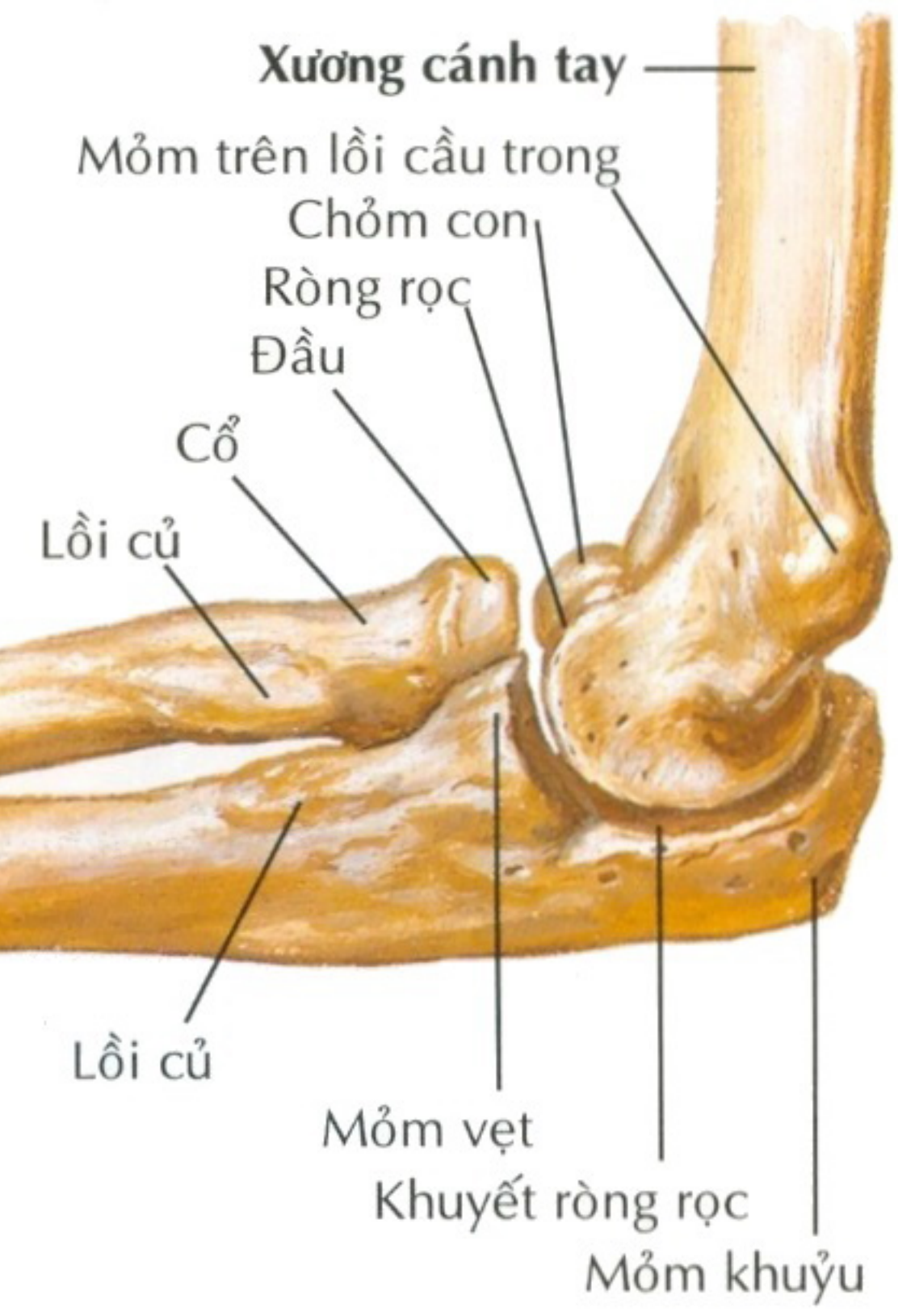
Trong tư thế duỗi: nhìn ngoài



Trong tư thế duỗi: nhìn trong

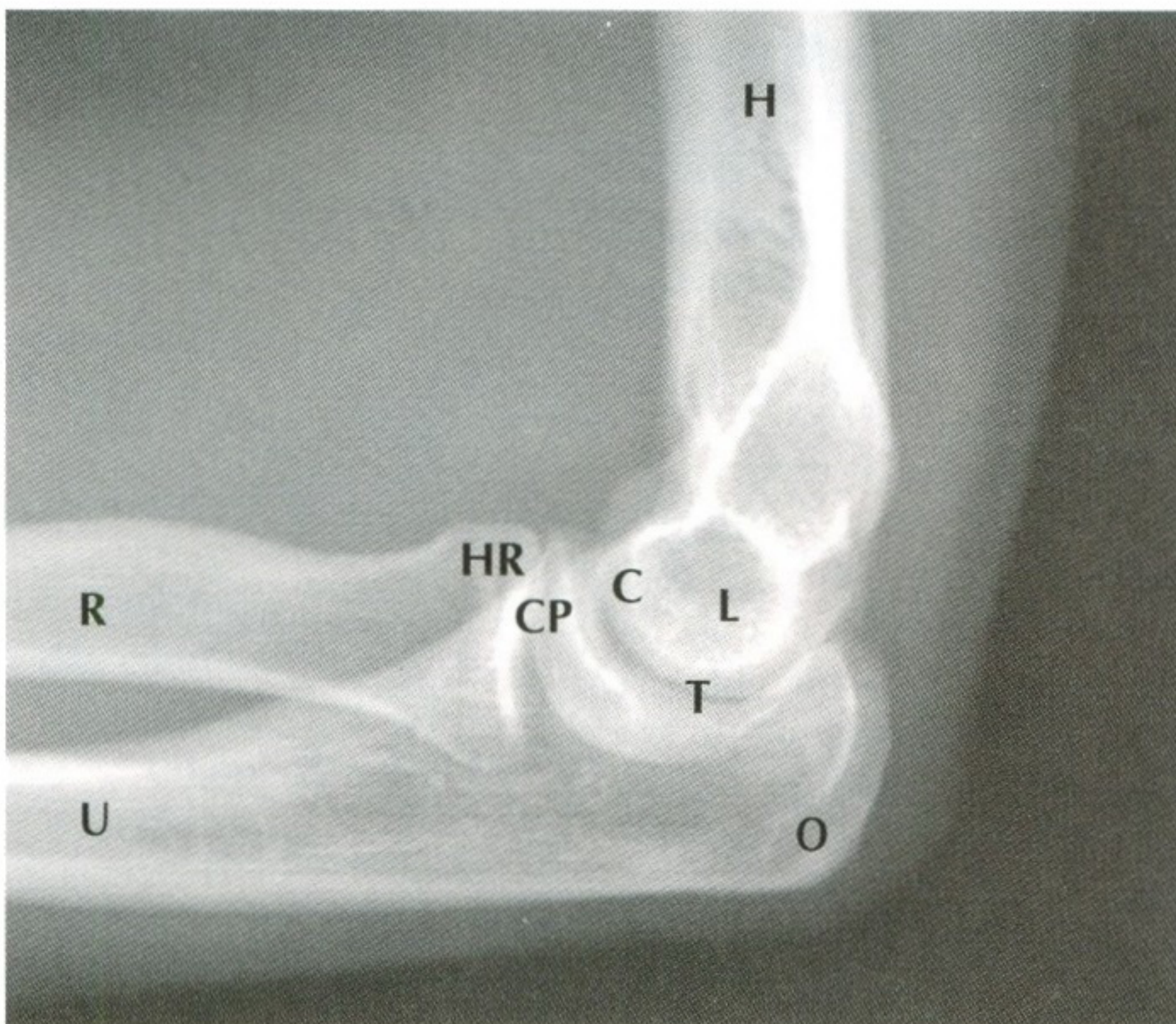


Trong tư thế gấp 90°: nhìn ngoài



Trong tư thế gấp 90°: nhìn trong

Xem thêm hình 436

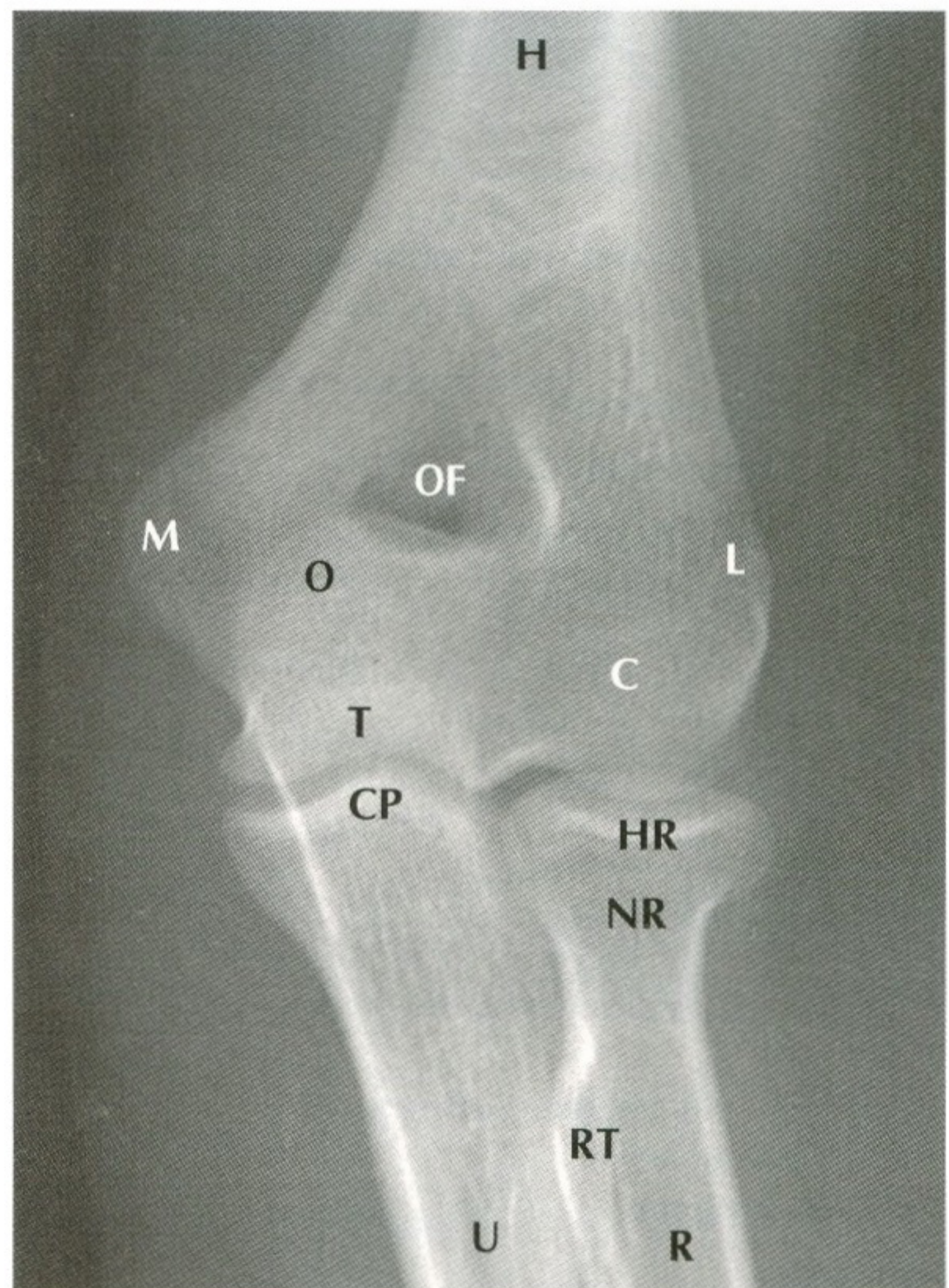


Phim chụp bên

C	Chỏm con
CP	Mỏm vẹt xương trụ
H	Xương cánh tay
HR	Chỏm xương trụ
L	Lồi cầu ngoài
O	Mỏm khuỷu
R	Xương quay
T	Khuyết rỗng rọc
U	Xương trụ

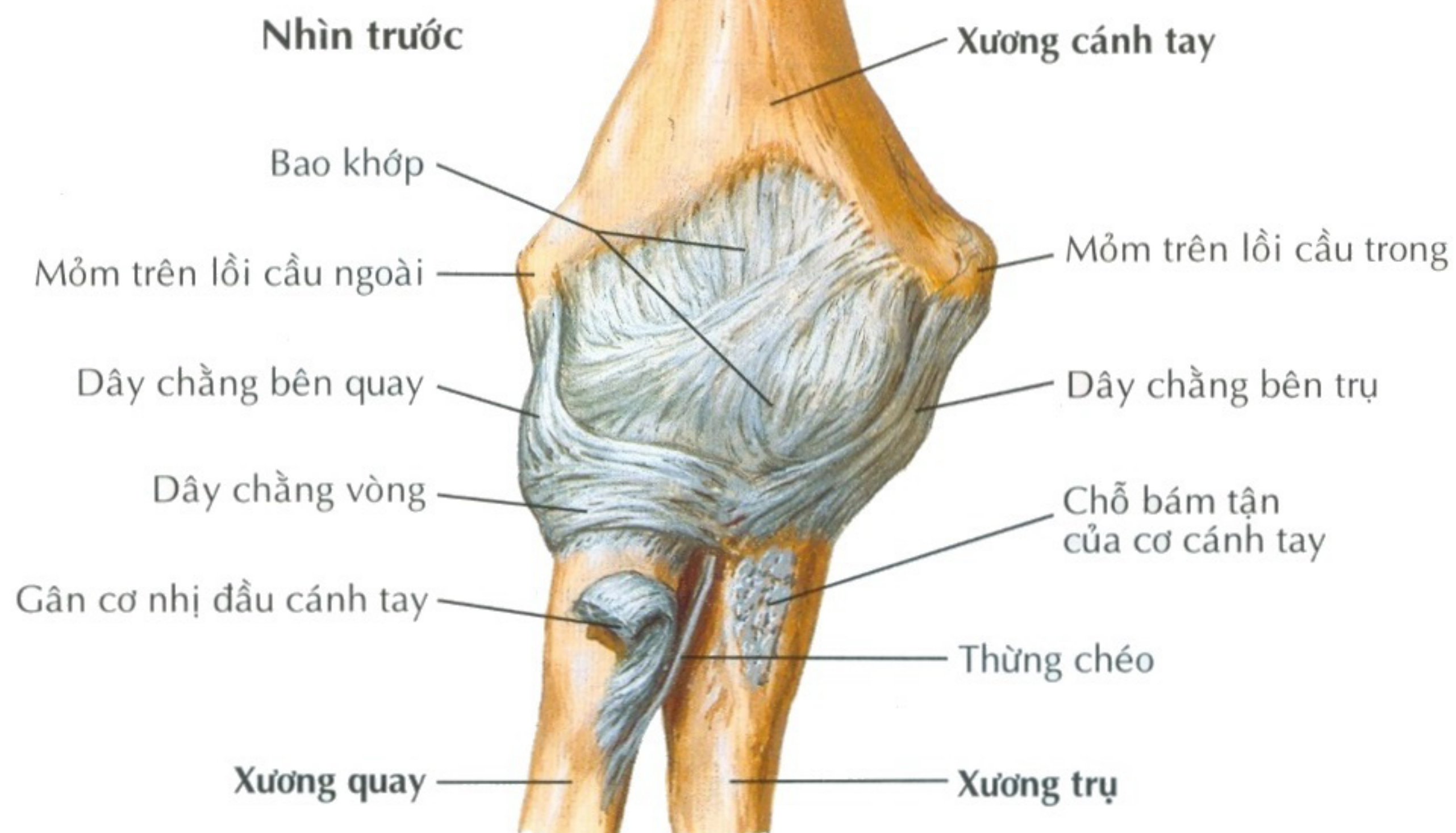
Phim chụp trước - sau

C	Chỏm con
CP	Mỏm vẹt xương trụ
H	Xương cánh tay
HR	Chỏm xương trụ
L	Lồi cầu ngoài
M	Mỏm trên lồi cầu trong
NR	Cổ xương quay
O	Mỏm khuỷu
OF	Hố mỏm khuỷu
R	Xương quay
T	Khuyết rỗng rọc
RT	Lồi củ quay
U	Xương trụ

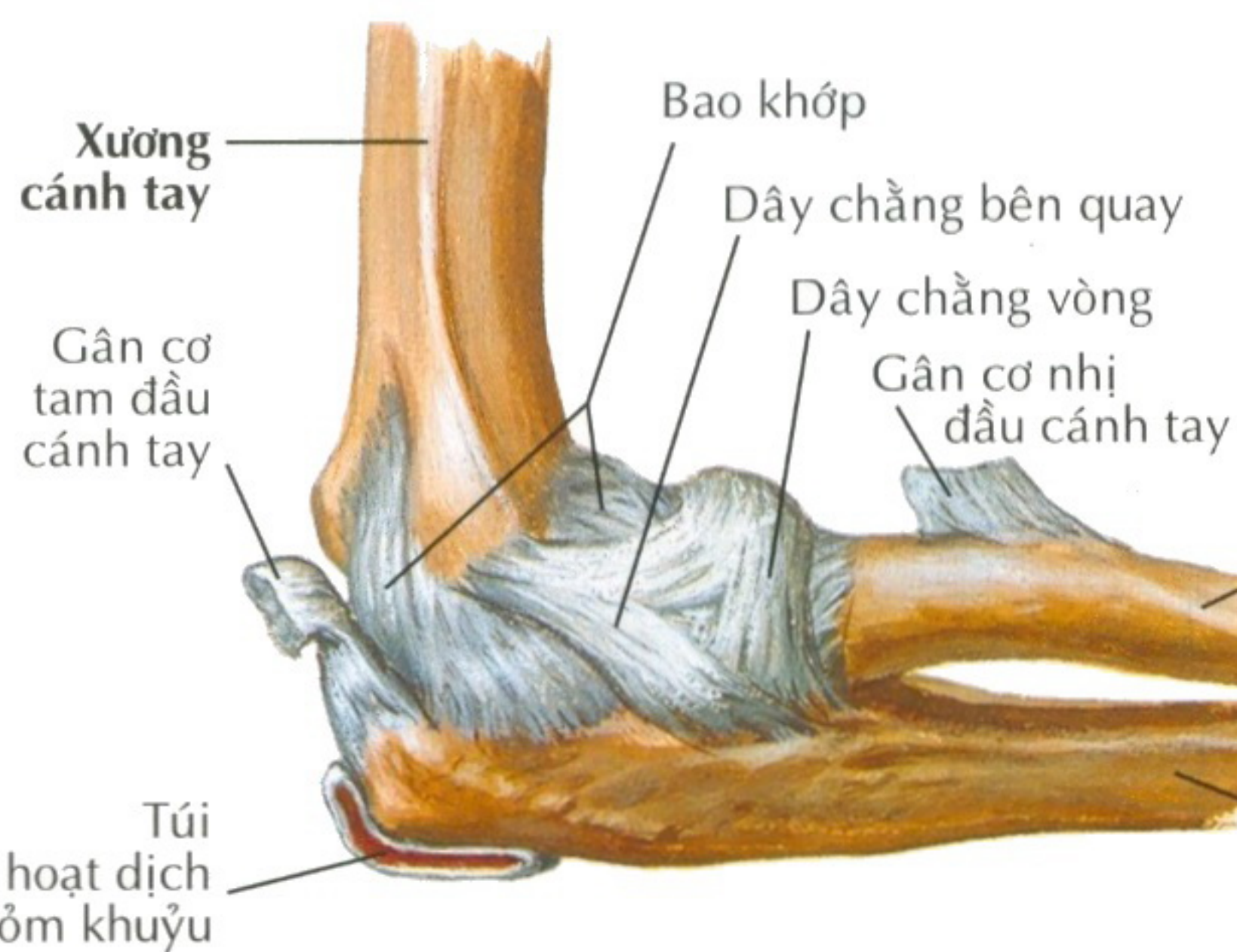


Khuỷu bên phải

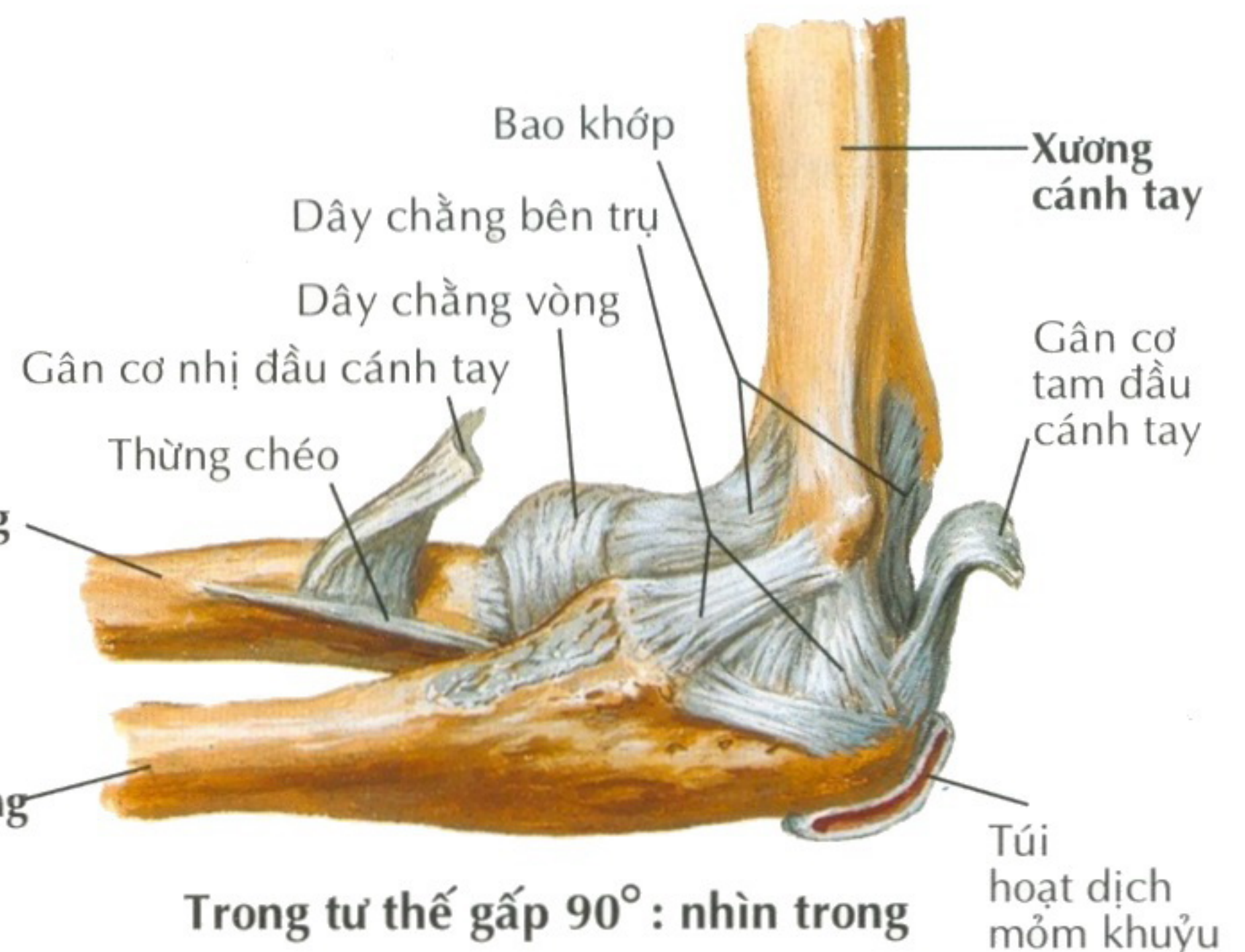
Nhìn trước



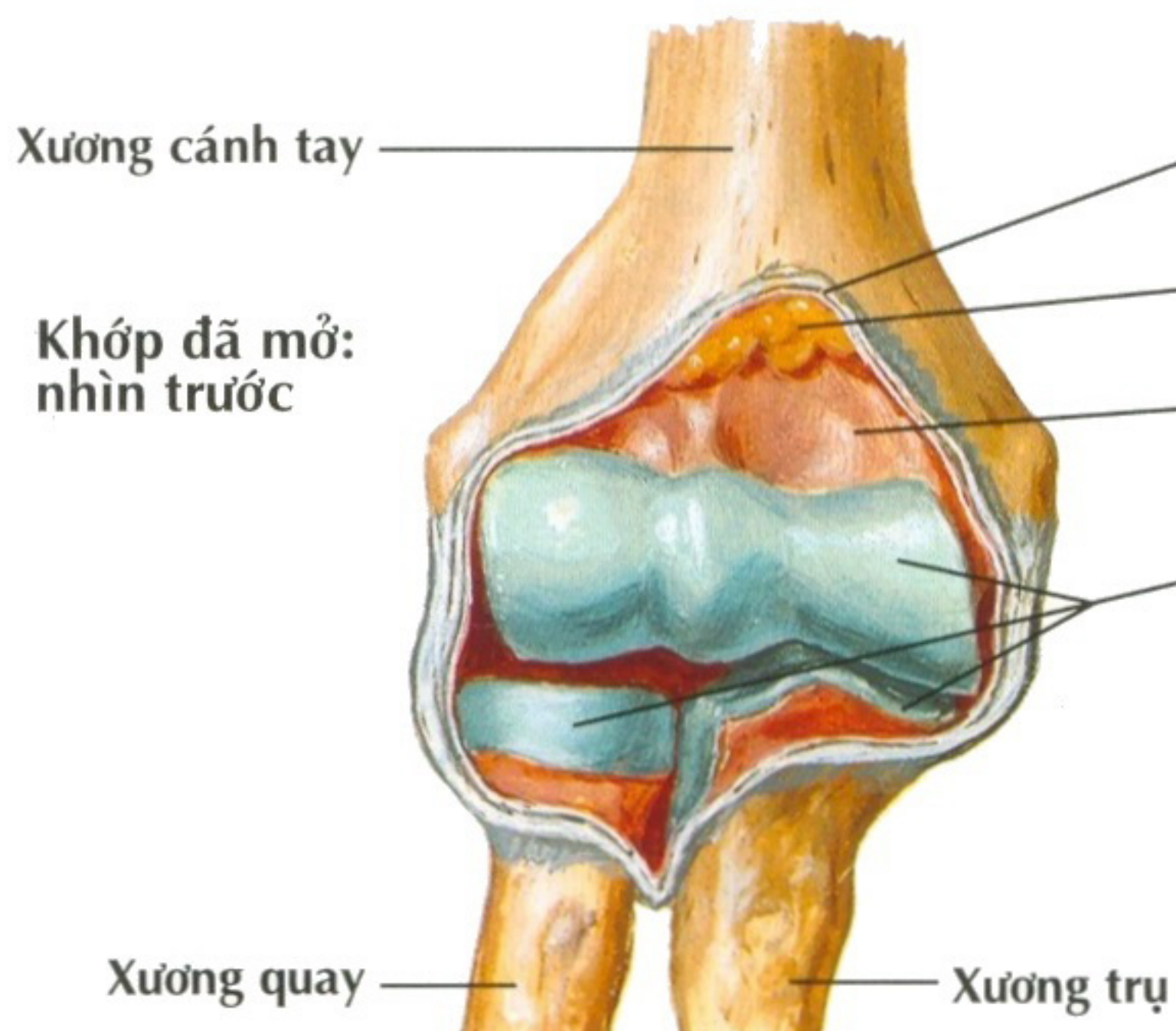
F. Netter M.D.



Trong tư thế gấp 90°: nhìn ngoài



Trong tư thế gấp 90°: nhìn trong

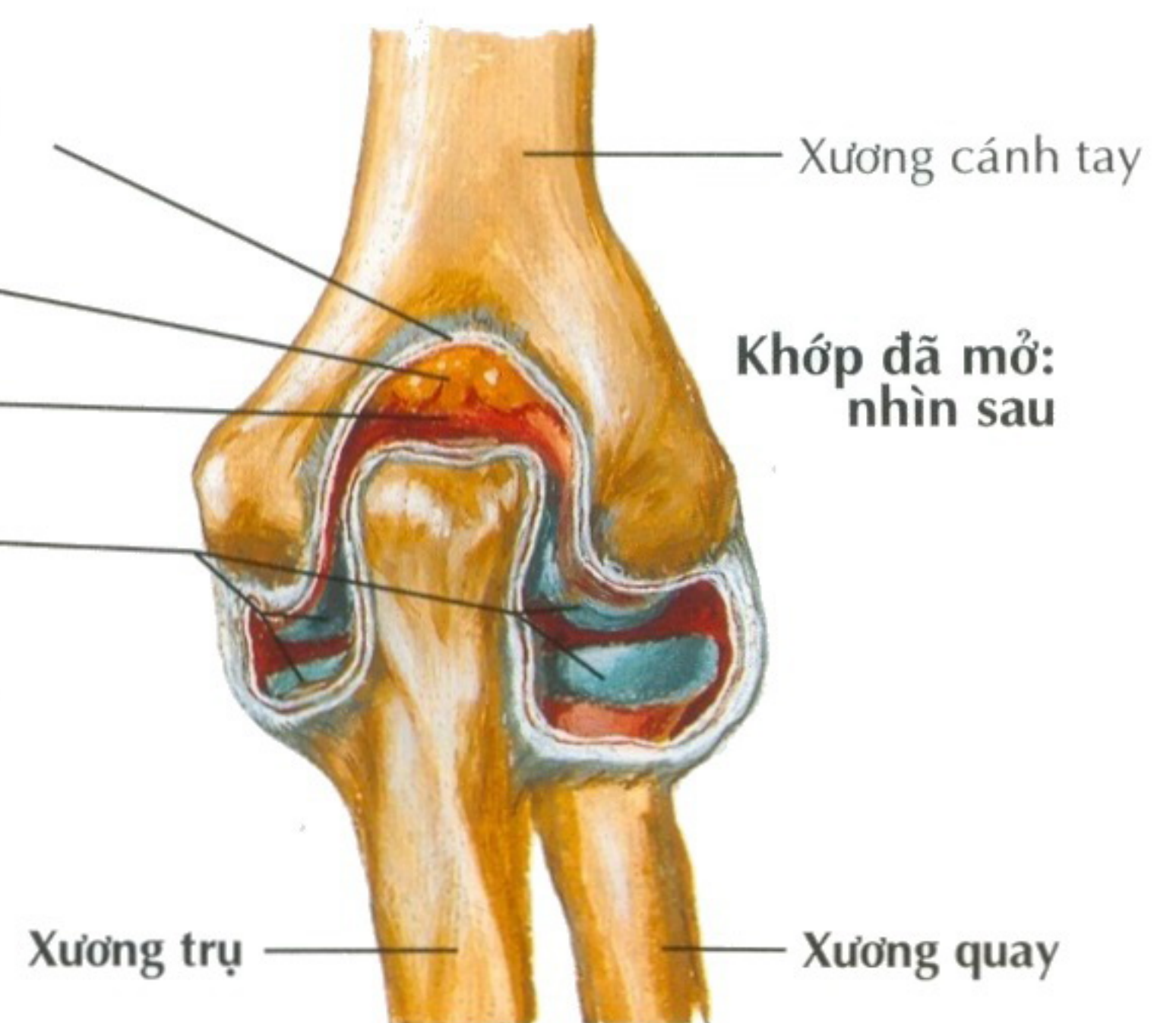
Khớp đã mở:
nhìn trước

Bao khớp (mép cắt)

Các tấm mỡ

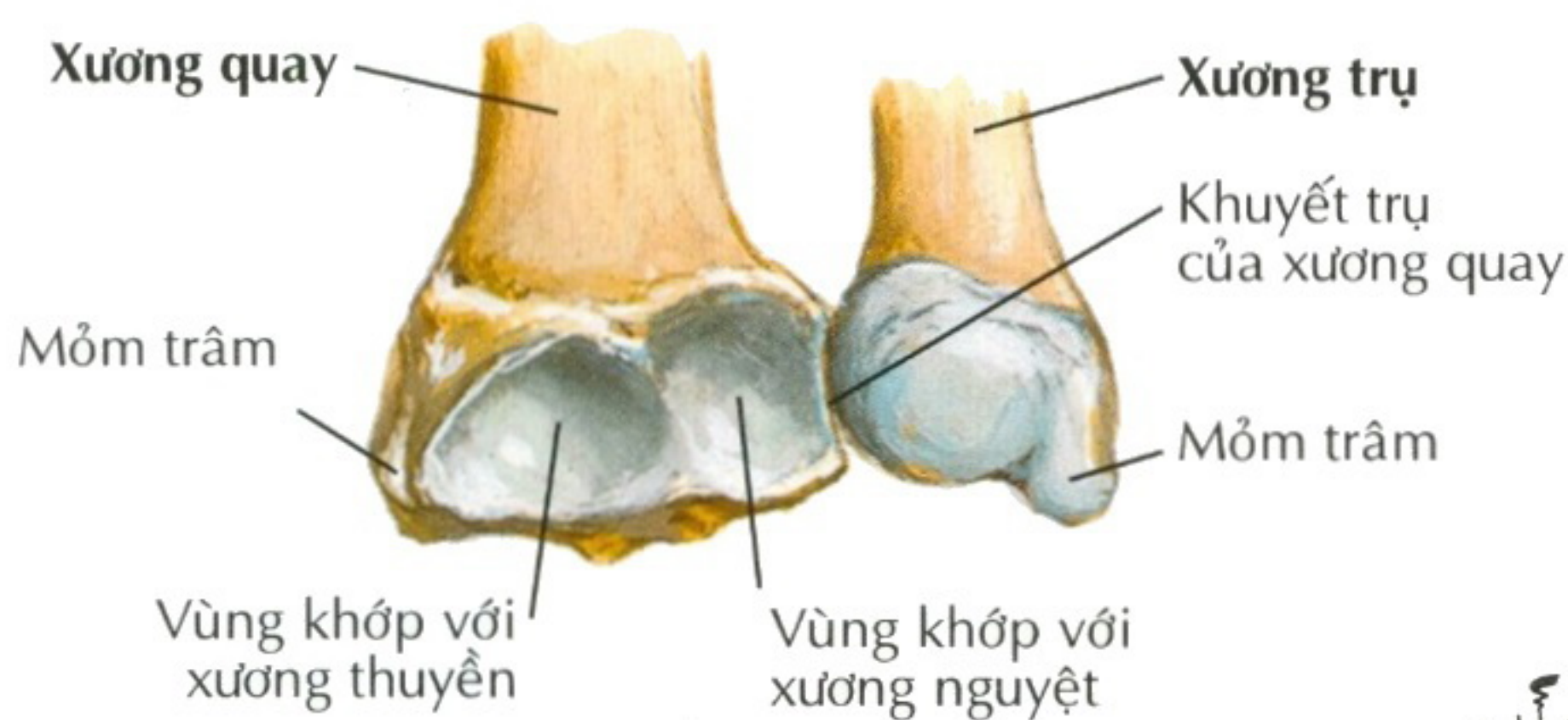
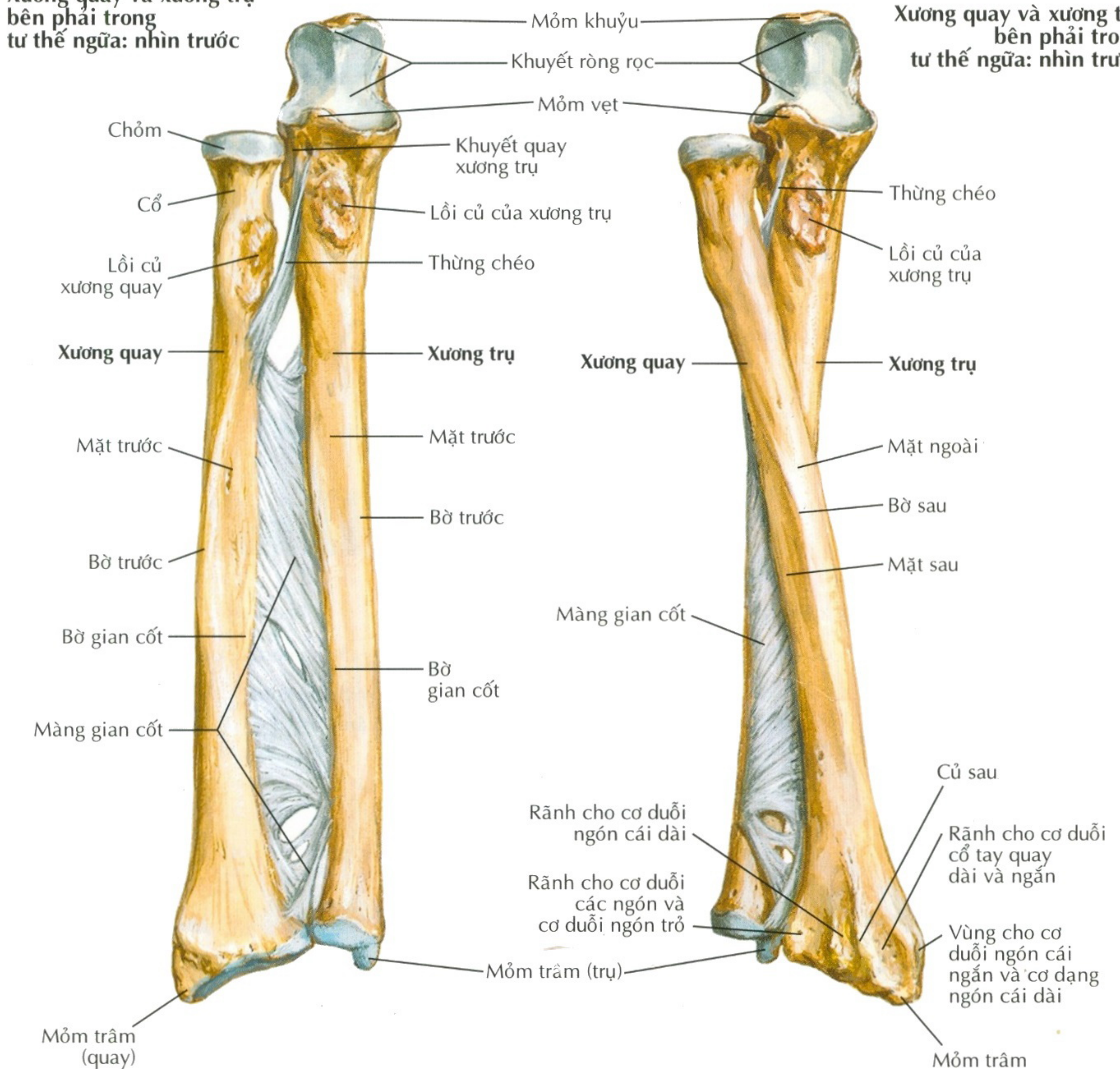
Màng hoạt dịch

Sụn khớp

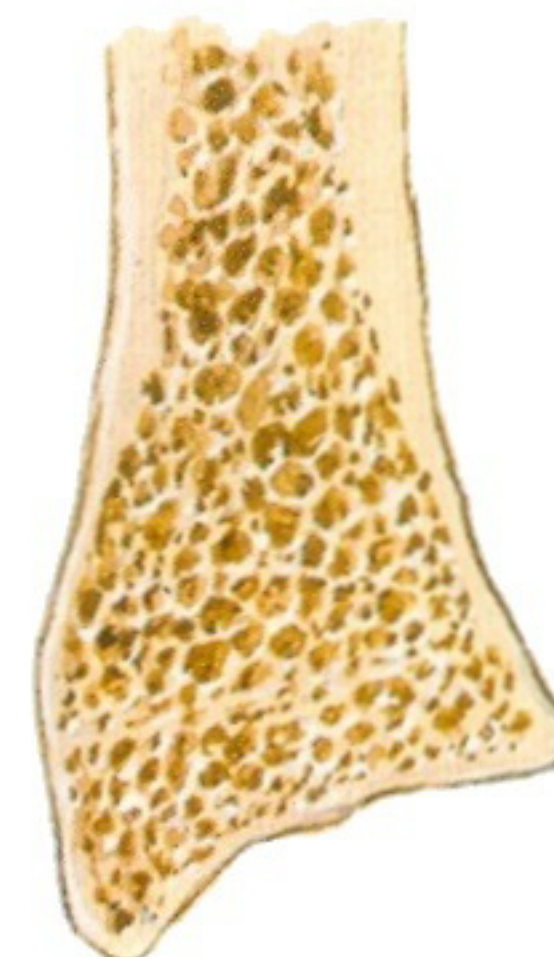
Khớp đã mở:
nhìn sau

Xương quay và xương trụ
bên phải trong
tư thế ngửa: nhìn trước

Xương quay và xương trụ
bên phải trong
tư thế ngửa: nhìn trước



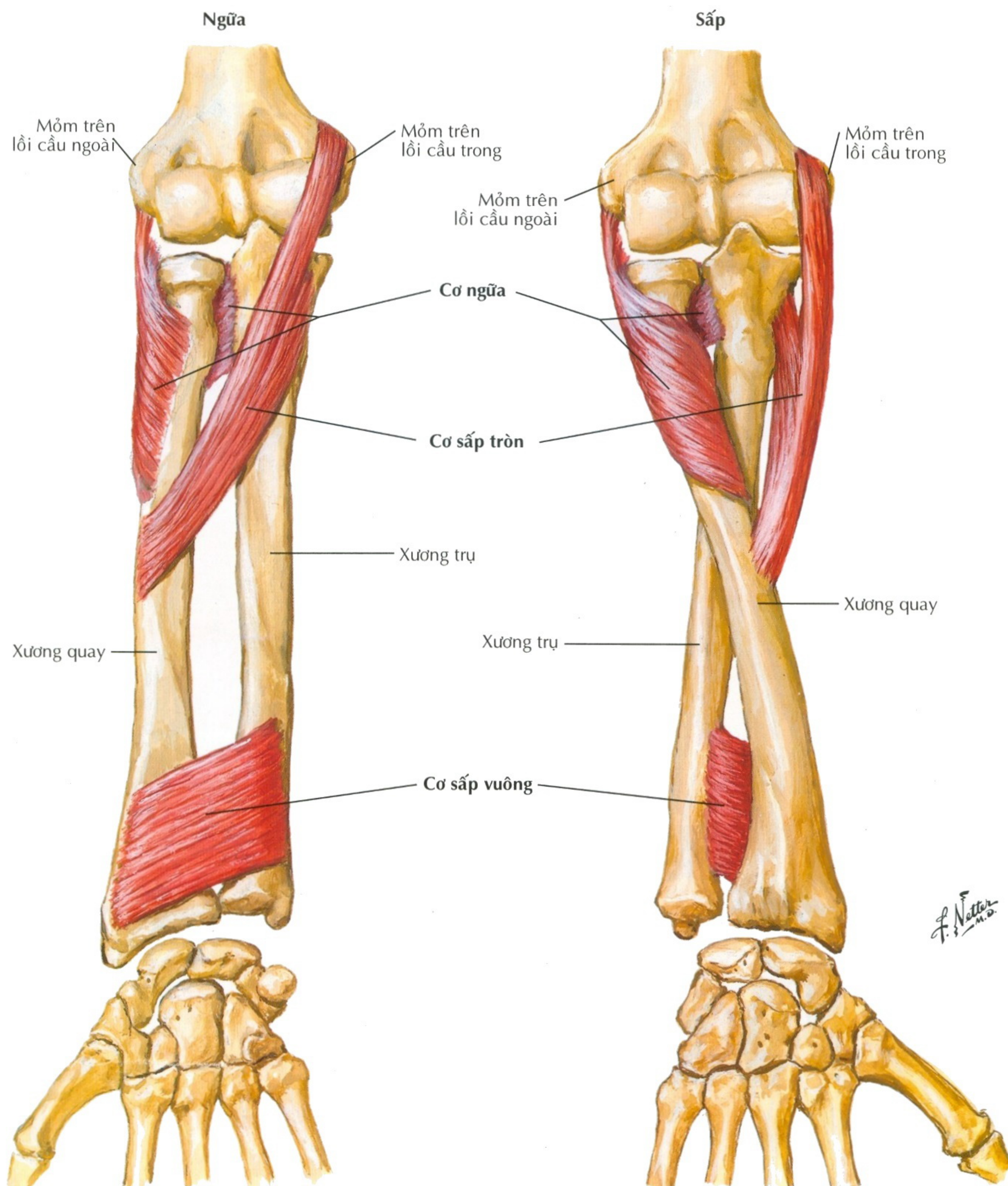
Mặt khớp cổ tay

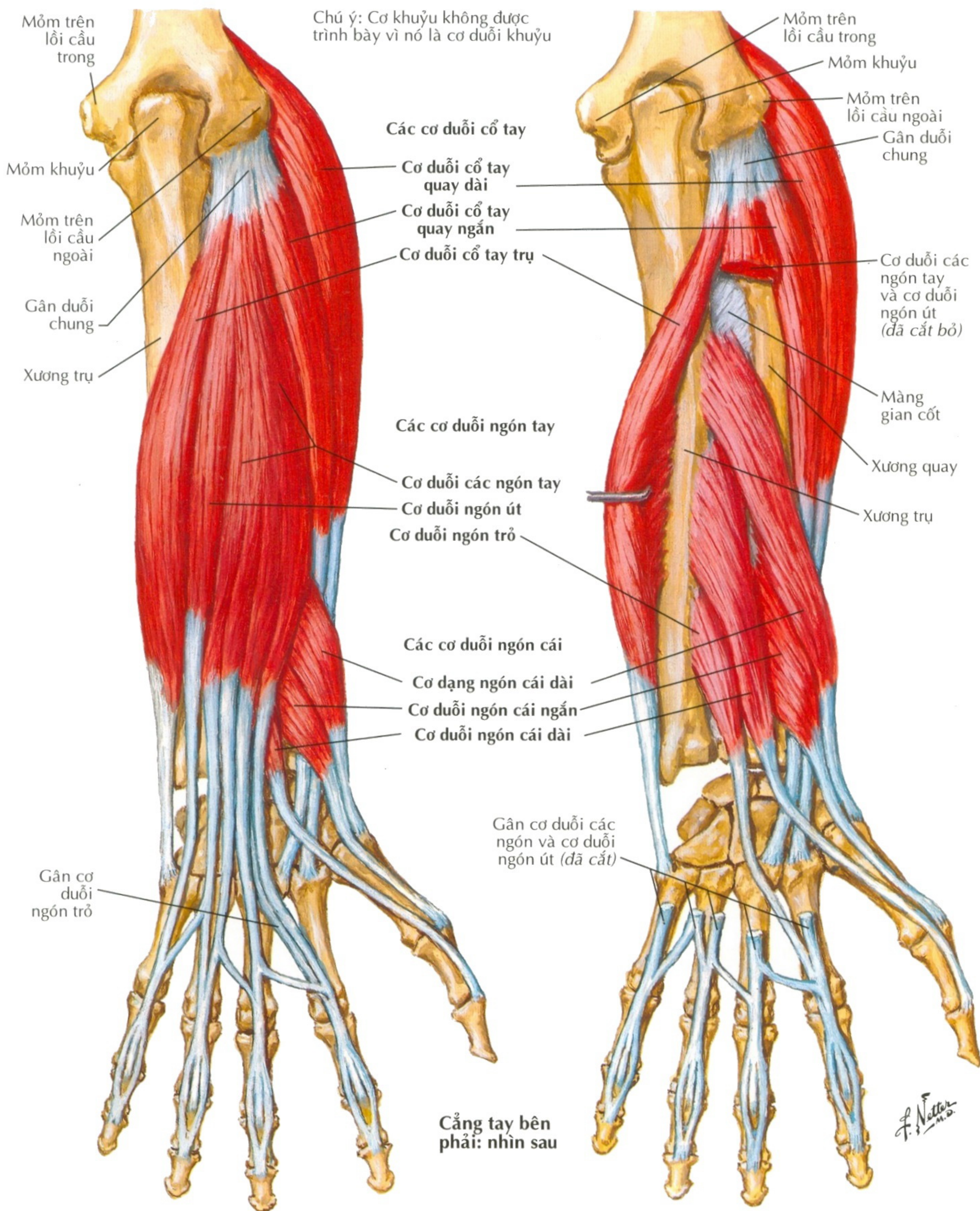


Thiết đồ đứng ngang của xương quay cho thấy độ dài của xương vỏ ở thân giảm thành lớp mỏng phủ trên xương xốp ở đầu xa

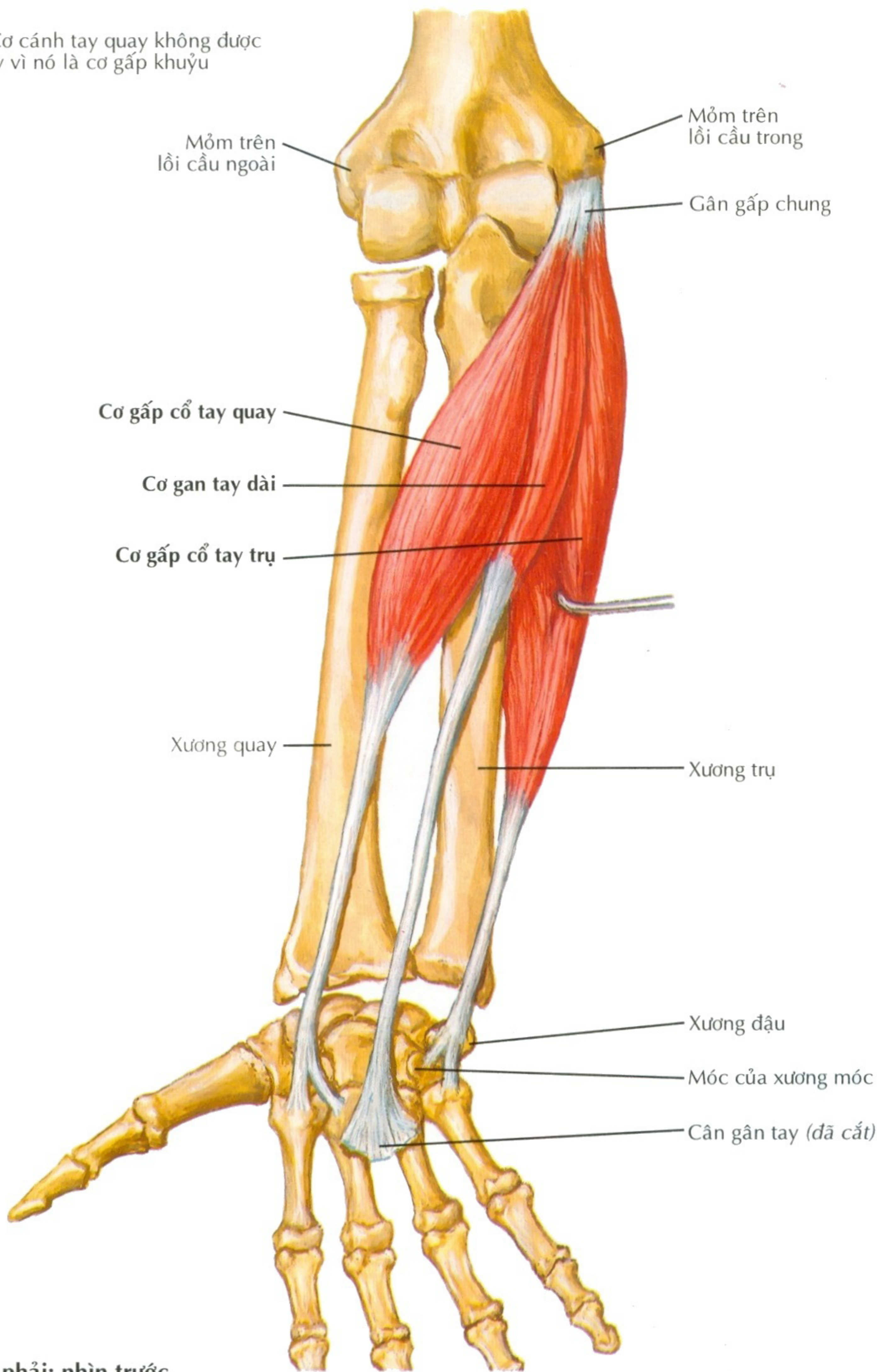
Các Cơ Riêng Biệt của Cẳng Tay: Các Cơ Xoay Xương Quay

Cẳng tay bên phải: nhìn trước



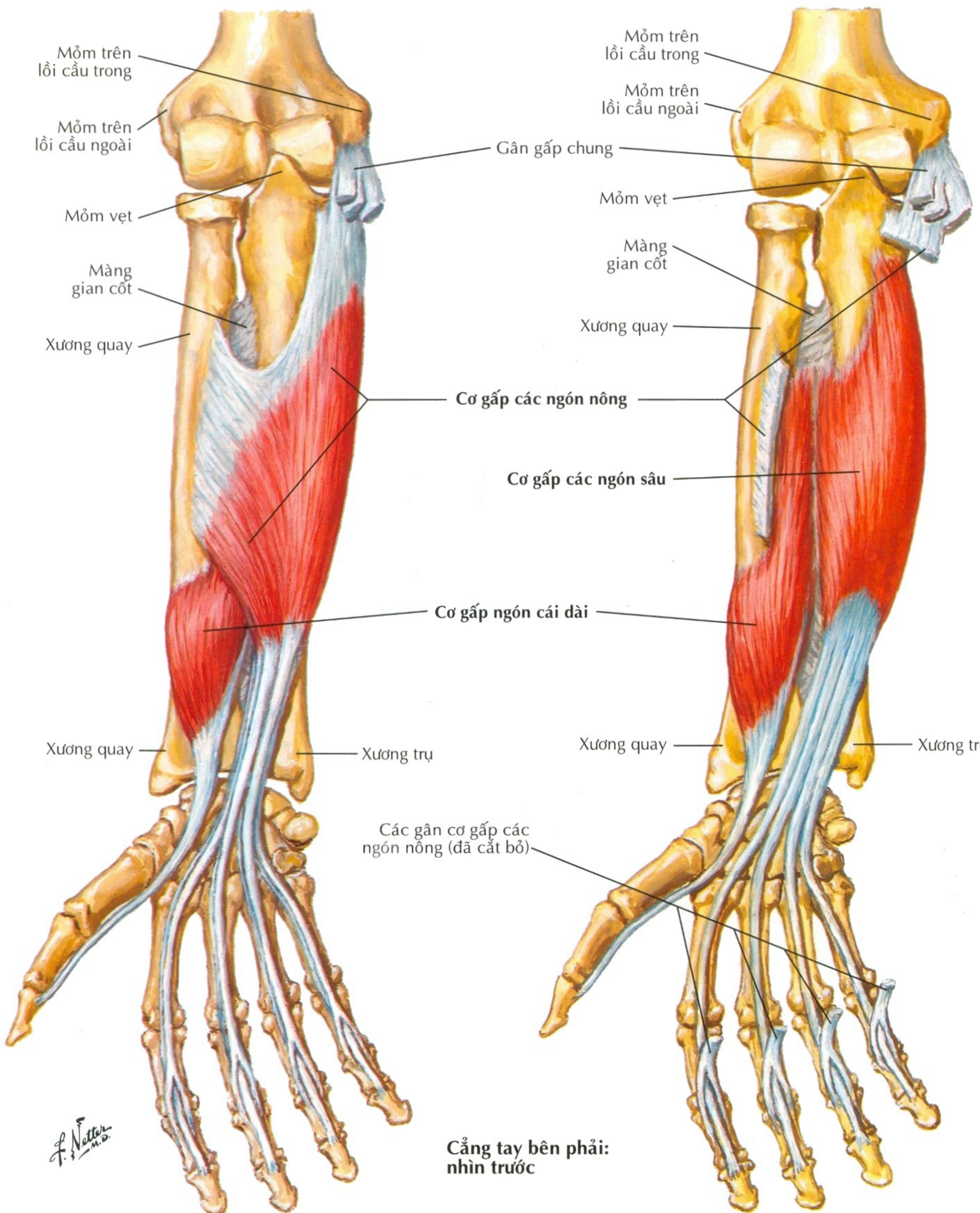


Chú ý: Cơ cánh tay quay không được trình bày vì nó là cơ gấp khuỷu



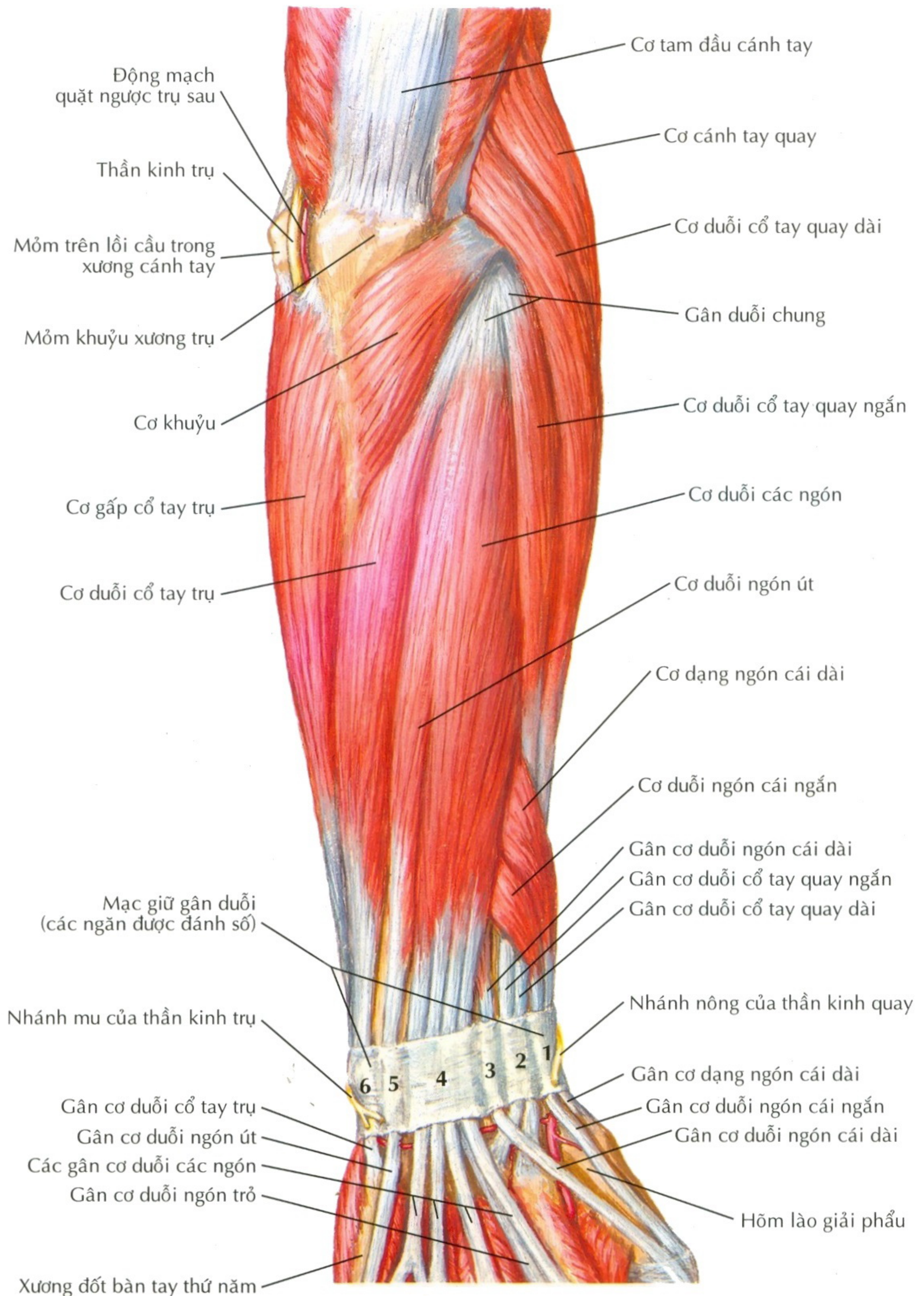
Cẳng tay bên phải: nhìn trước

F. Netter
M.D.

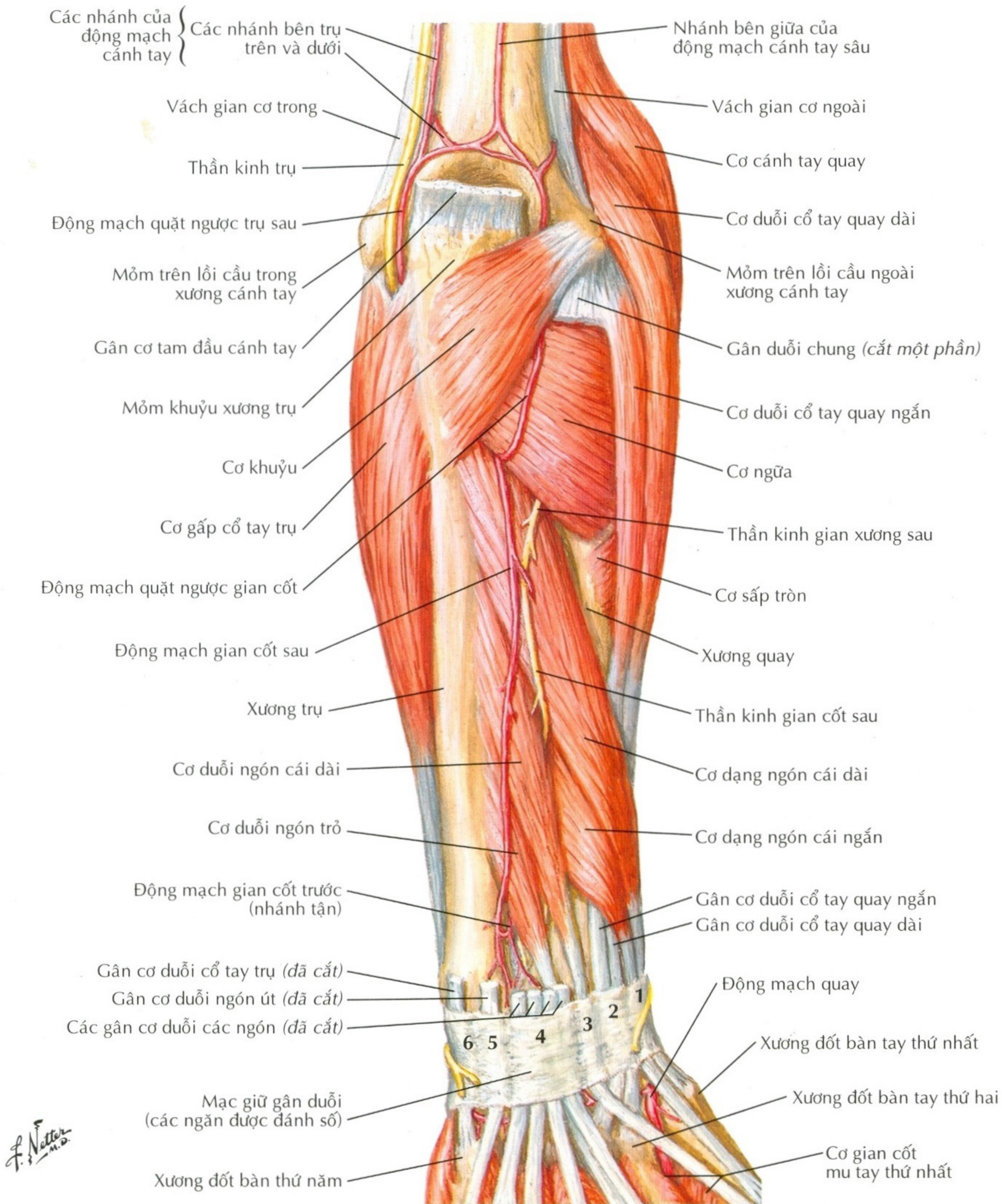


Các Cơ của Cẳng Tay (Lớp Nông): Nhìn Sau

Xem thêm hình 470, 478

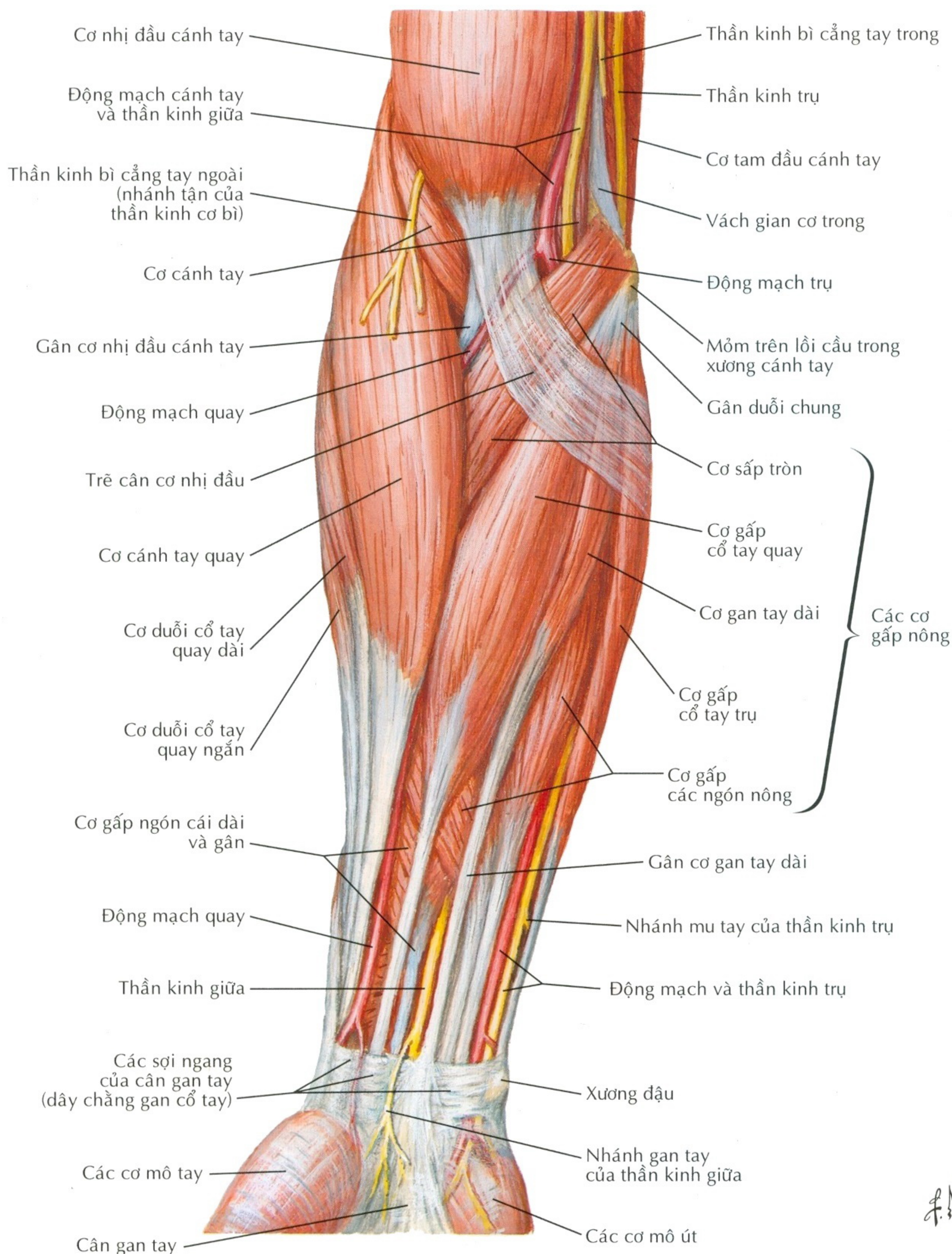


F. Netter M.D.



Các Cơ của Cẳng Tay (Lớp Nông): Nhìn Trước

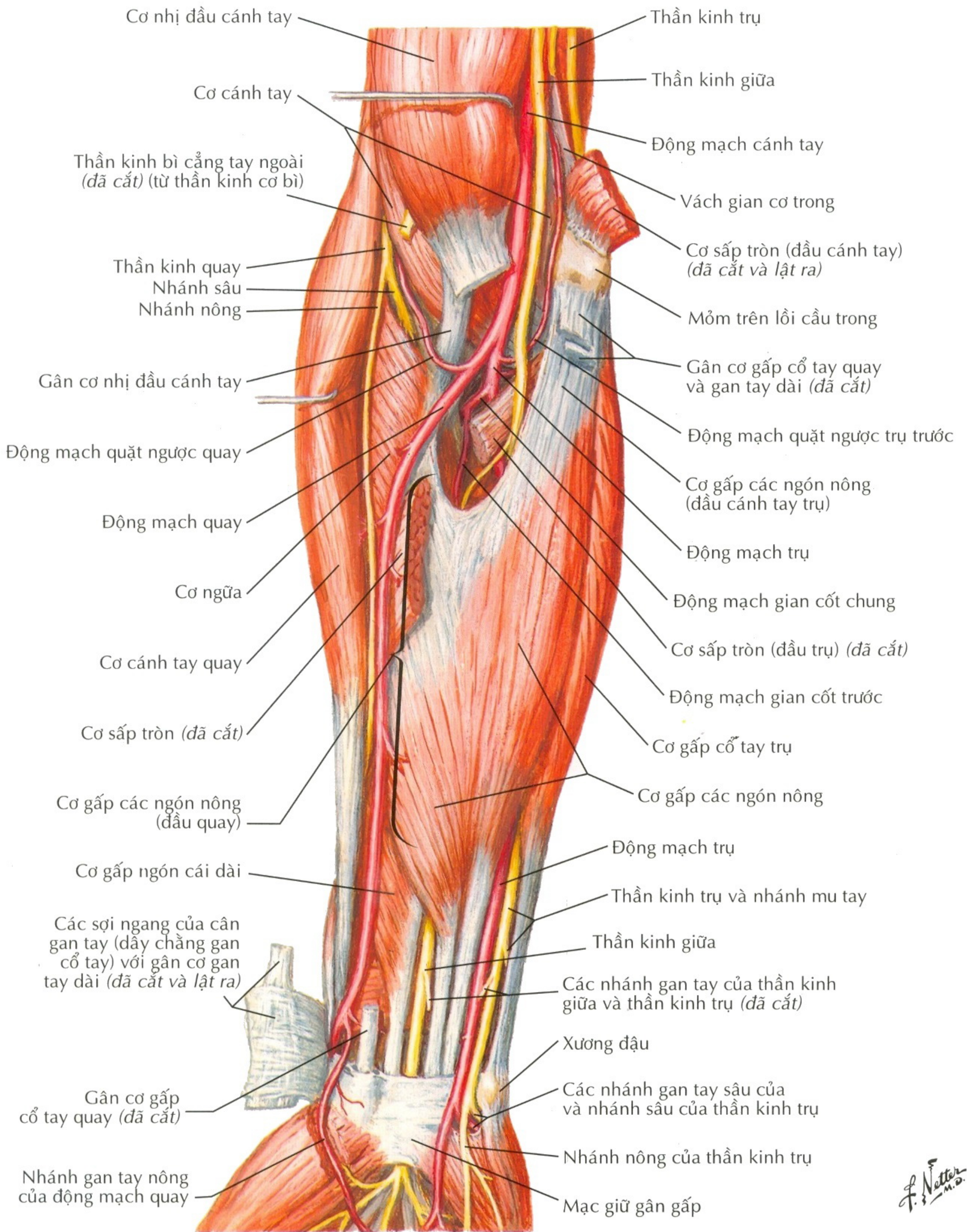
Xem thêm hình 475, 476



F. Netter M.D.

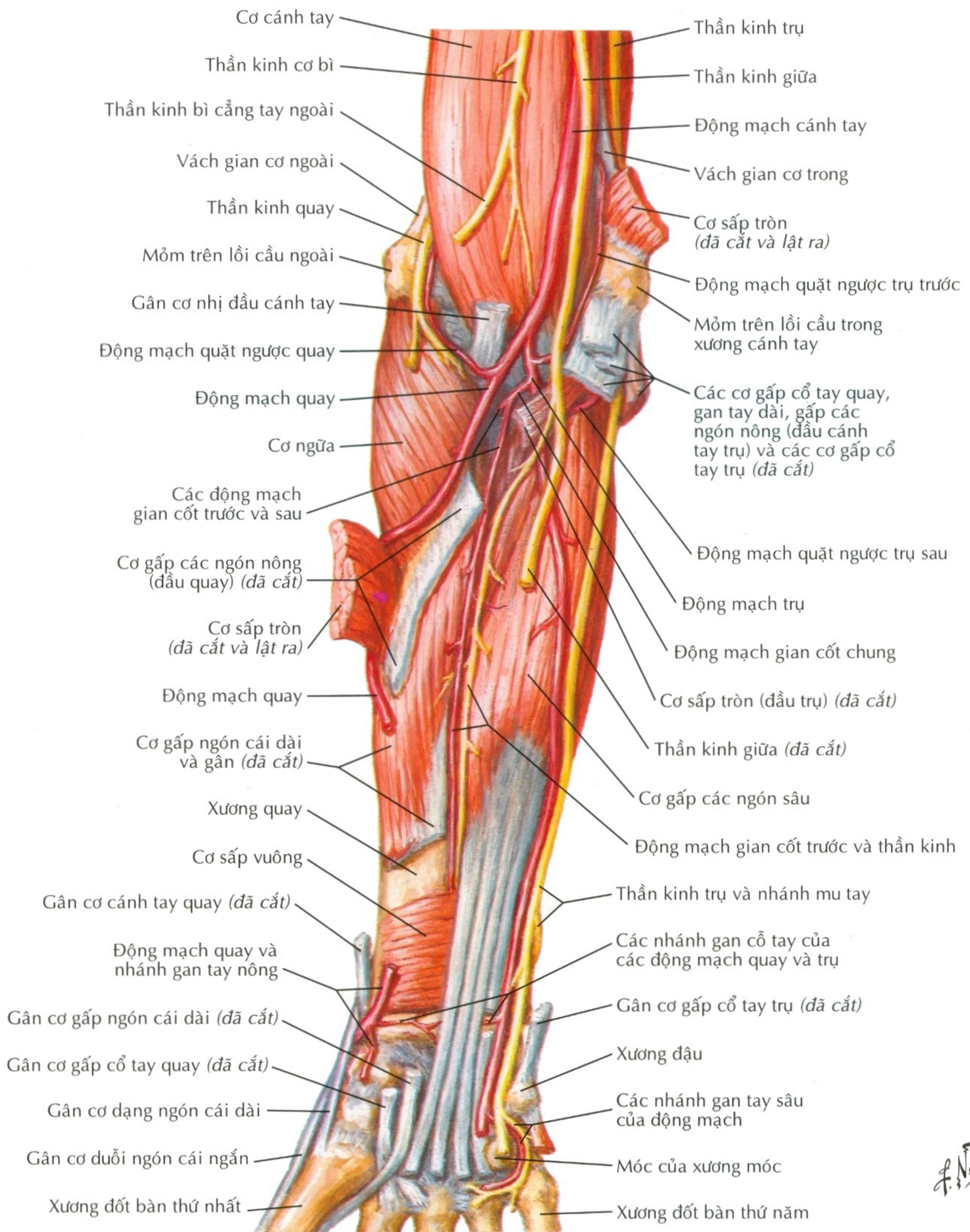
Các Cơ của Cẳng Tay (Lớp Giữa): Nhìn Trước

Xem thêm hình 475, 476

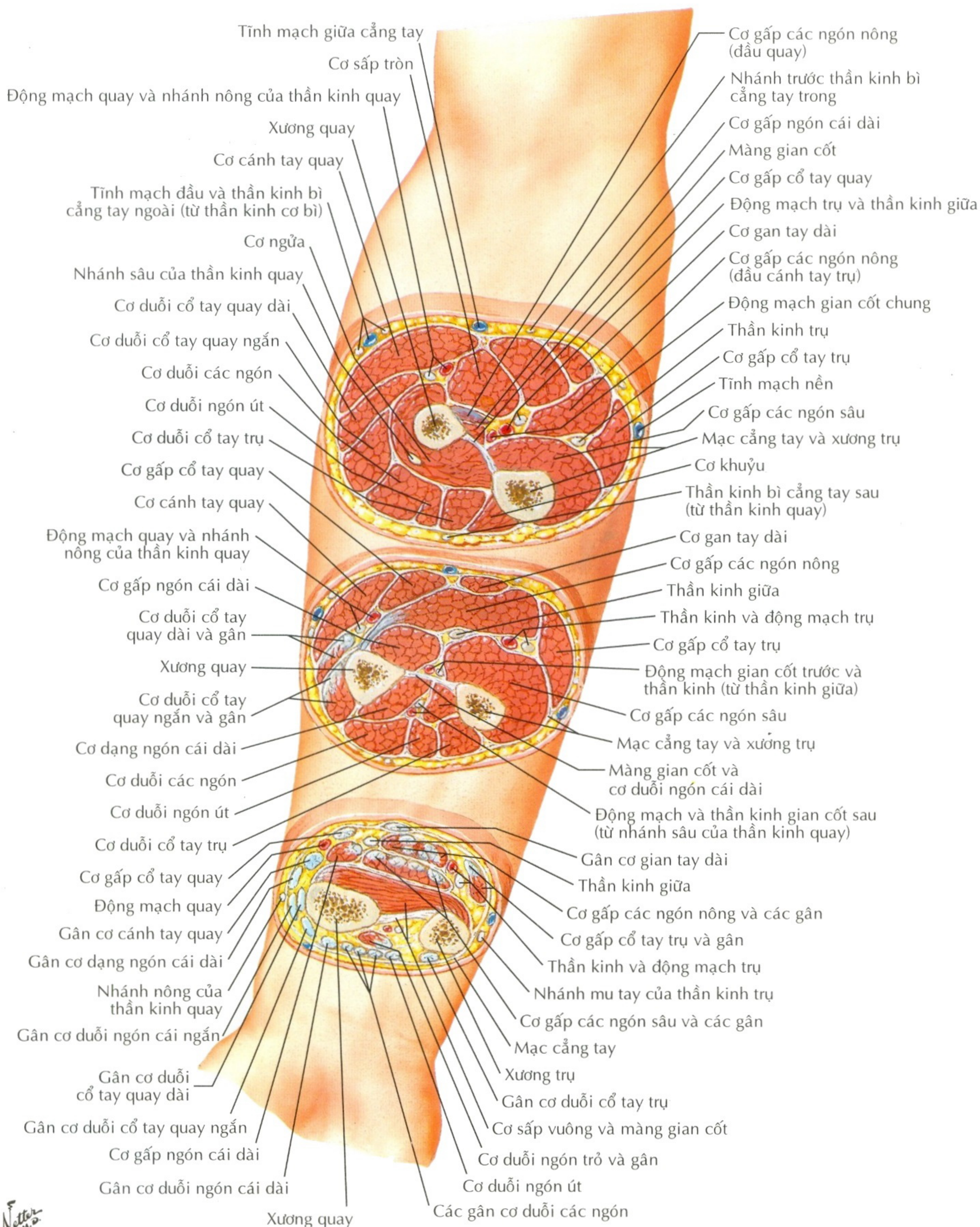


Các Cơ của Cẳng Tay (Lớp Sâu): Nhìn Trước

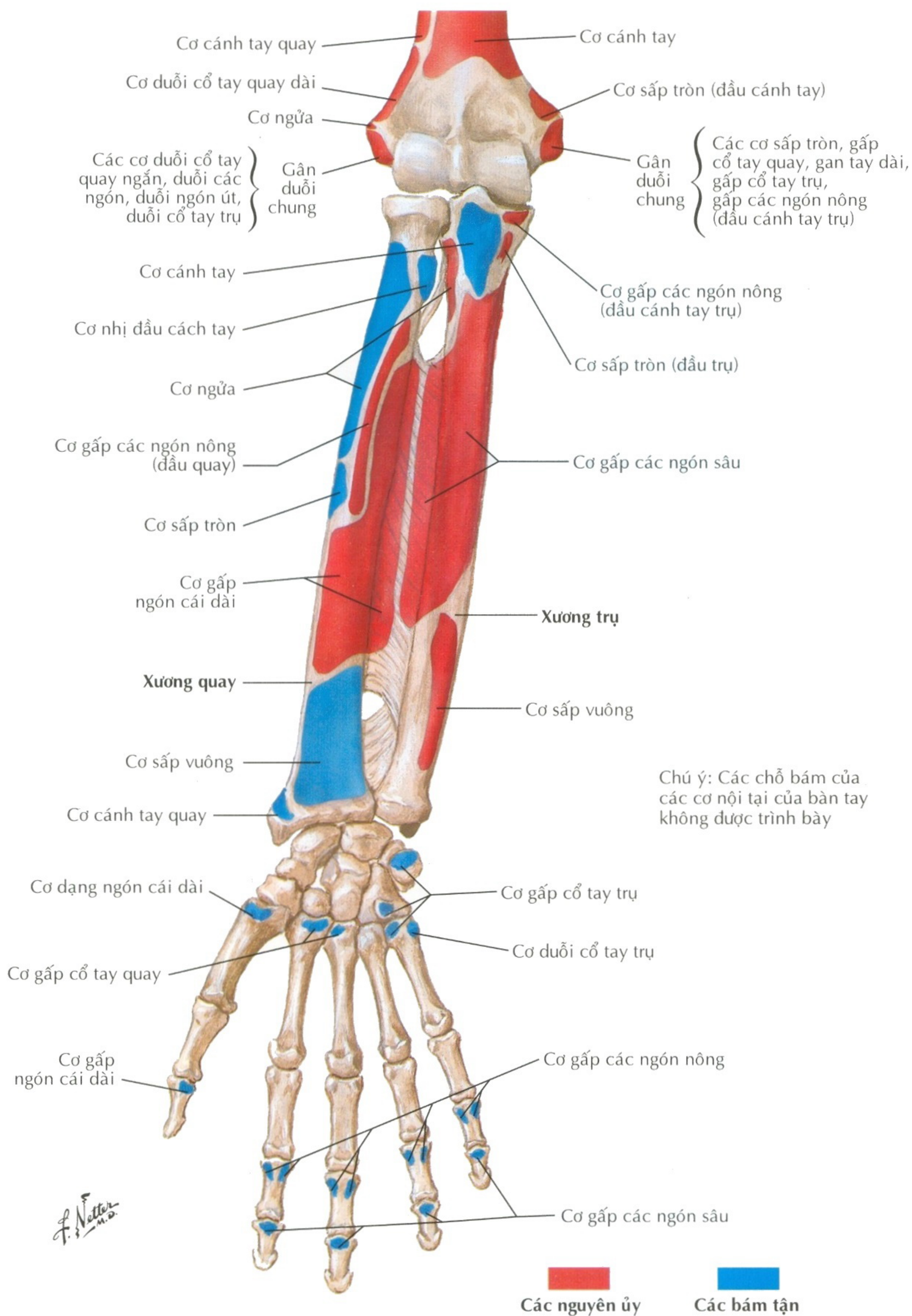
Xem thêm hình 475, 476



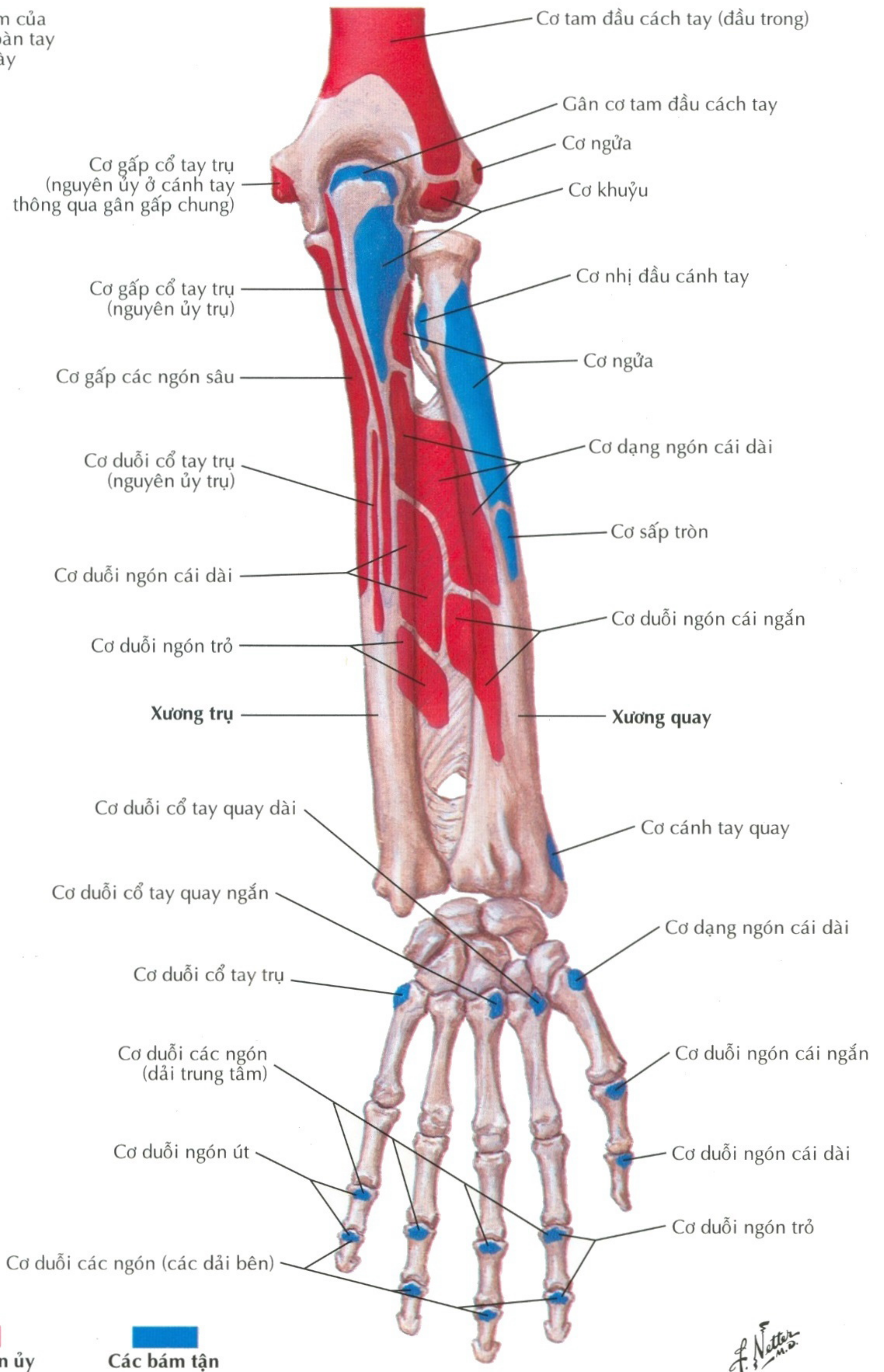
F. Netter M.D.



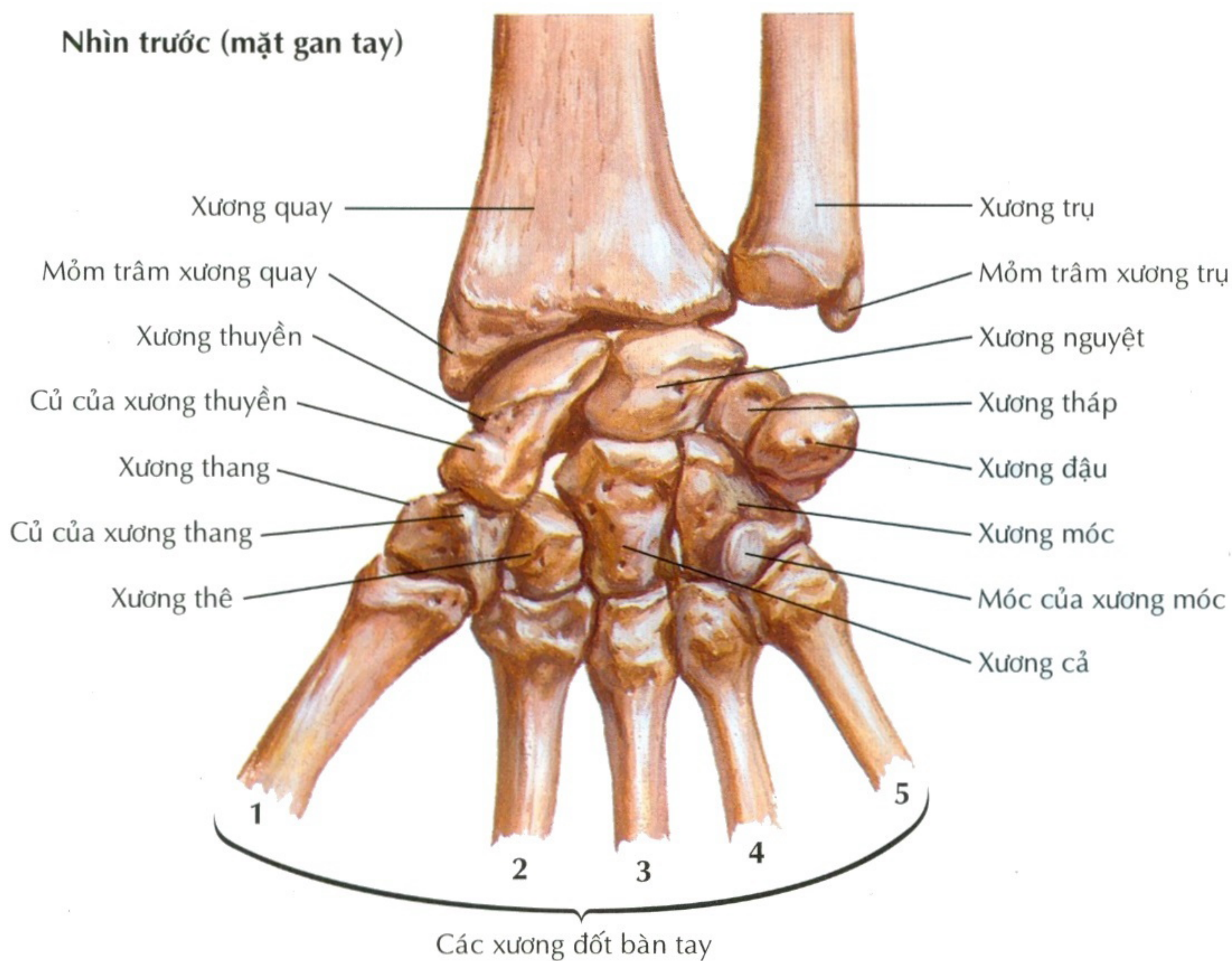
Các Chỗ Bám Xương của Các Cơ Cẳng Tay: Nhìn Trước



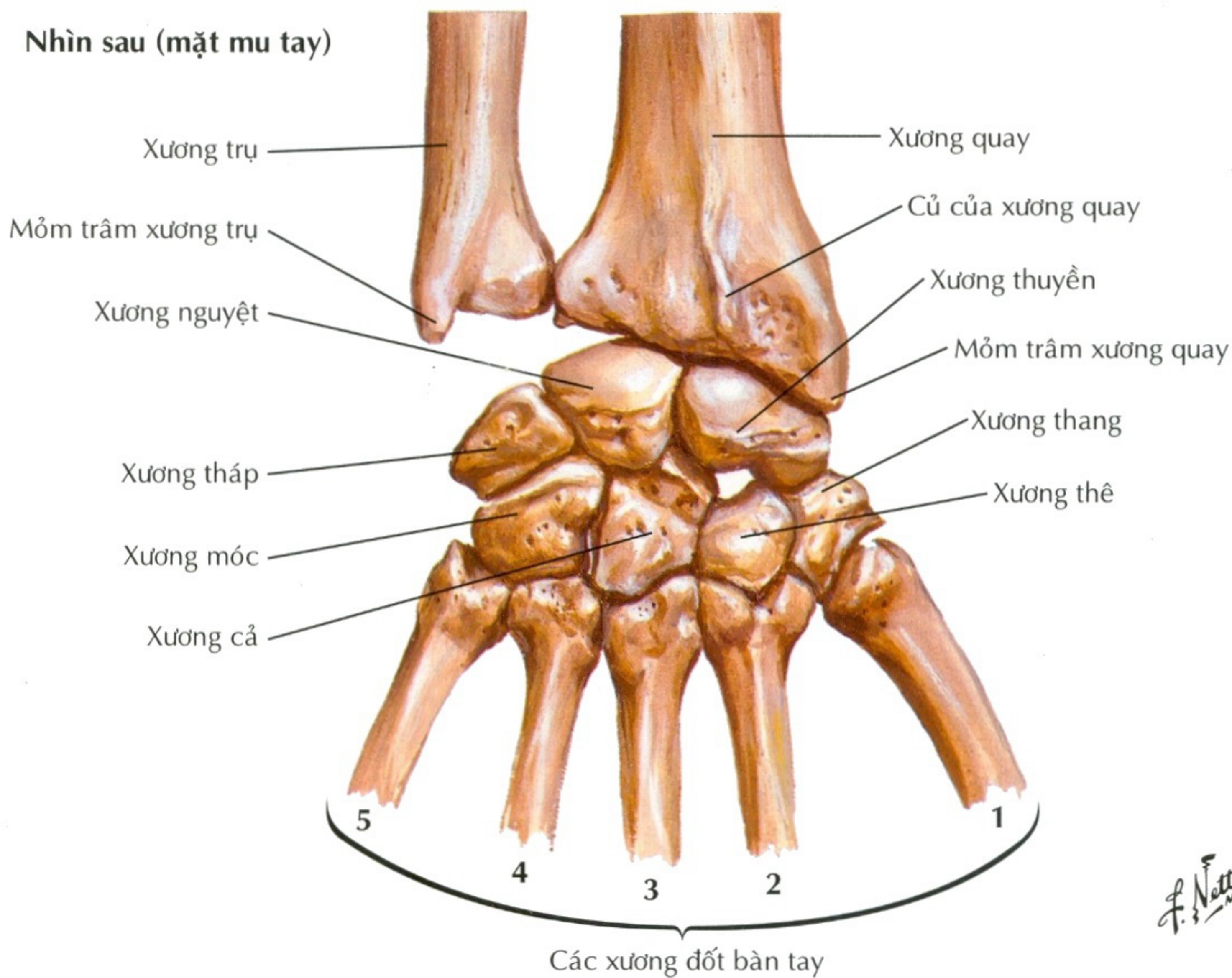
Chú ý: Các chỗ bám của các cơ nội tại của bàn tay không được trình bày



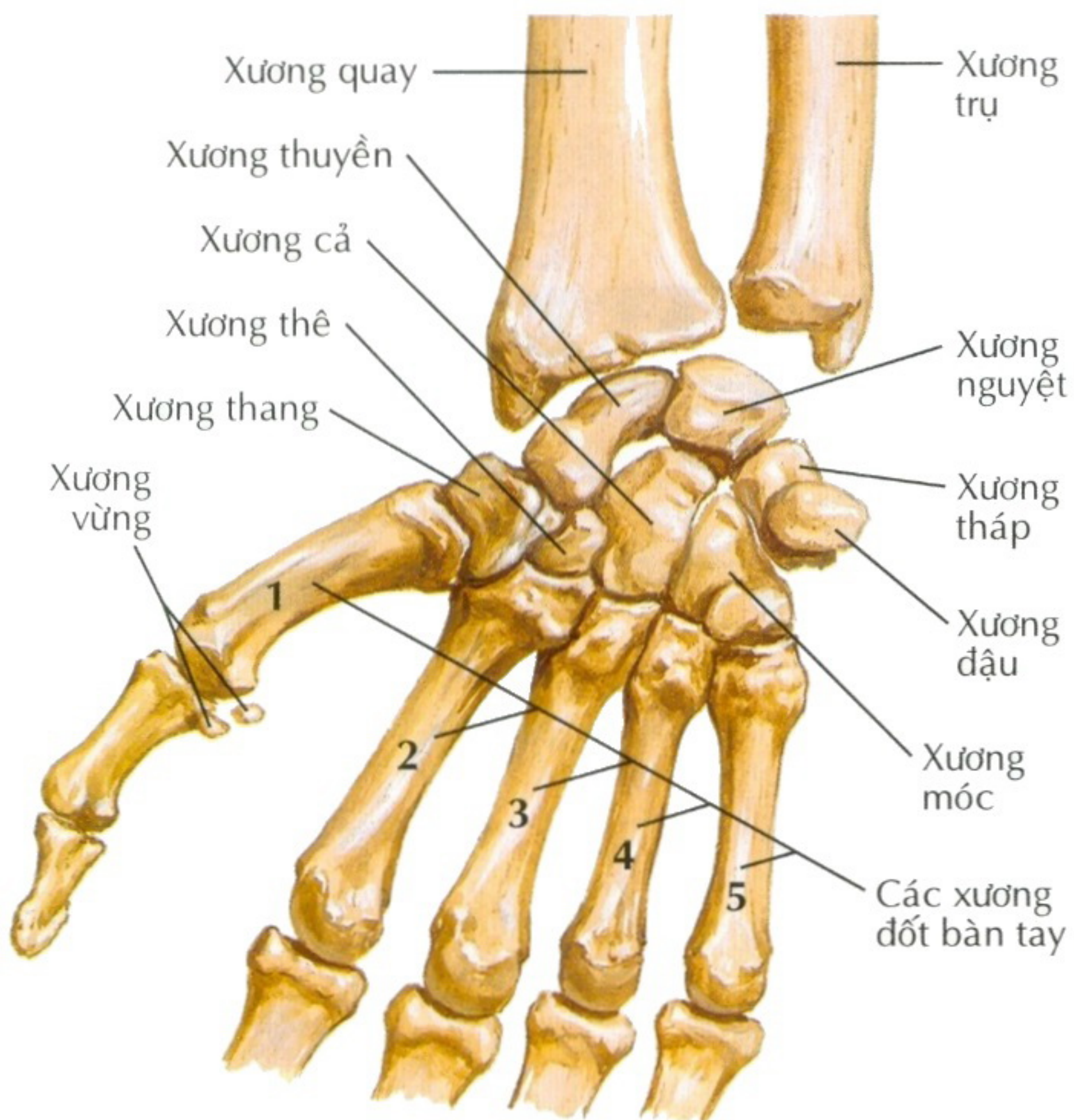
Nhìn trước (mặt gan tay)



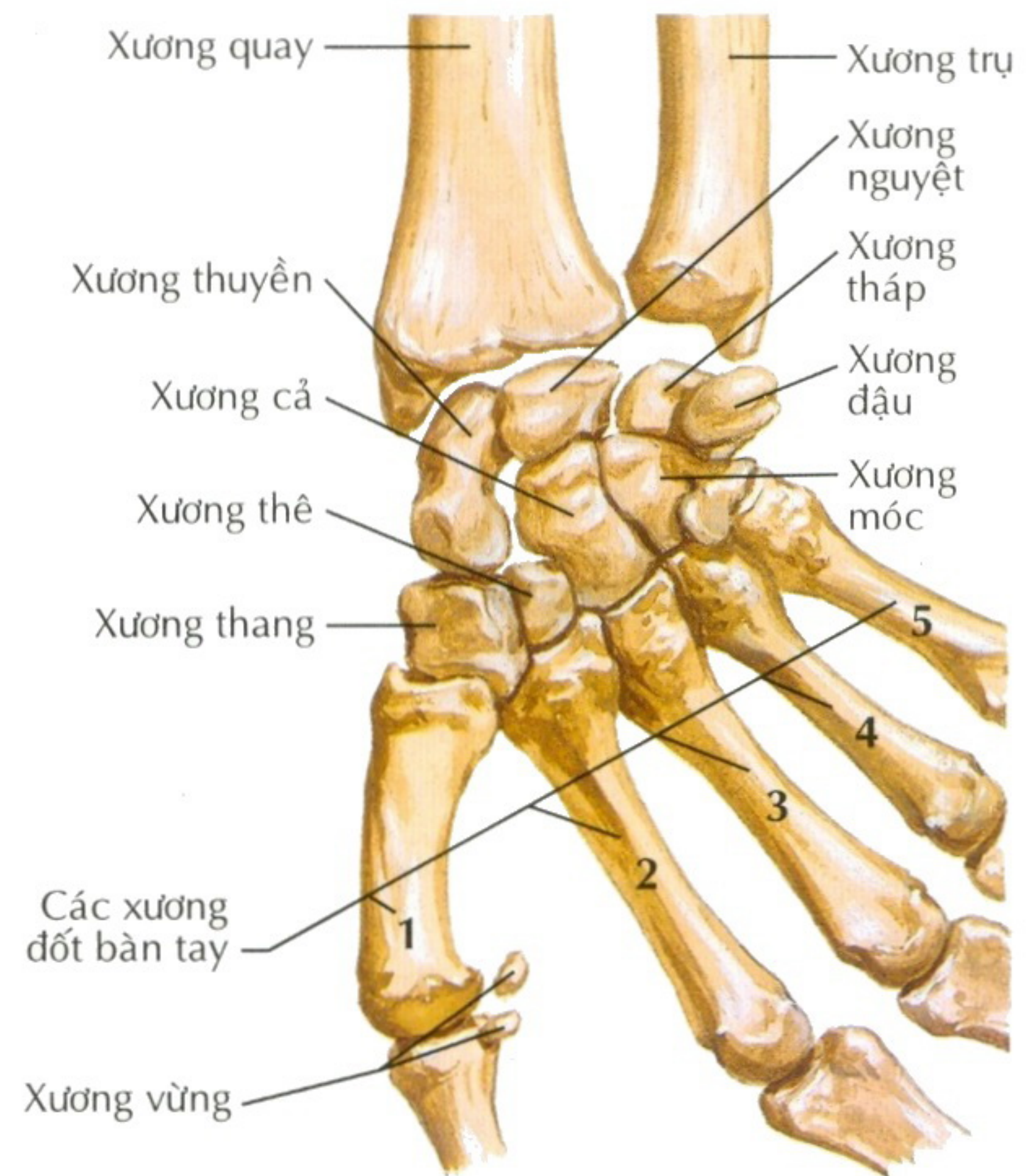
Nhìn sau (mặt mu tay)



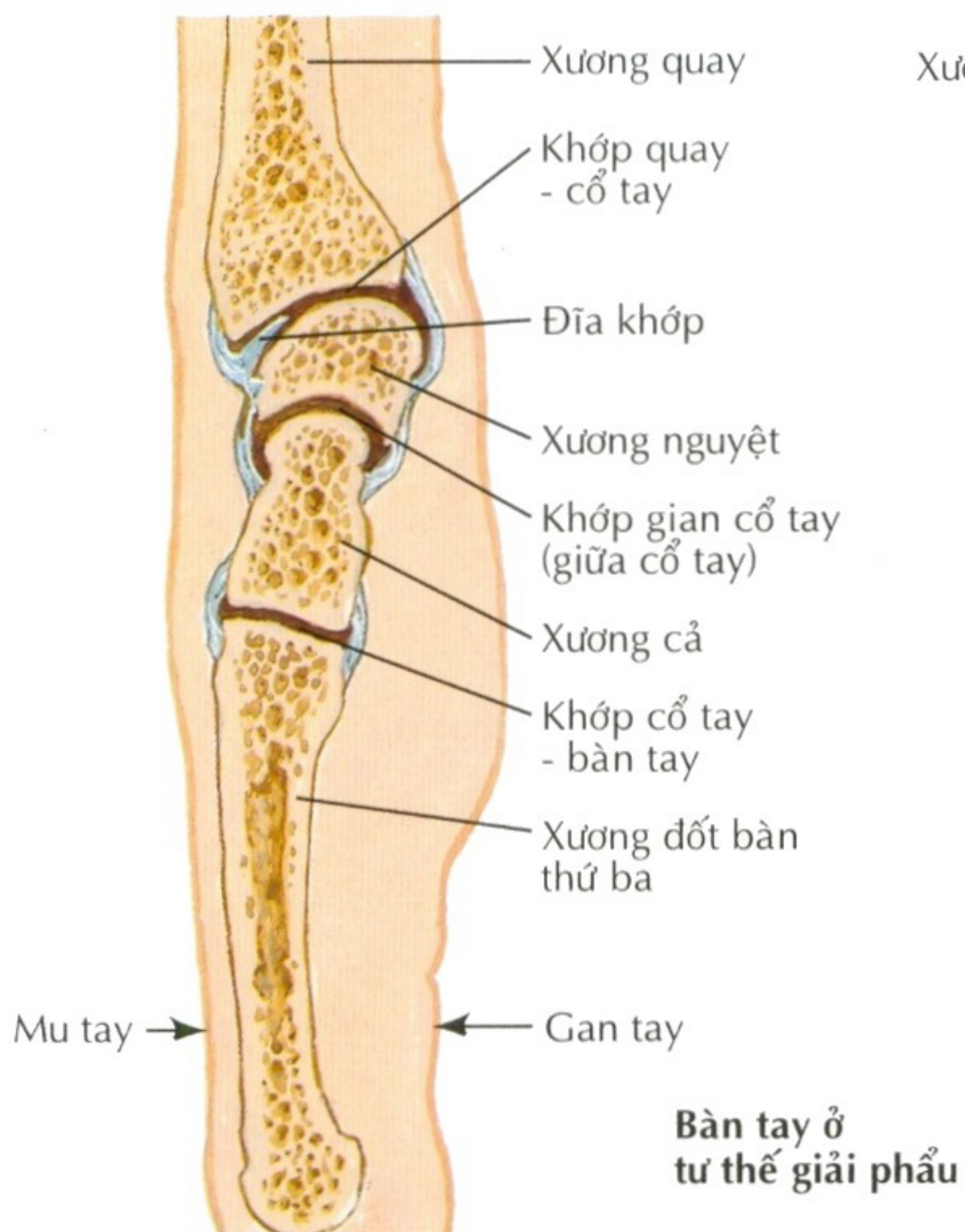
F. Netter M.D.



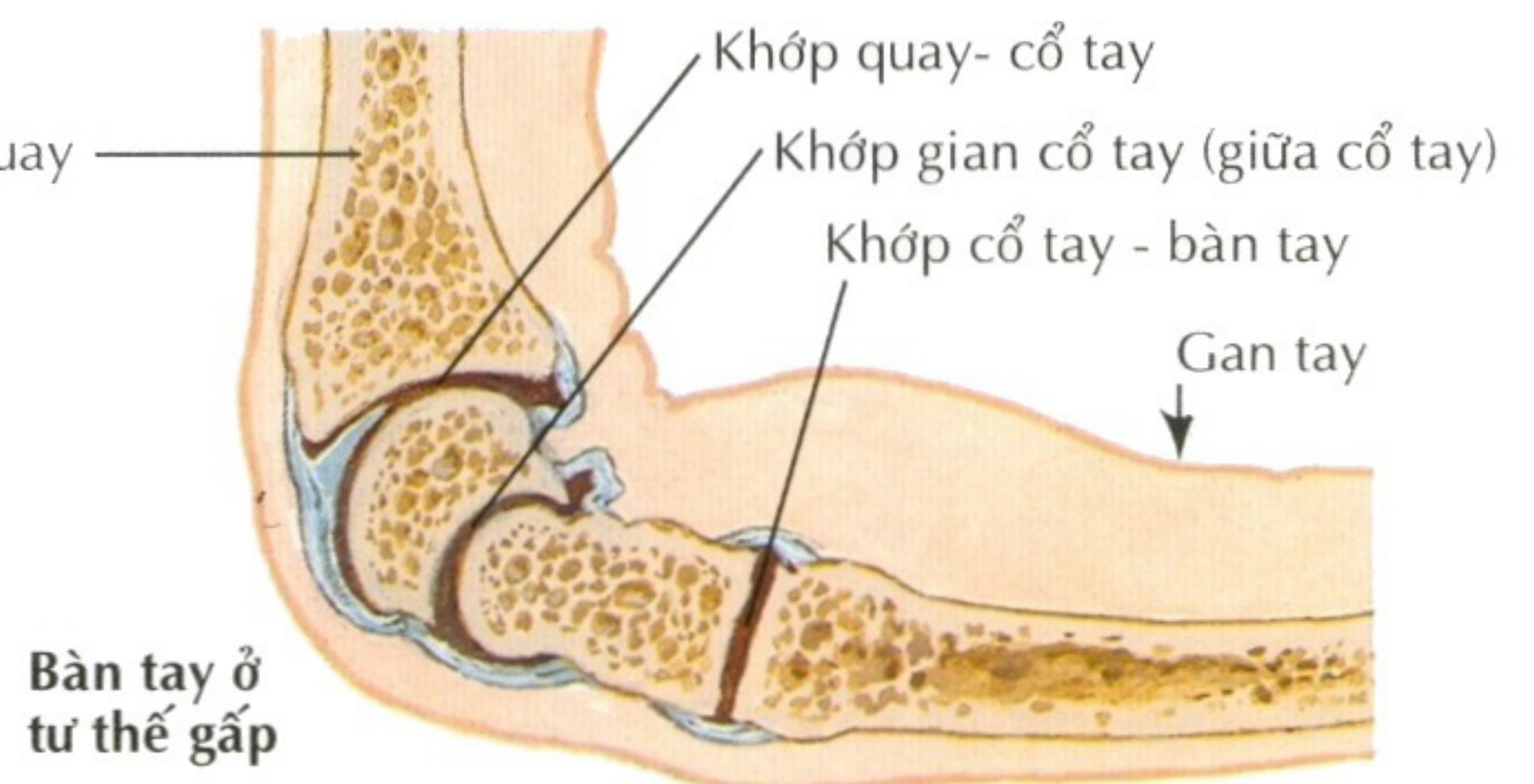
Vị trí của các xương cổ tay với bàn tay ở tư thế dạng: nhìn trước (mặt gan tay)



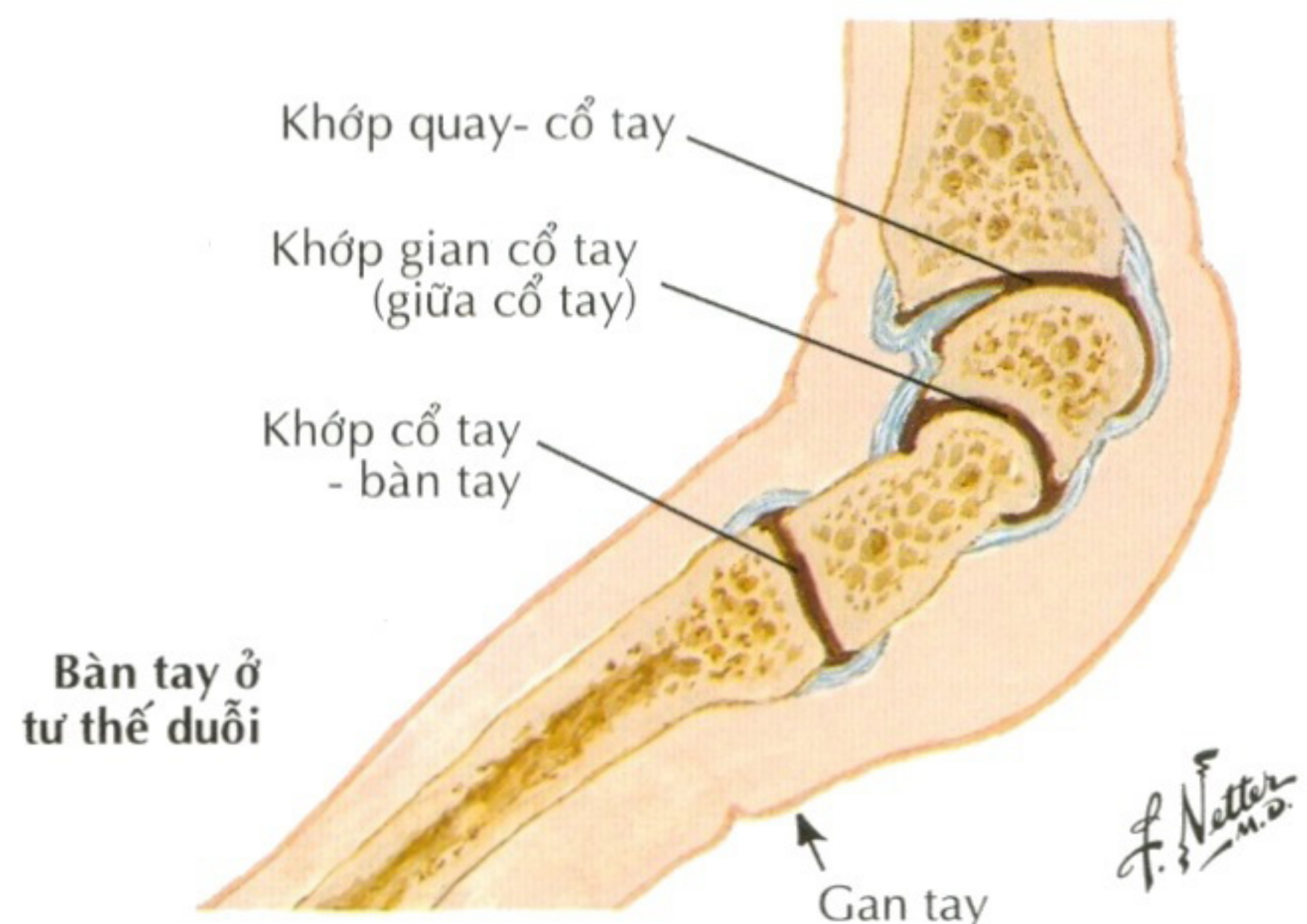
Vị trí của các xương cổ tay với bàn tay ở tư thế khép: nhìn trước (mặt gan tay)



Thiết đồ đứng dọc qua cổ tay và ngón giữa

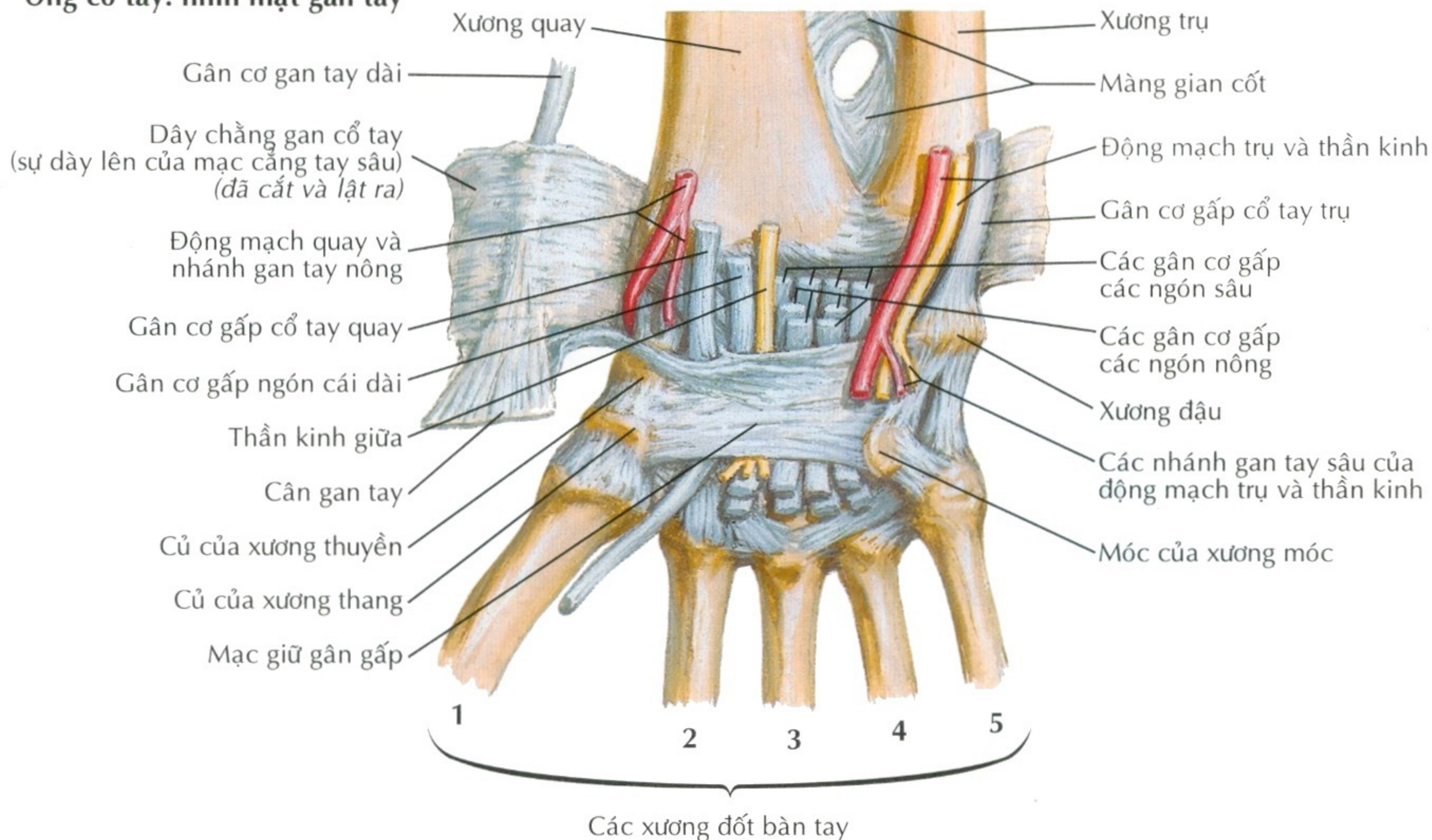
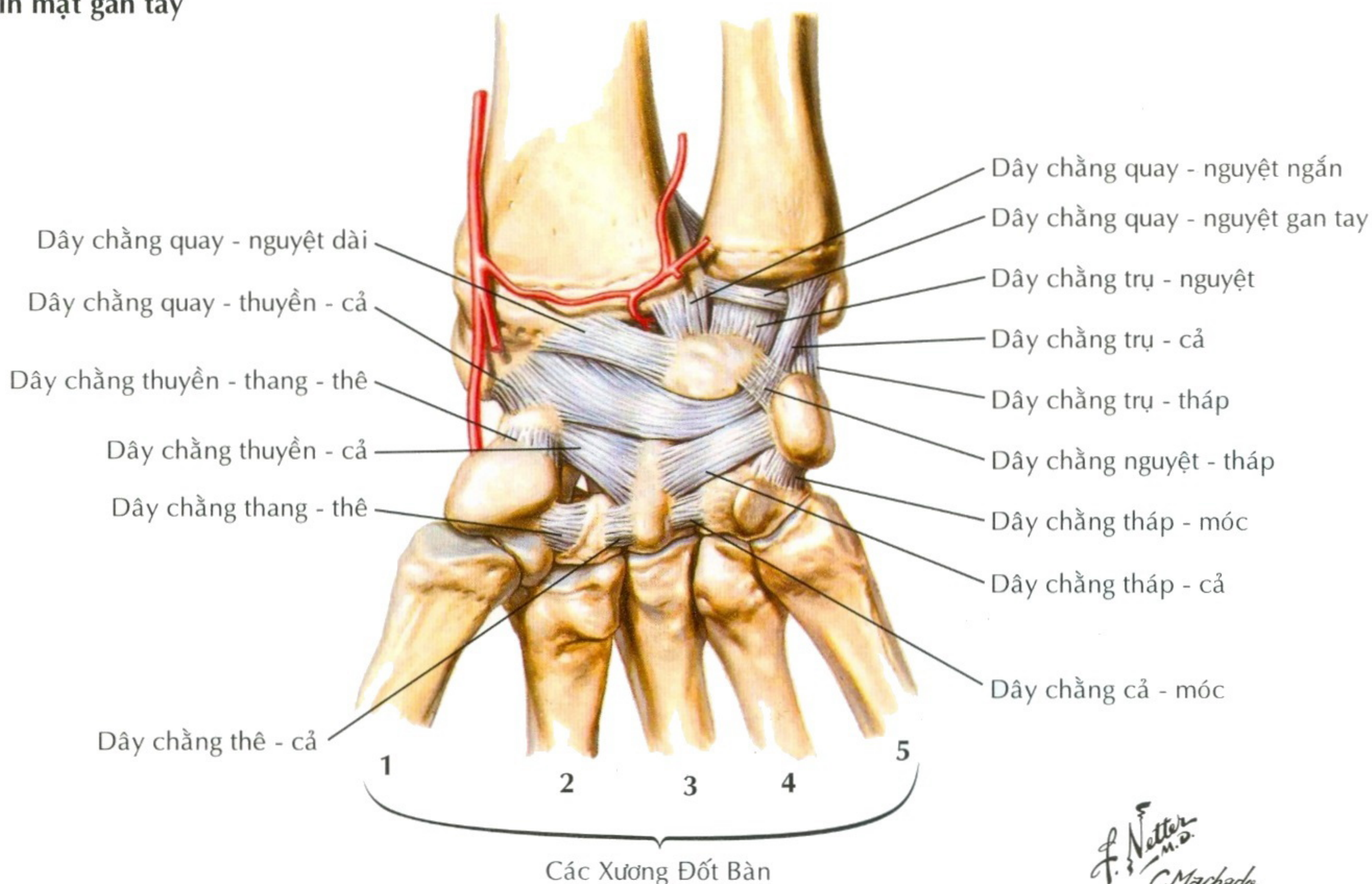


Bàn tay ở tư thế gấp



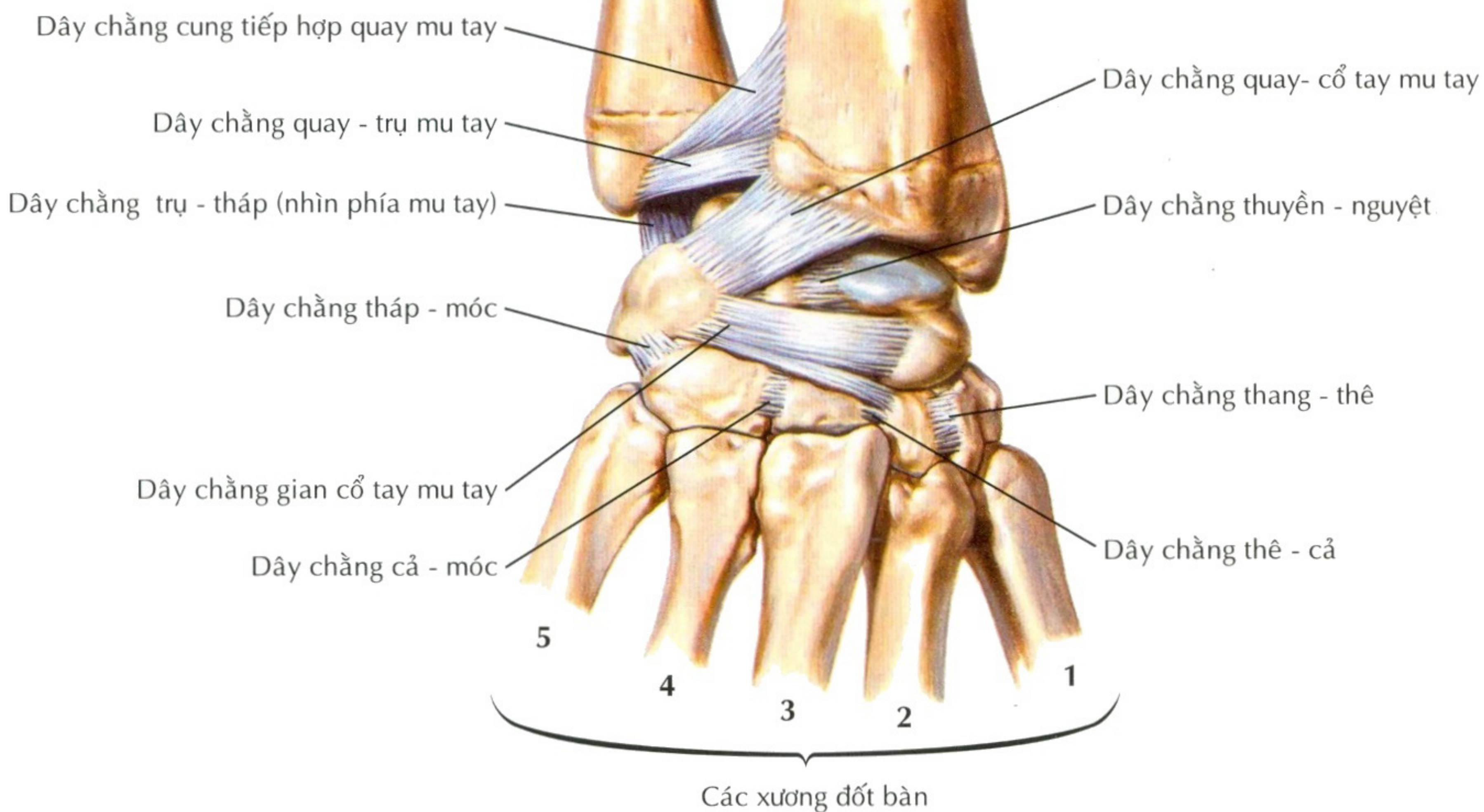
Bàn tay ở tư thế duỗi

Ổng cổ tay: nhìn mặt gan tay

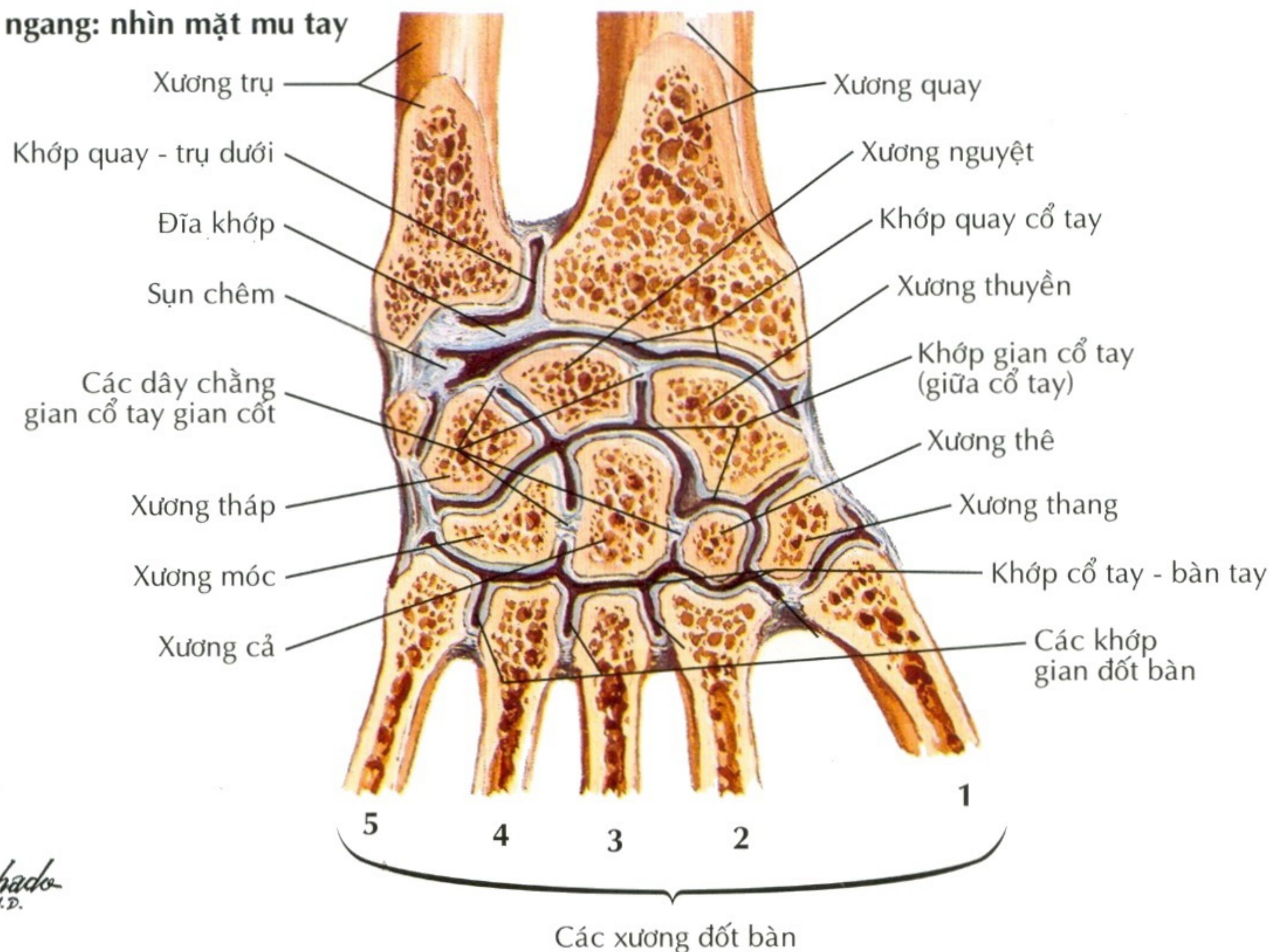
Mạc giữ gân gấp được lấy đi:
Nhìn mặt gan tay

F. Netter M.D.
C. Machado M.D.

Nhìn sau (phía mu tay)

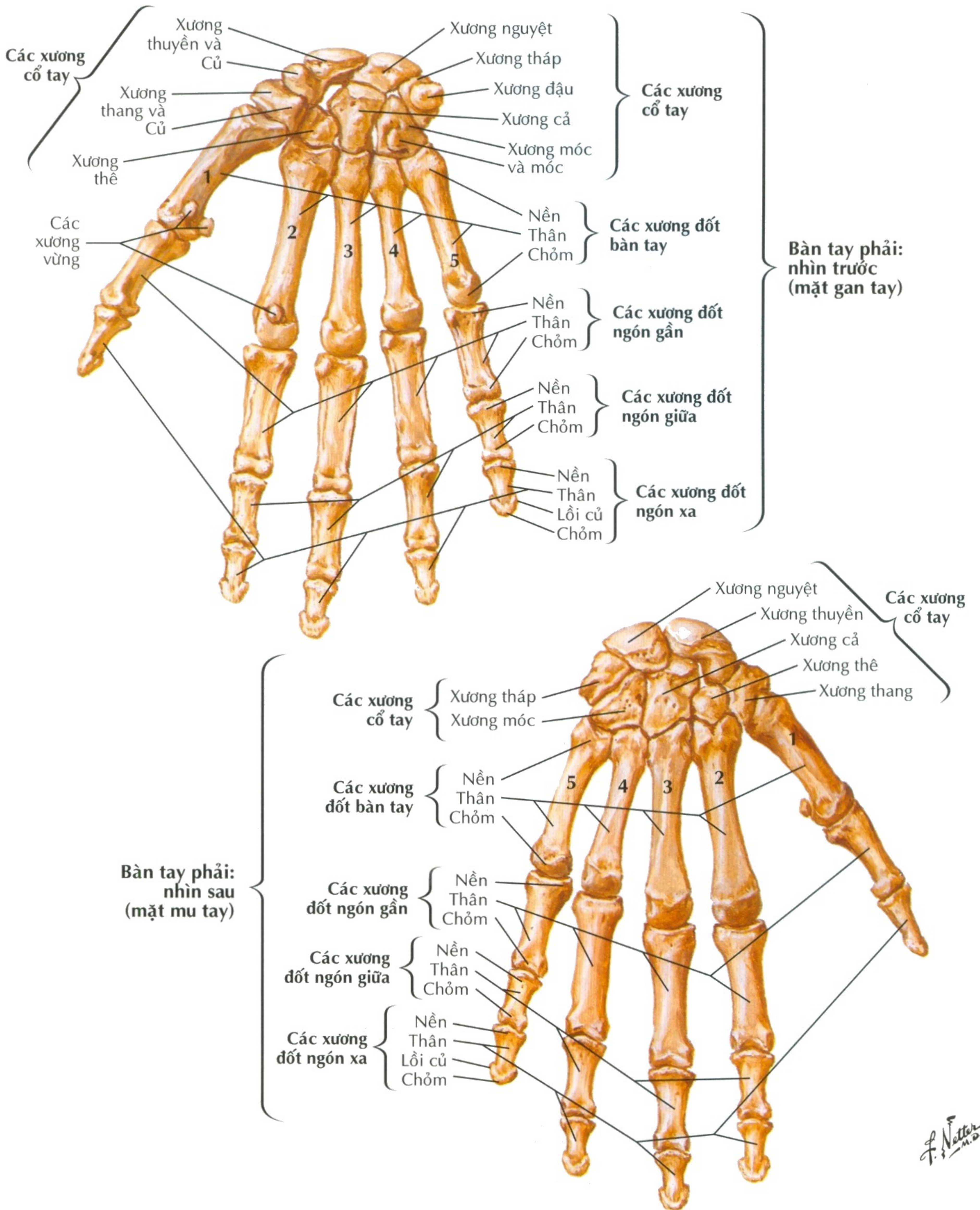


Thiết đồ đứng ngang: nhìn mặt mu tay

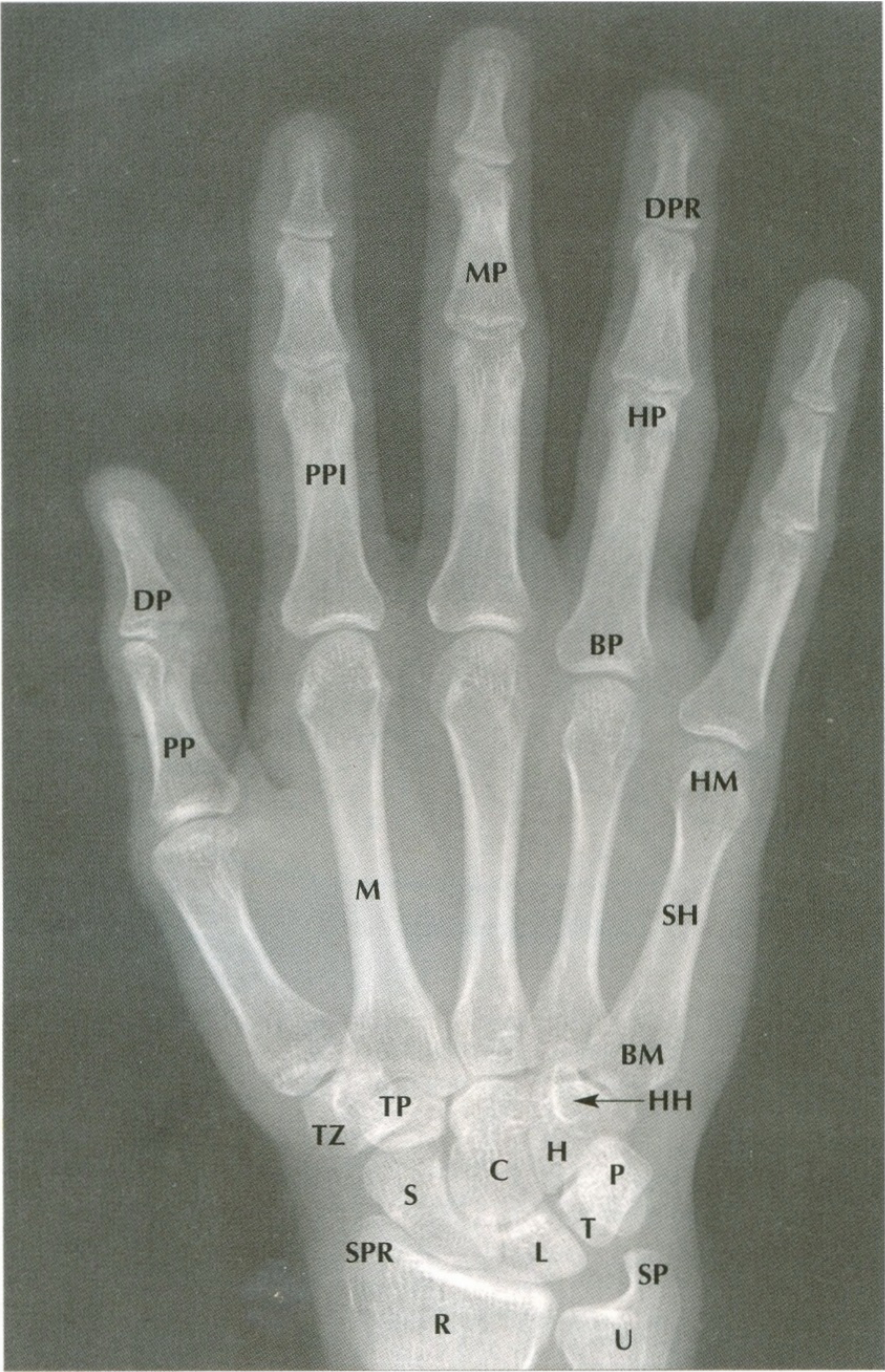


F. Netter M.D.
C. Machado M.D.

Các Xương của Cổ Tay và Bàn Tay

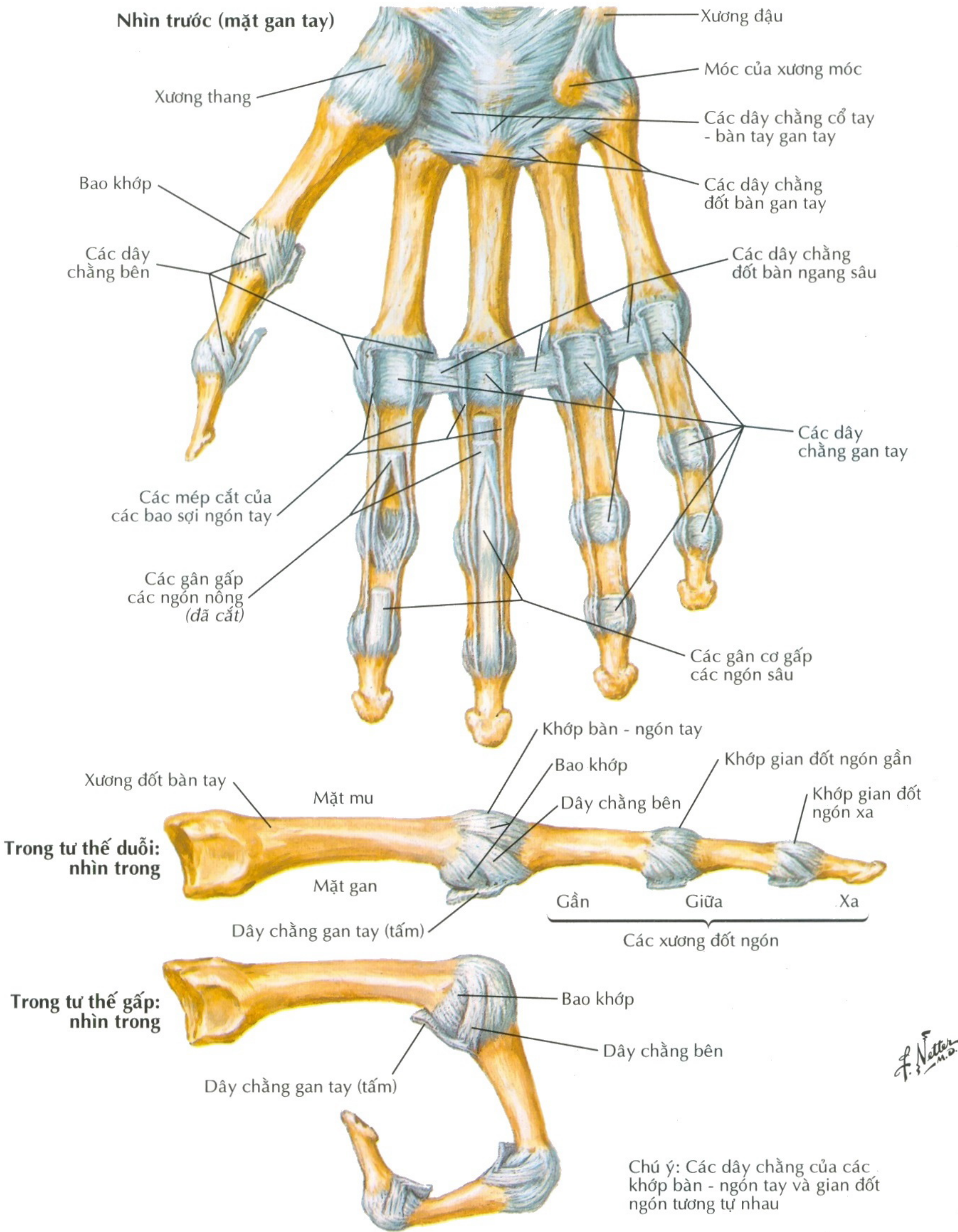


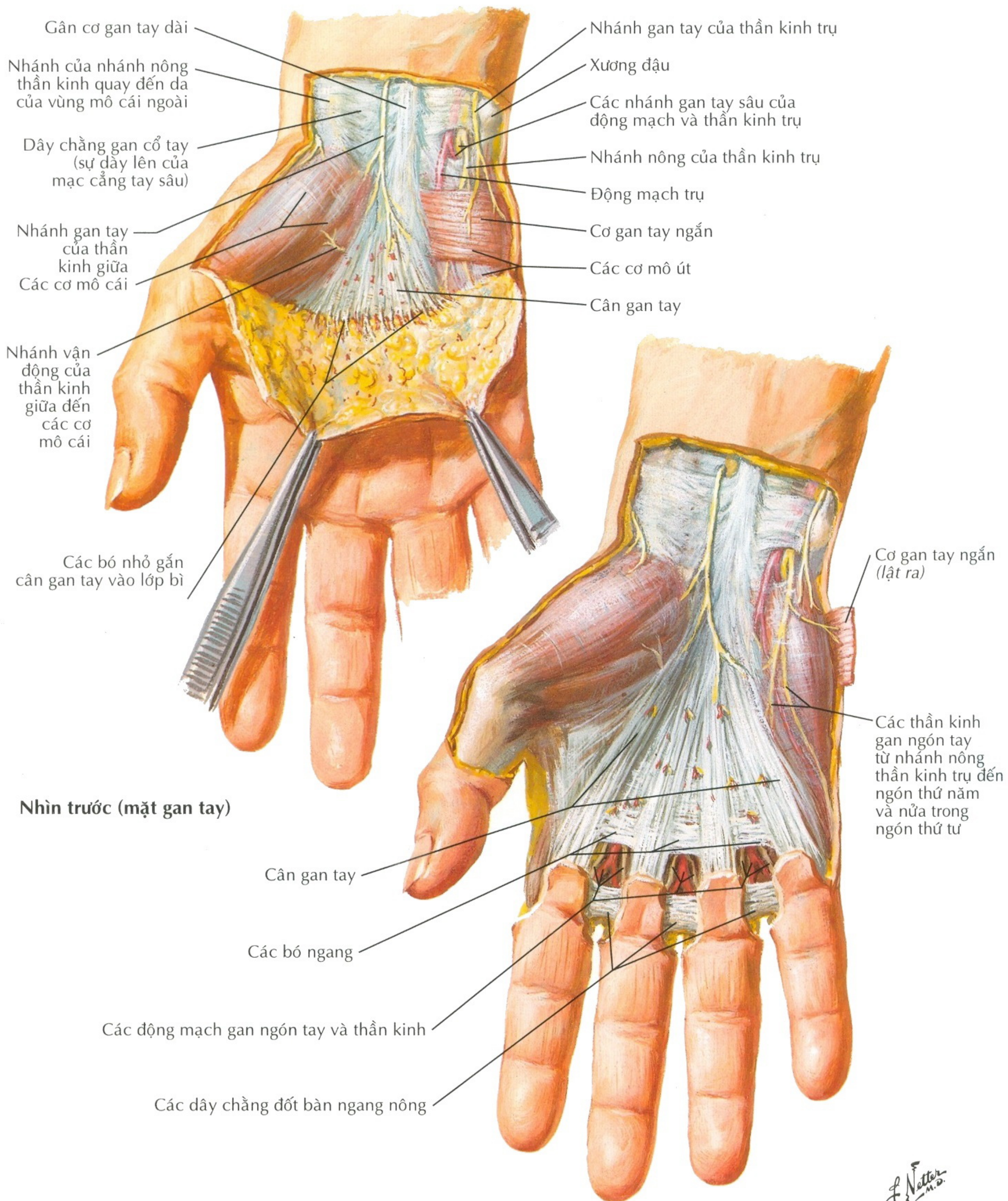
Xem thêm hình 456



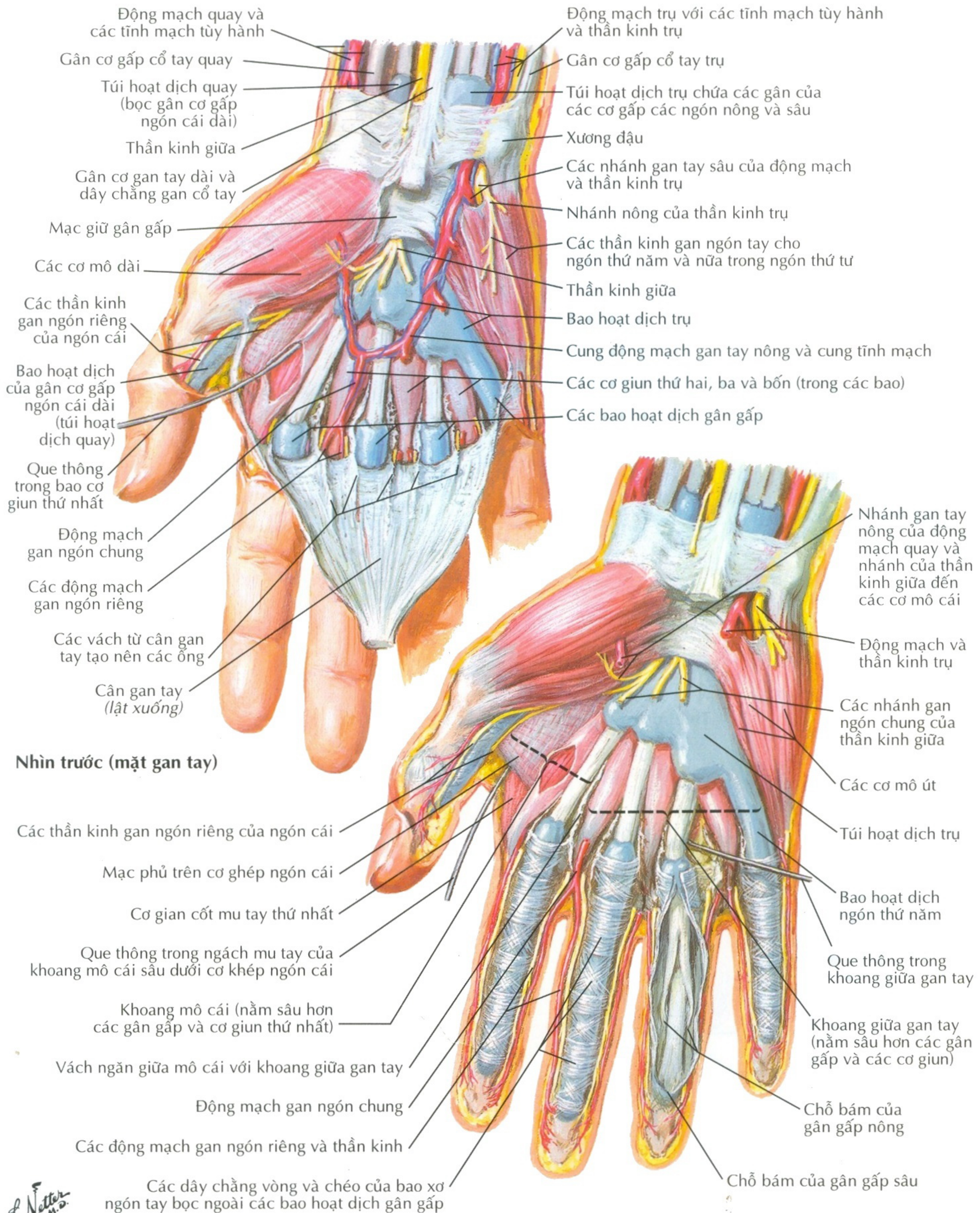
BM	Nền xương đốt bàn 5	P	Xương đậu
BP	Nền xương đốt gần ngón 4	PP	Đốt gần ngón cái
C	Xương cả	PPI	Đốt gần ngón trỏ
DP	Đốt xa ngón cái	R	Xương quay
DPR	Đốt xa ngón nhẫn	S	Xương thuyền
H	Xương móc	SH	Thân đốt bàn 5
HH	Móc xương móc	SP	Mỏm trâm xương trụ
HM	Chòm xương đốt bàn 5	SPR	Mỏm trâm xương quay
HP	Chòm đốt gần	T	Xương tháp
L	Xương nguyệt	TP	Xương thê
M	Đốt bàn ngón trỏ	TZ	Xương thang
MP	Đốt giữa ngón giữa	U	Xương trụ

Hình 457



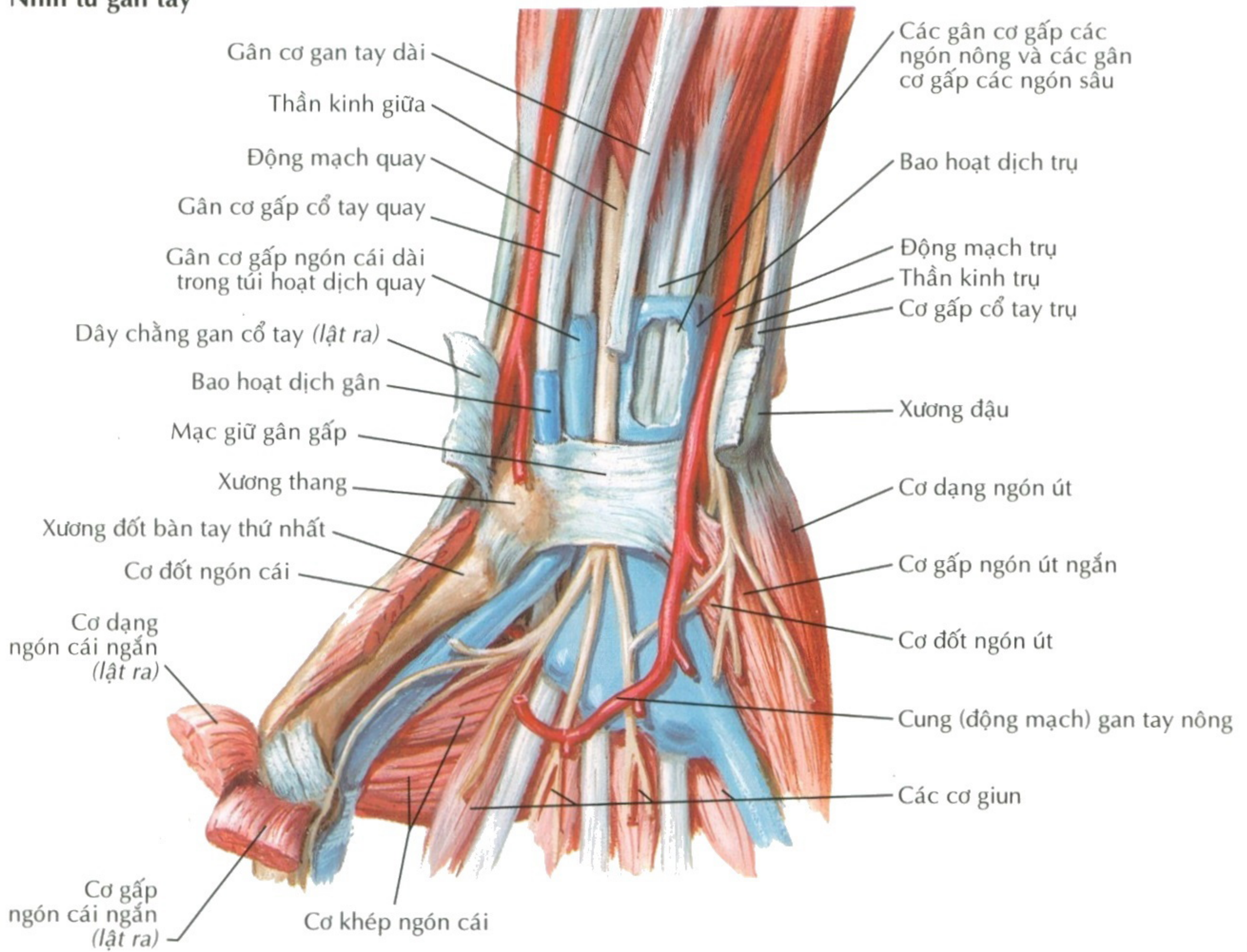


Cổ Tay và Bàn Tay: Các Phần Tích Gan Tay Sâu

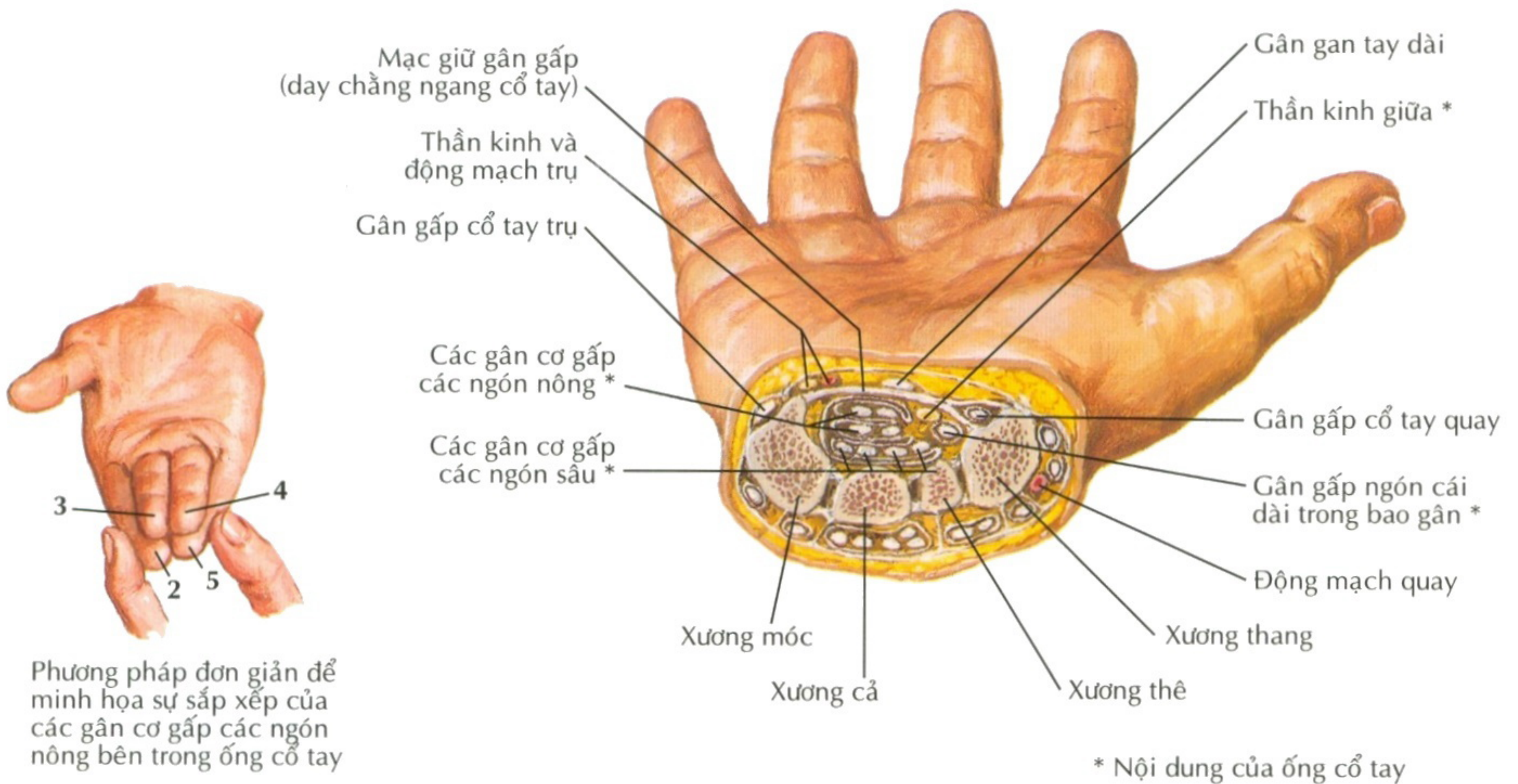


F. Netter M.D.
C. Machado M.D.

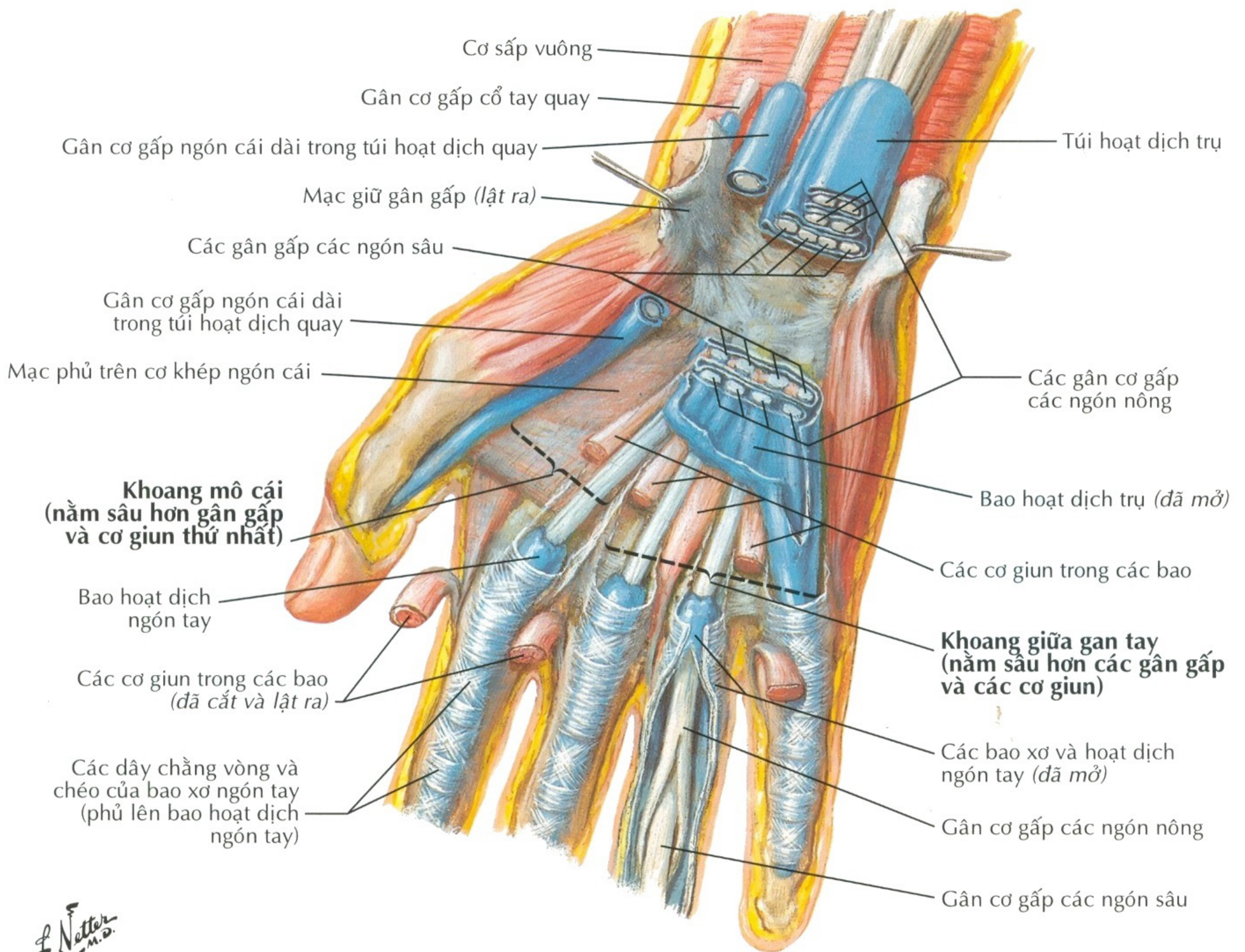
Nhìn từ gan tay



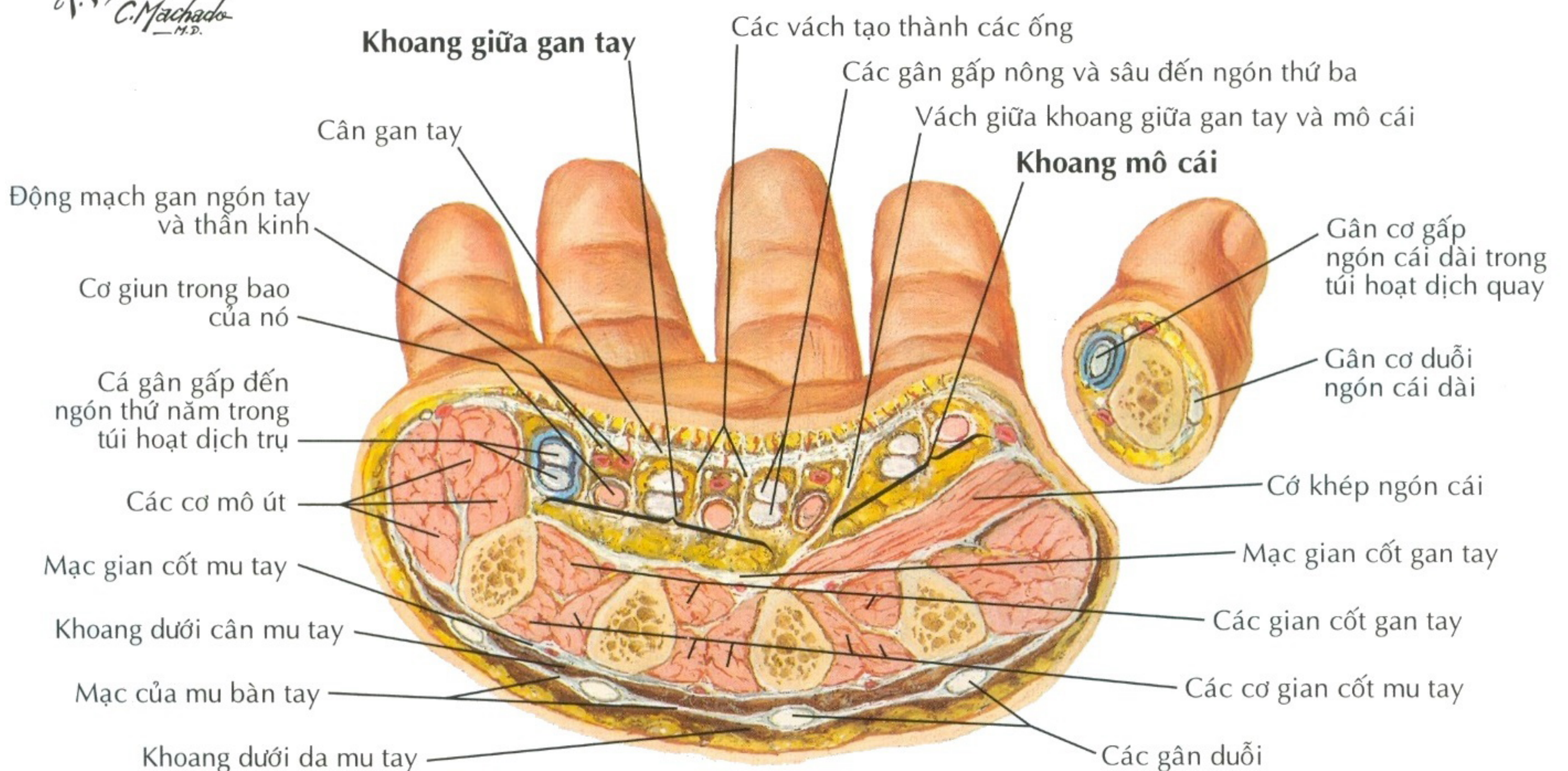
Thiết đồ ngang cổ tay cho thấy ống cổ tay



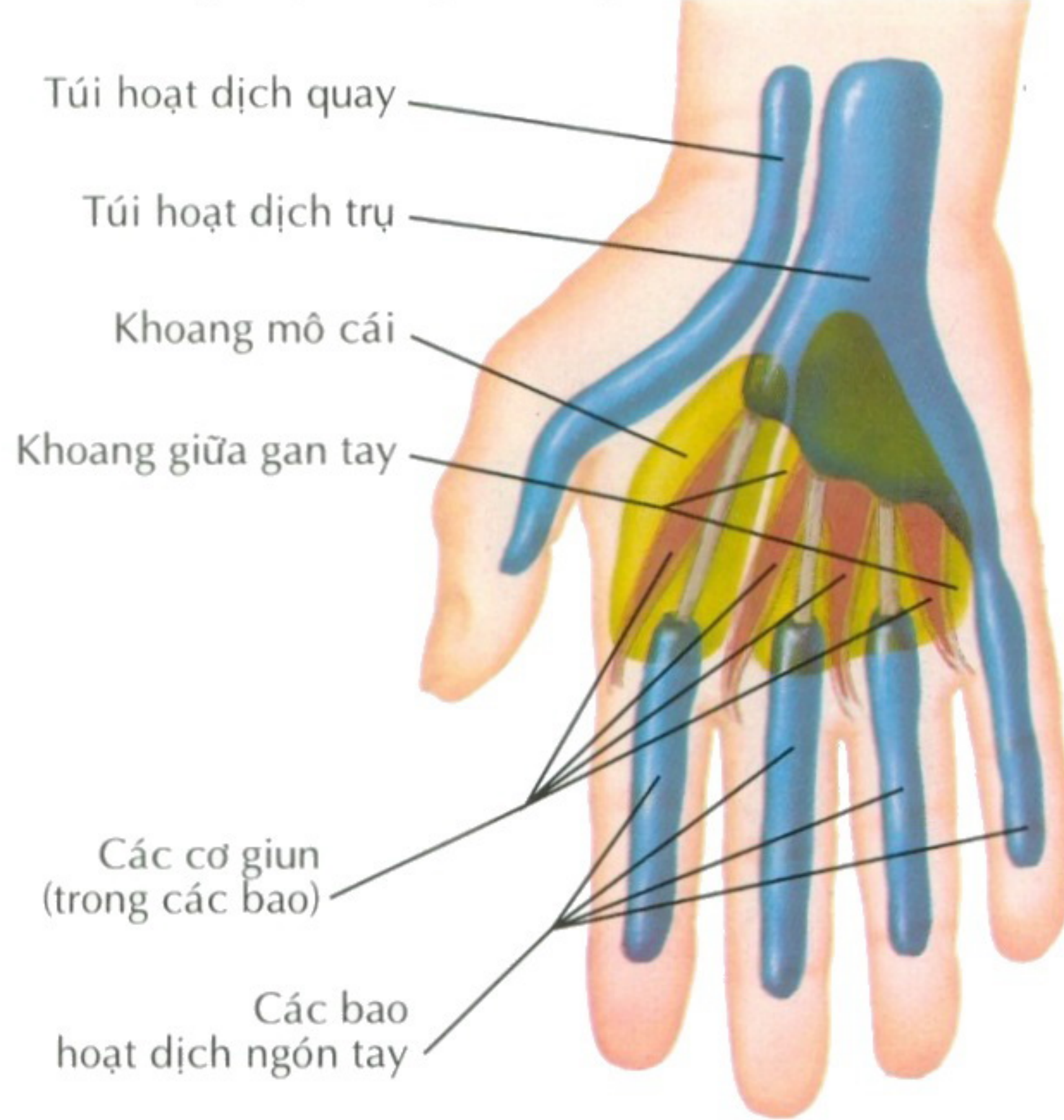
Các Túi, Khoang và Bao của Bàn Tay



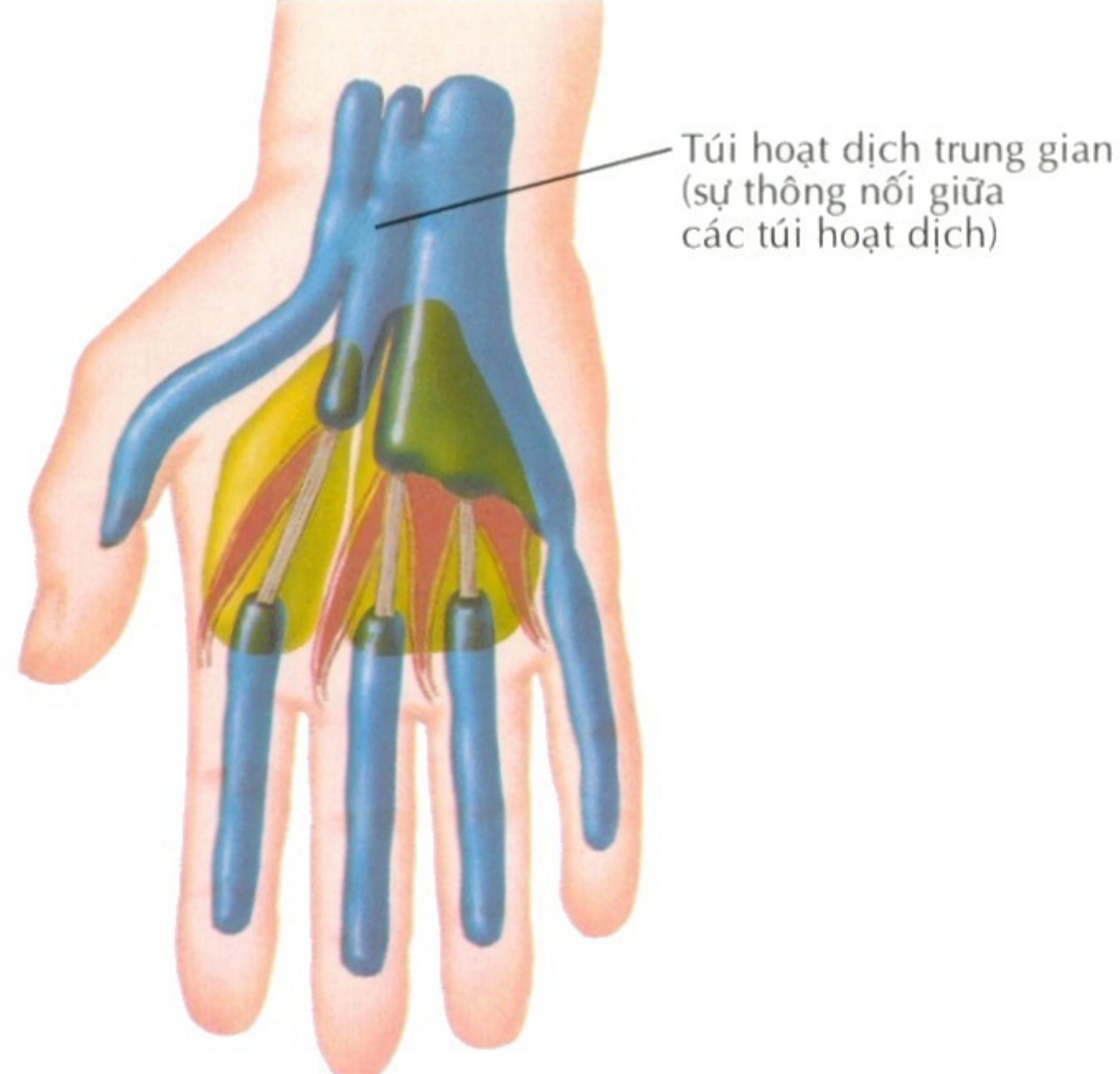
F. Netter M.D.
C. Machado M.D.



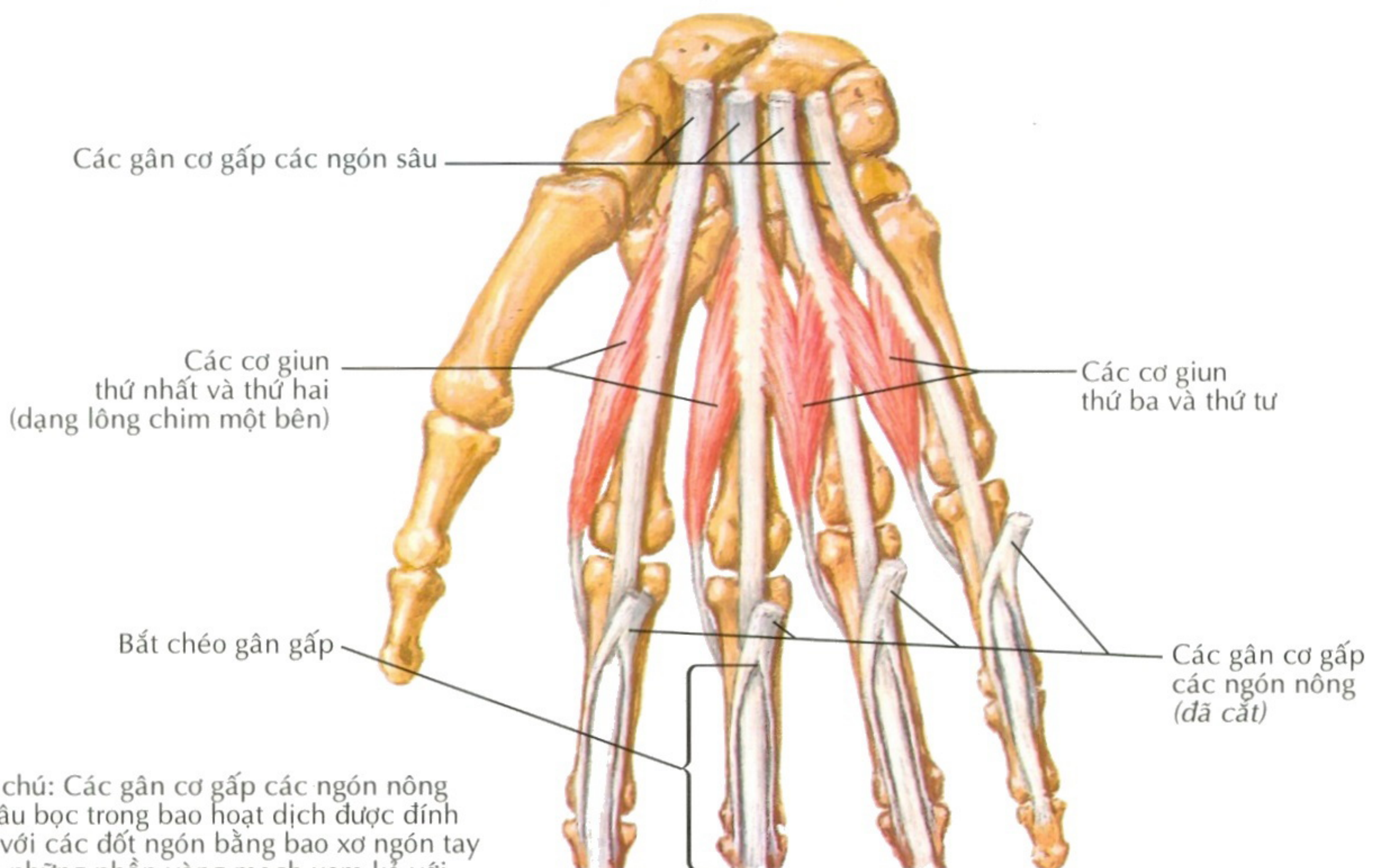
Cách sắp xếp thông thường



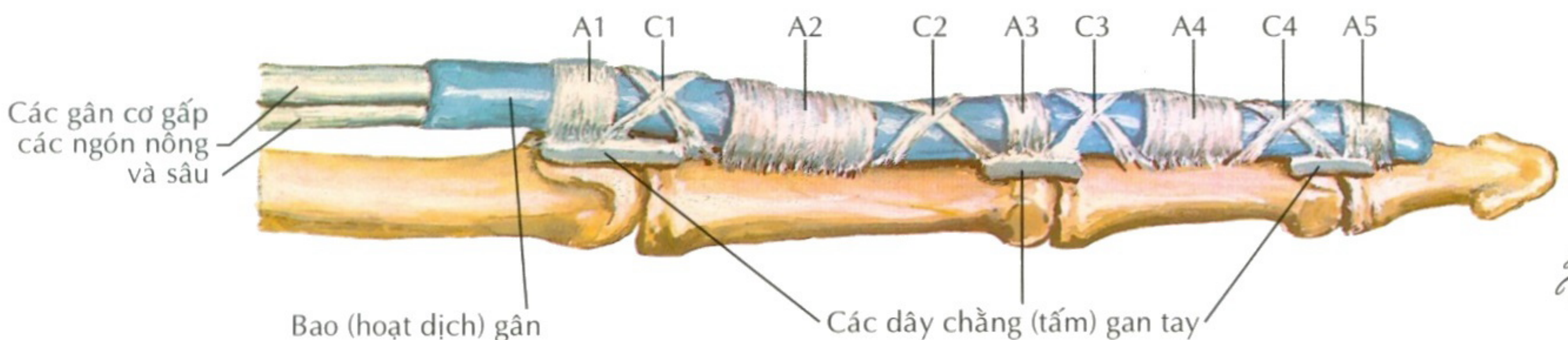
Biến thể thông thường



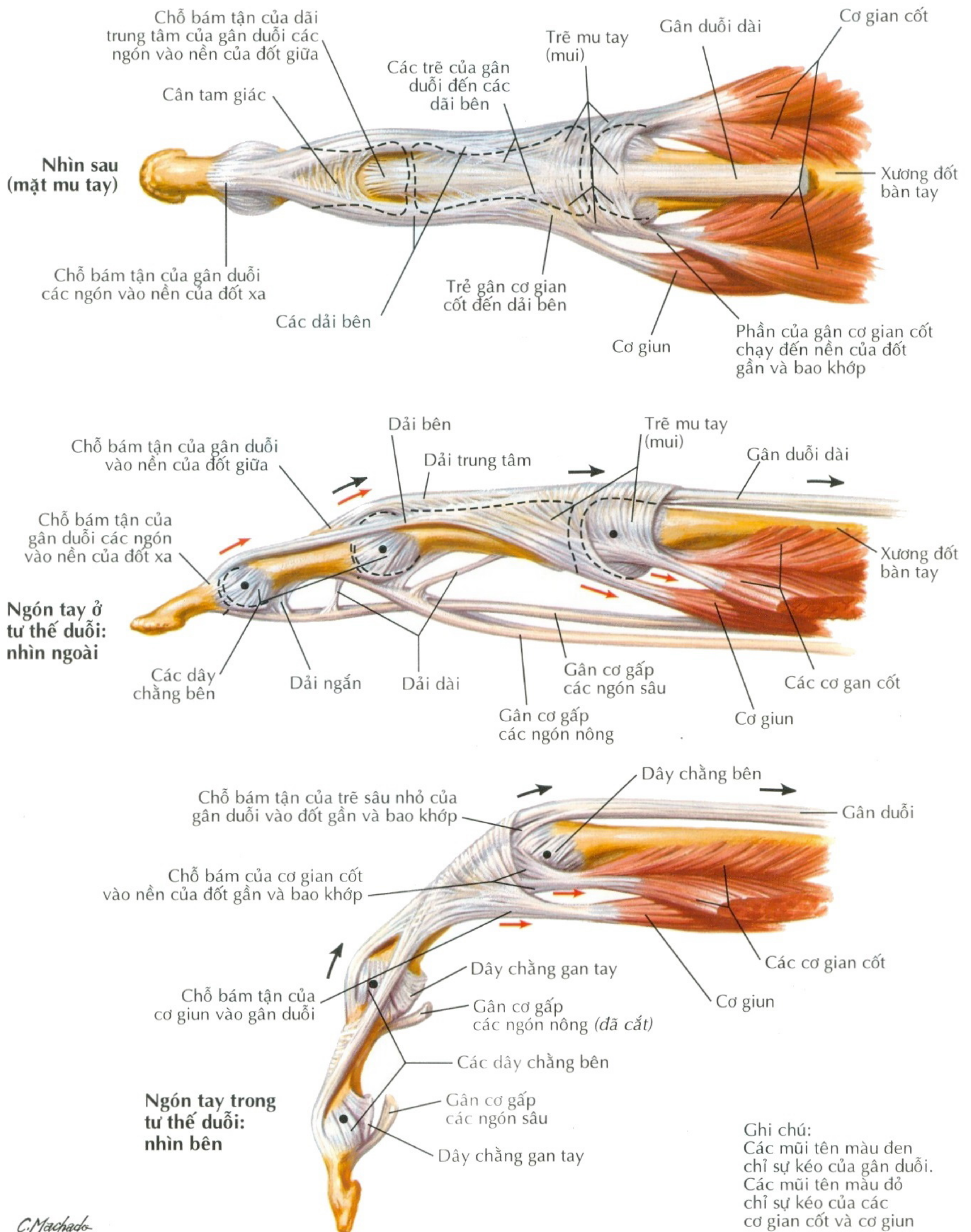
Các cơ giun: sơ đồ

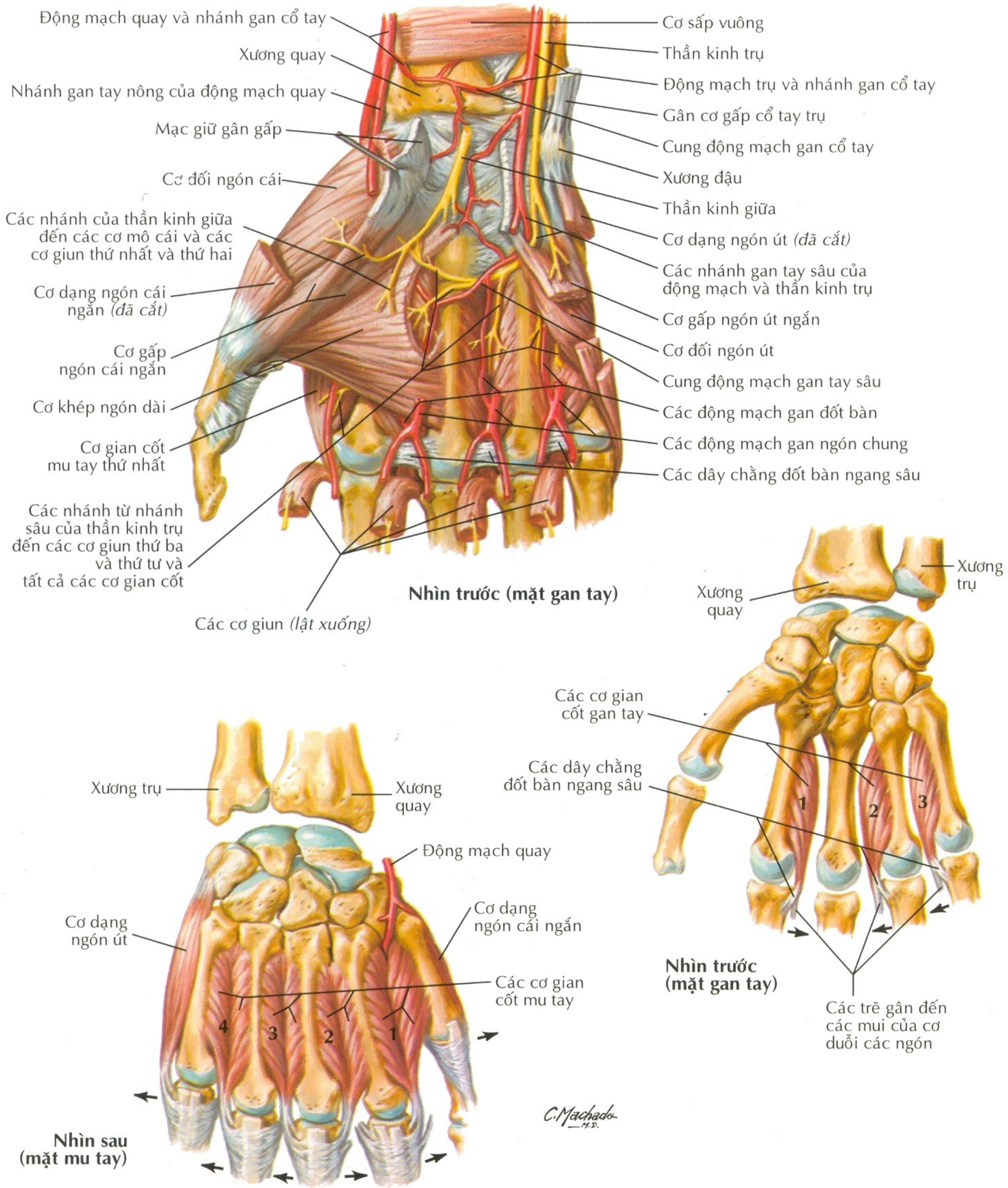


Ghi chú: Các gân cơ gấp các ngón nông và sâu bọc trong bao hoạt dịch được đính vào với các đốt ngón bằng bao xơ ngón tay gồm những phần vòng mạch xem kể với những phần bắt chéo (ròng rọc) yếu hơn.



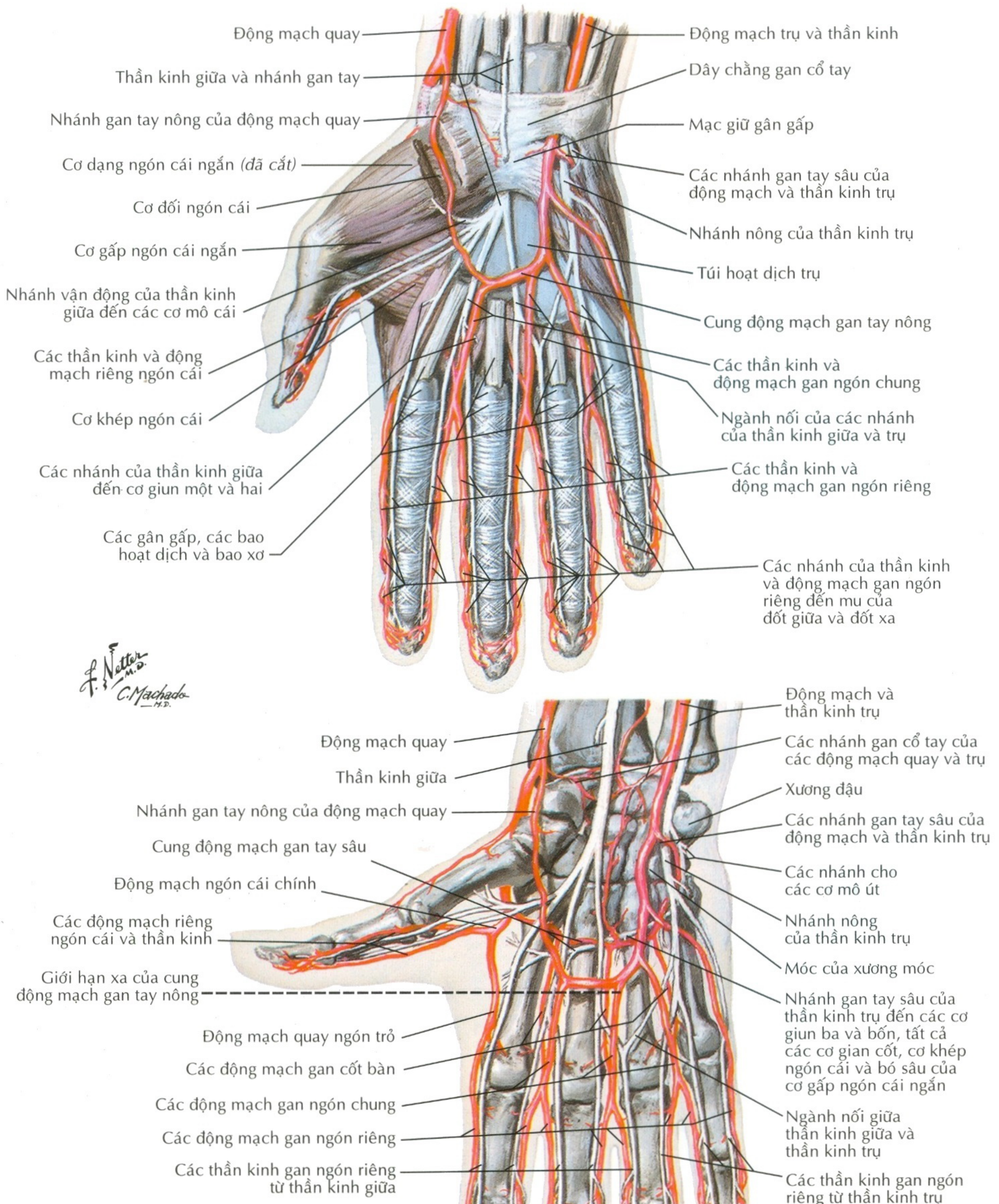
Các Gân Gấp và Duỗi ở Ngón Tay



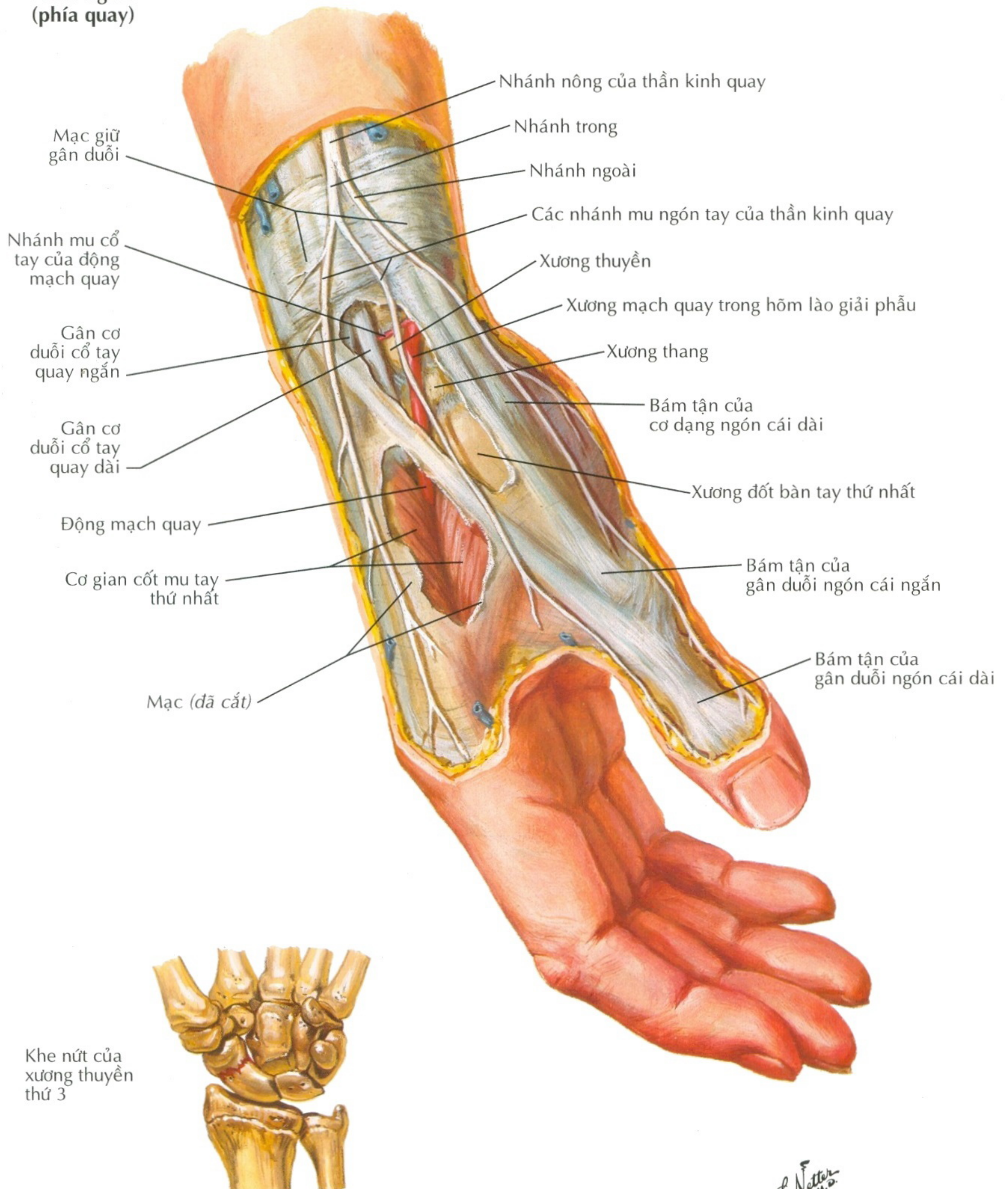


Chú ý: Các mũi tên chỉ sự hoạt động của các cơ

Các Động Mạch và Thần Kinh của Bàn Tay: Nhìn Mặt Gan Tay

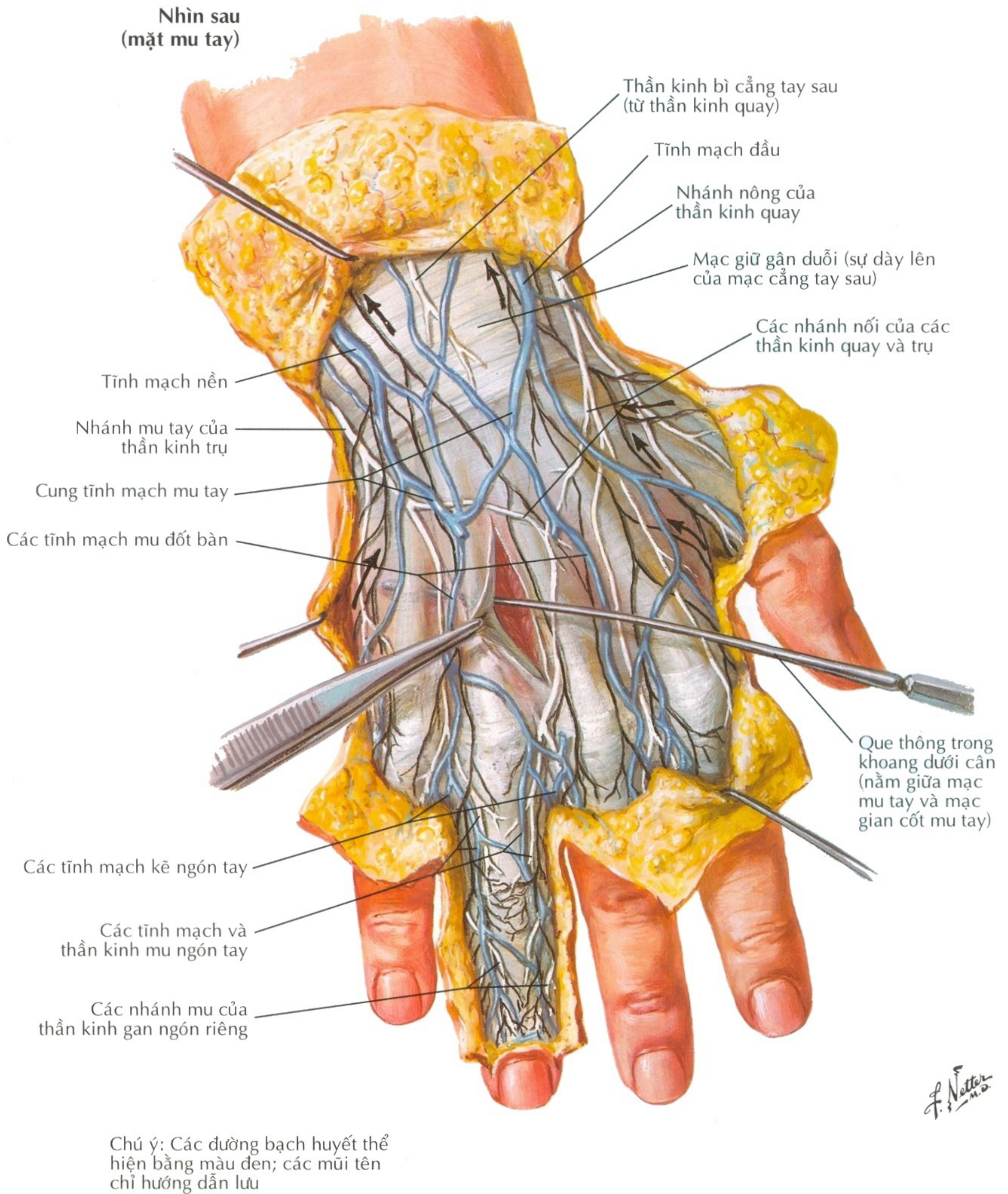


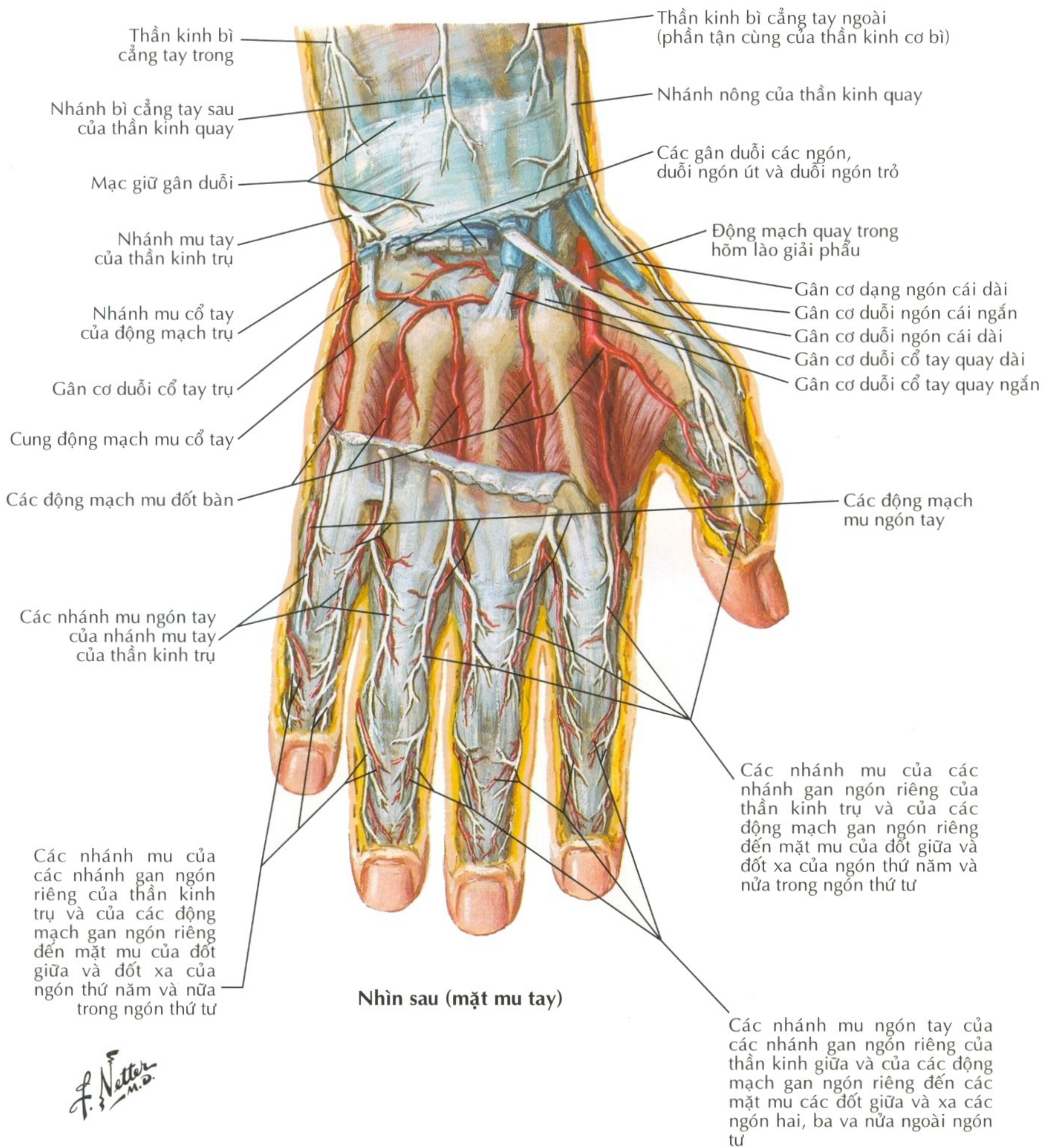
Nhìn ngoài
(phía quay)



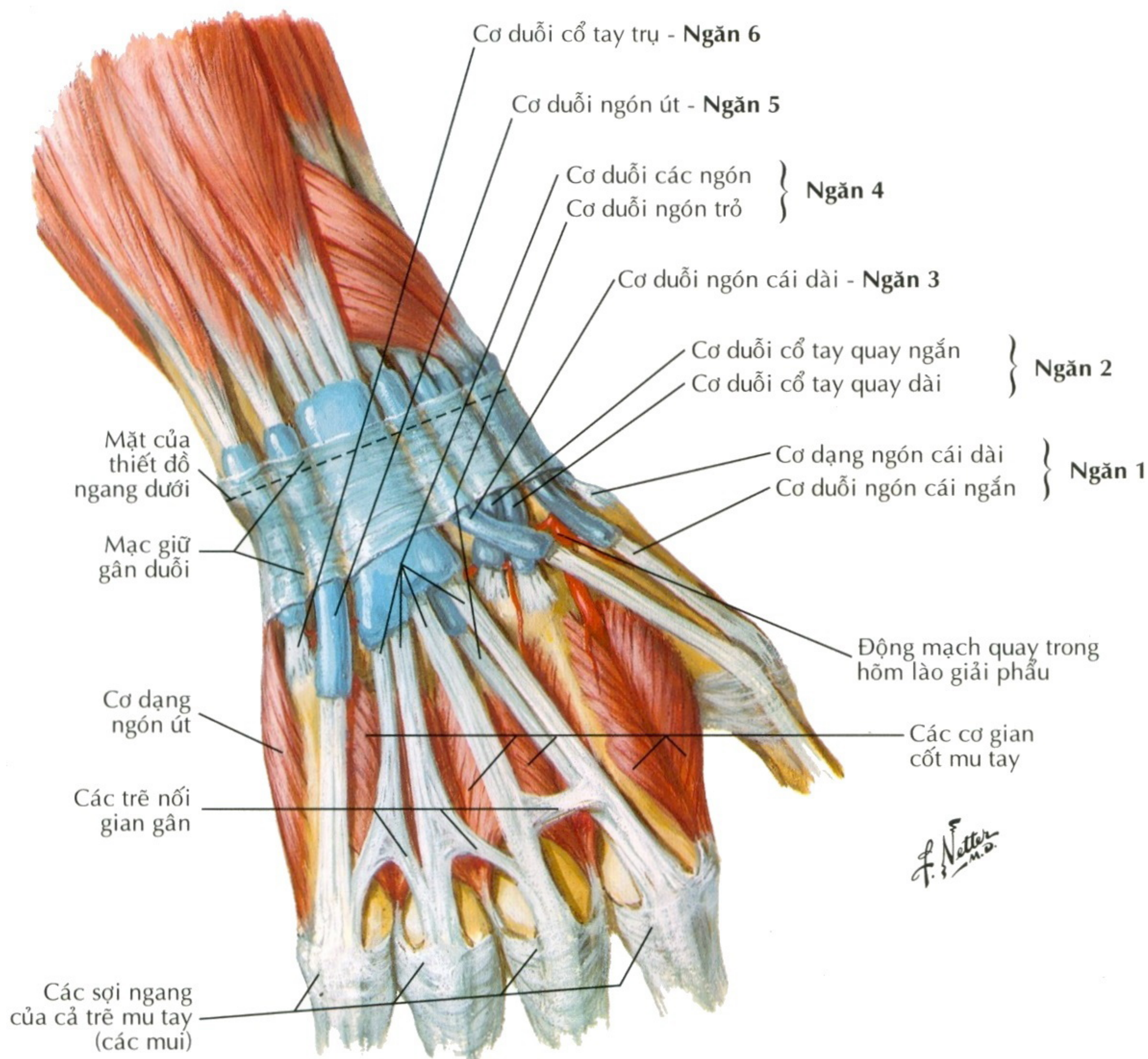
Hình 467

Cổ Tay và Bàn Tay: Phẫu Tích Nông Mặt Mu Tay

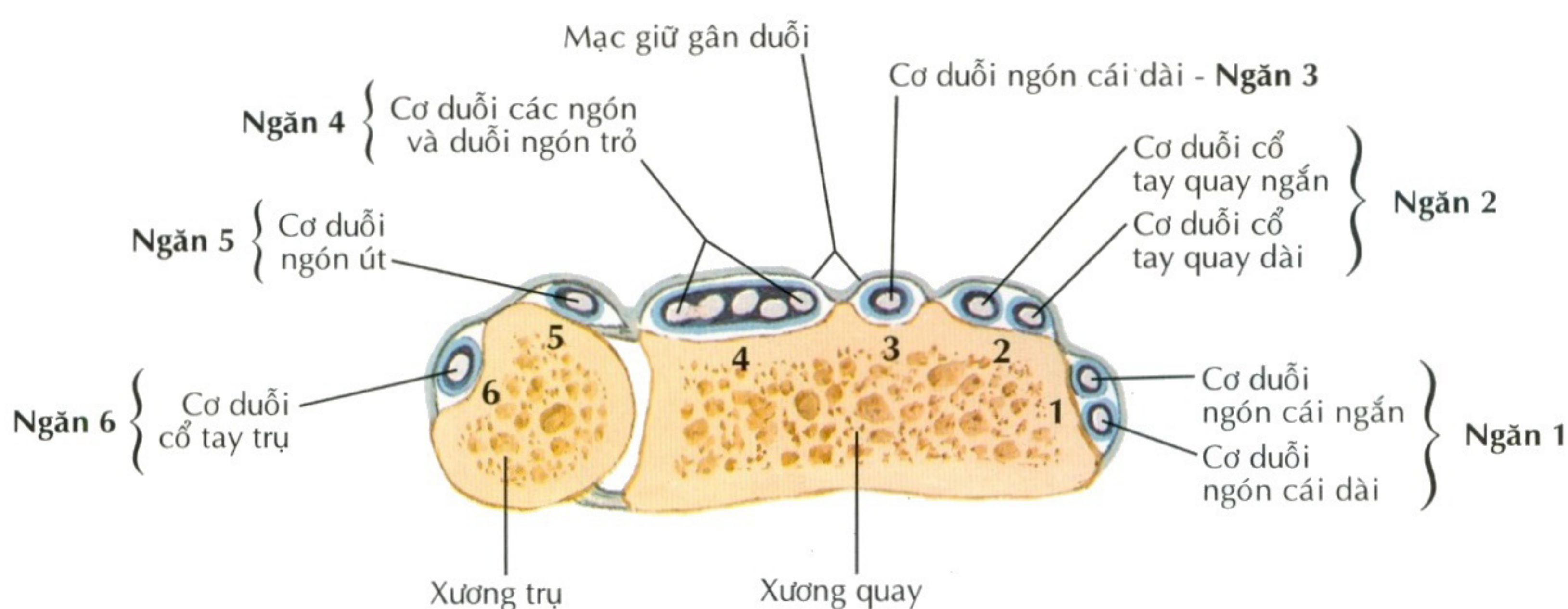


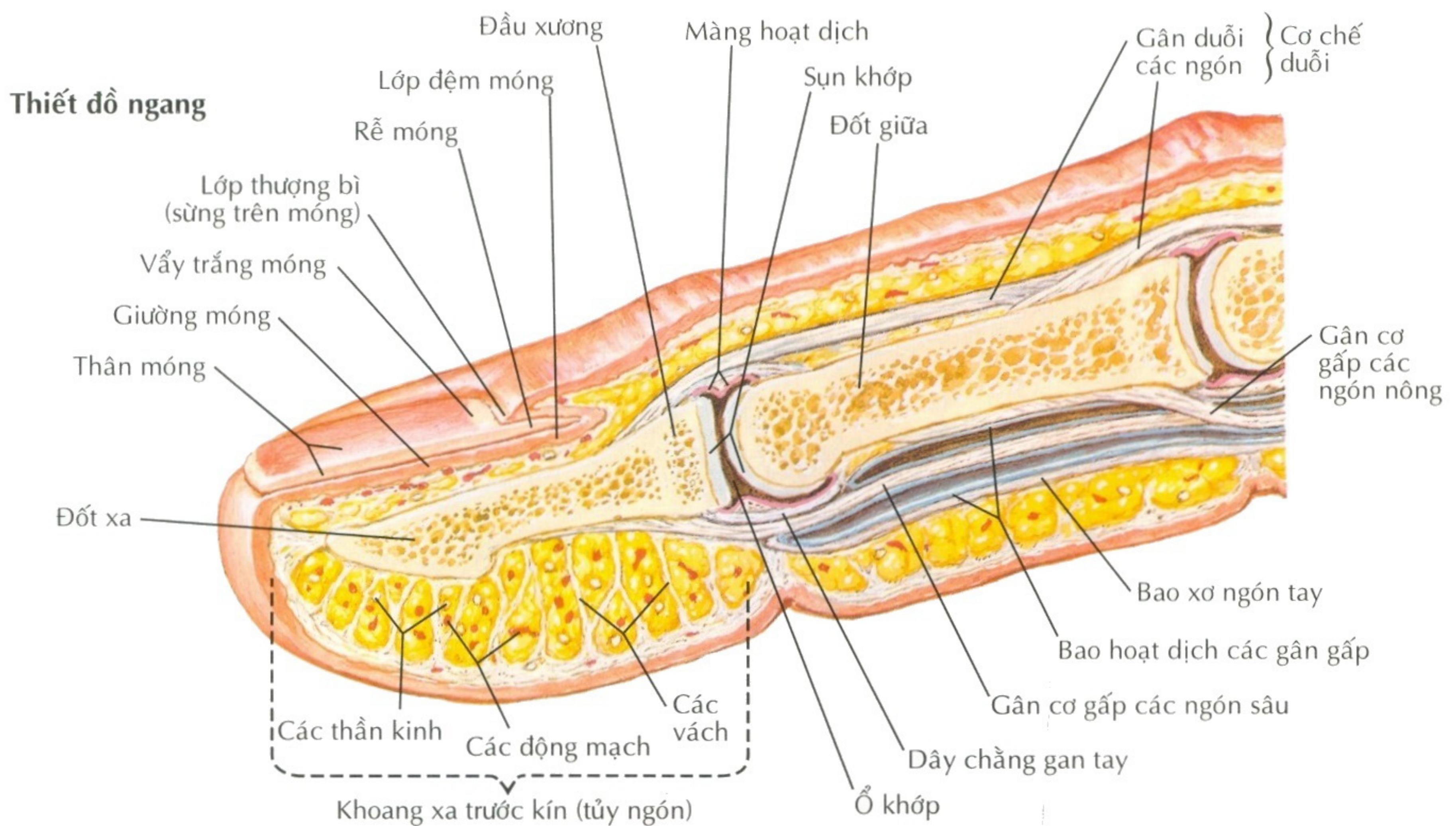


Nhìn sau (mặt mu tay)

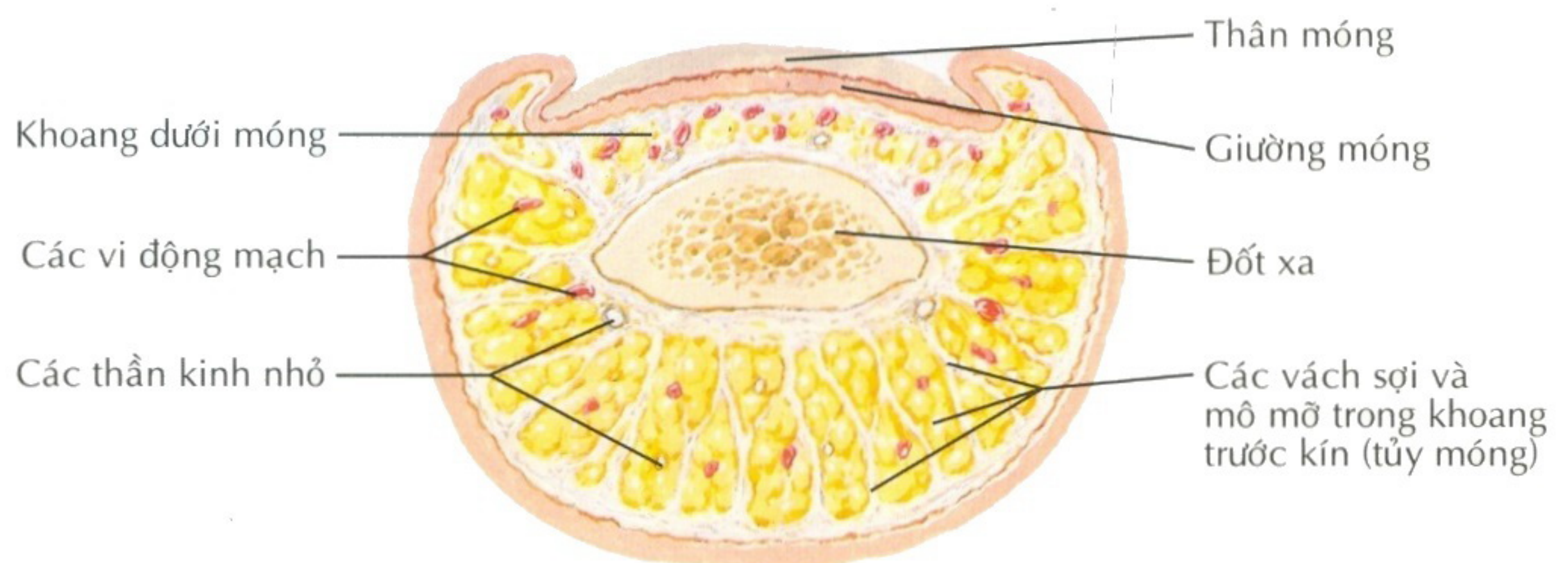


Thiết đồ ngang ở trên cổ tay





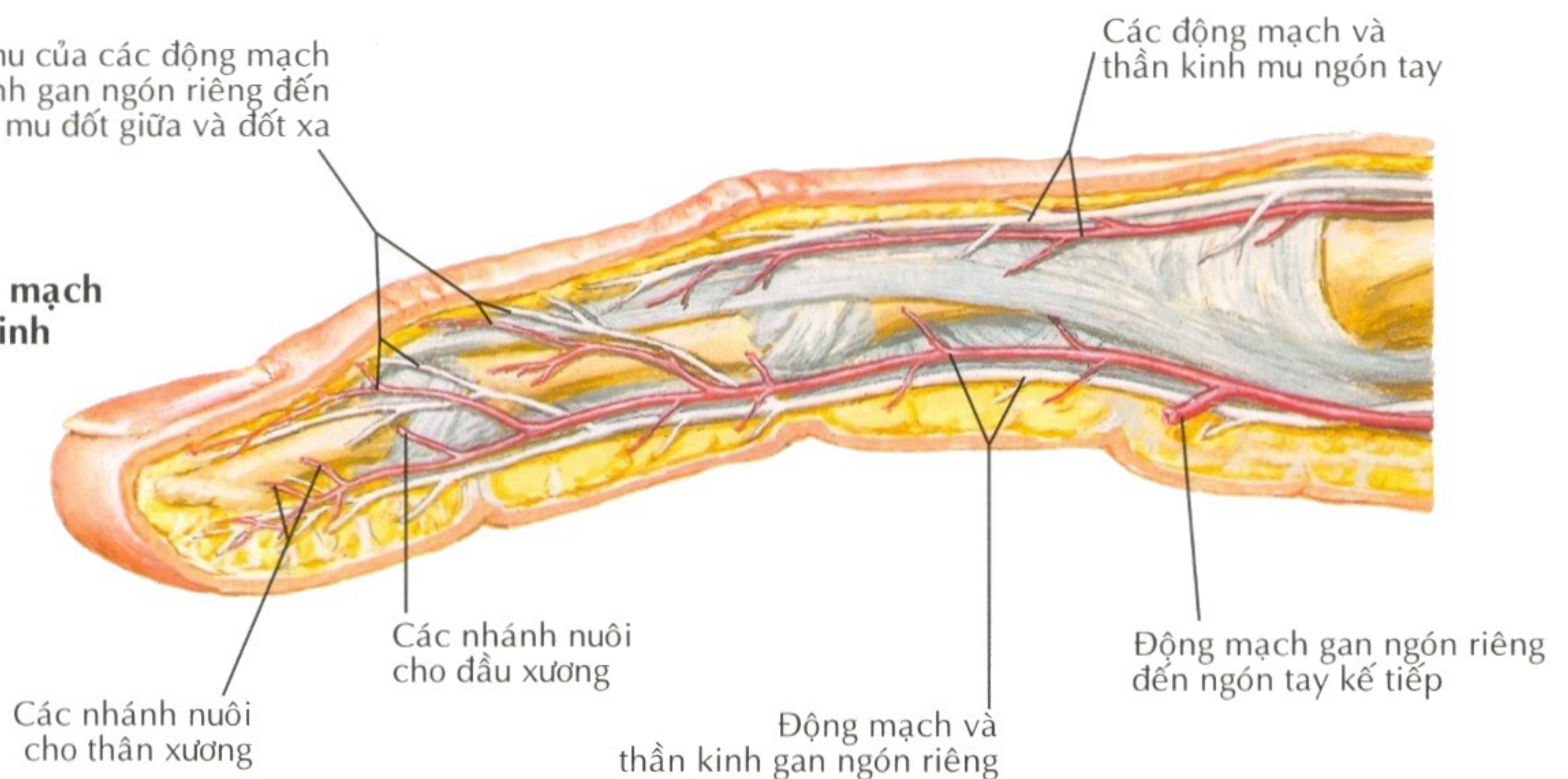
Thiết đồ ngang qua đốt xa



Các nhánh mu của các động mạch và thần kinh gan ngón riêng đến mặt mu đốt giữa và đốt xa

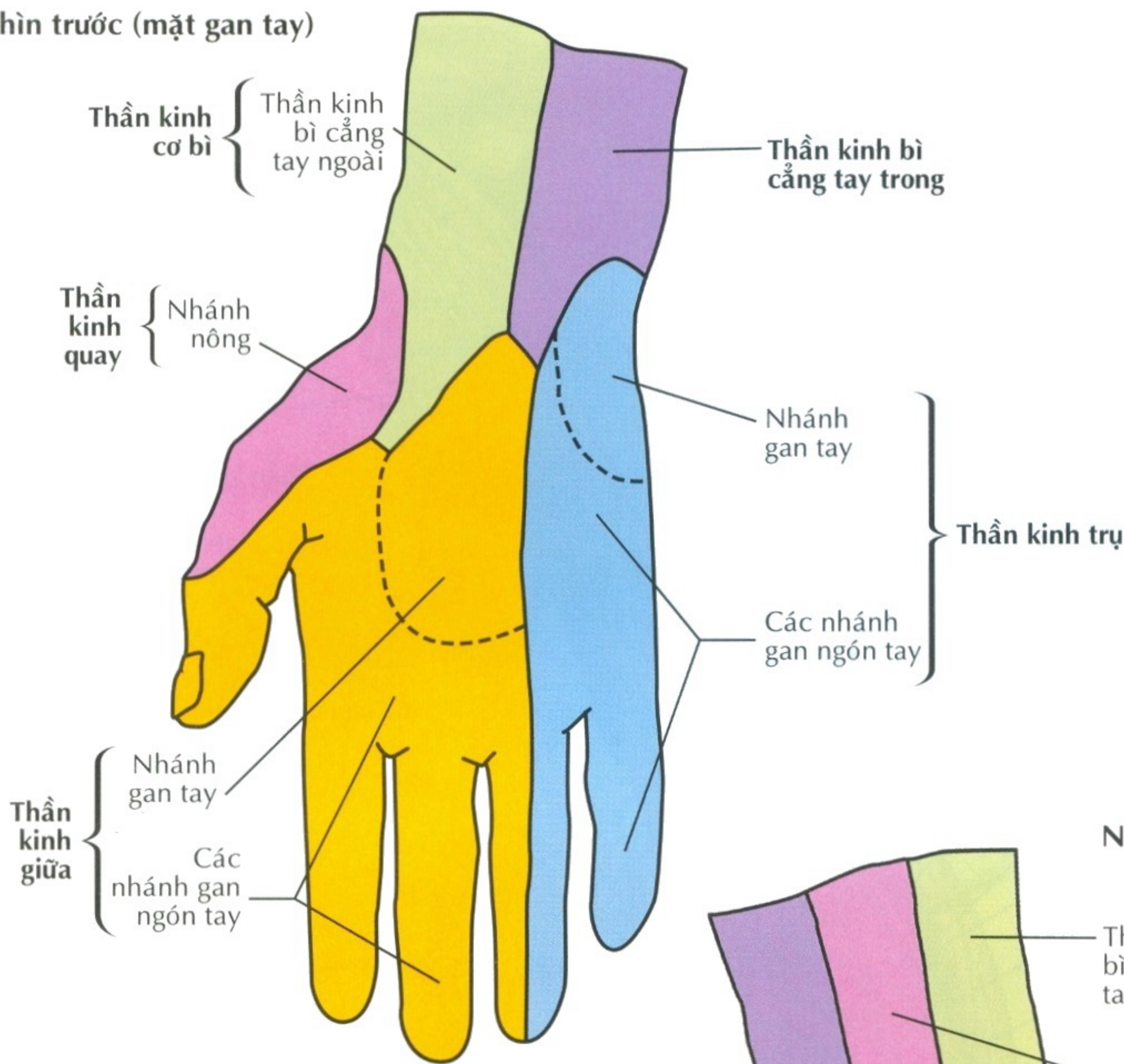
Các động mạch và thần kinh

F. Netter M.D.

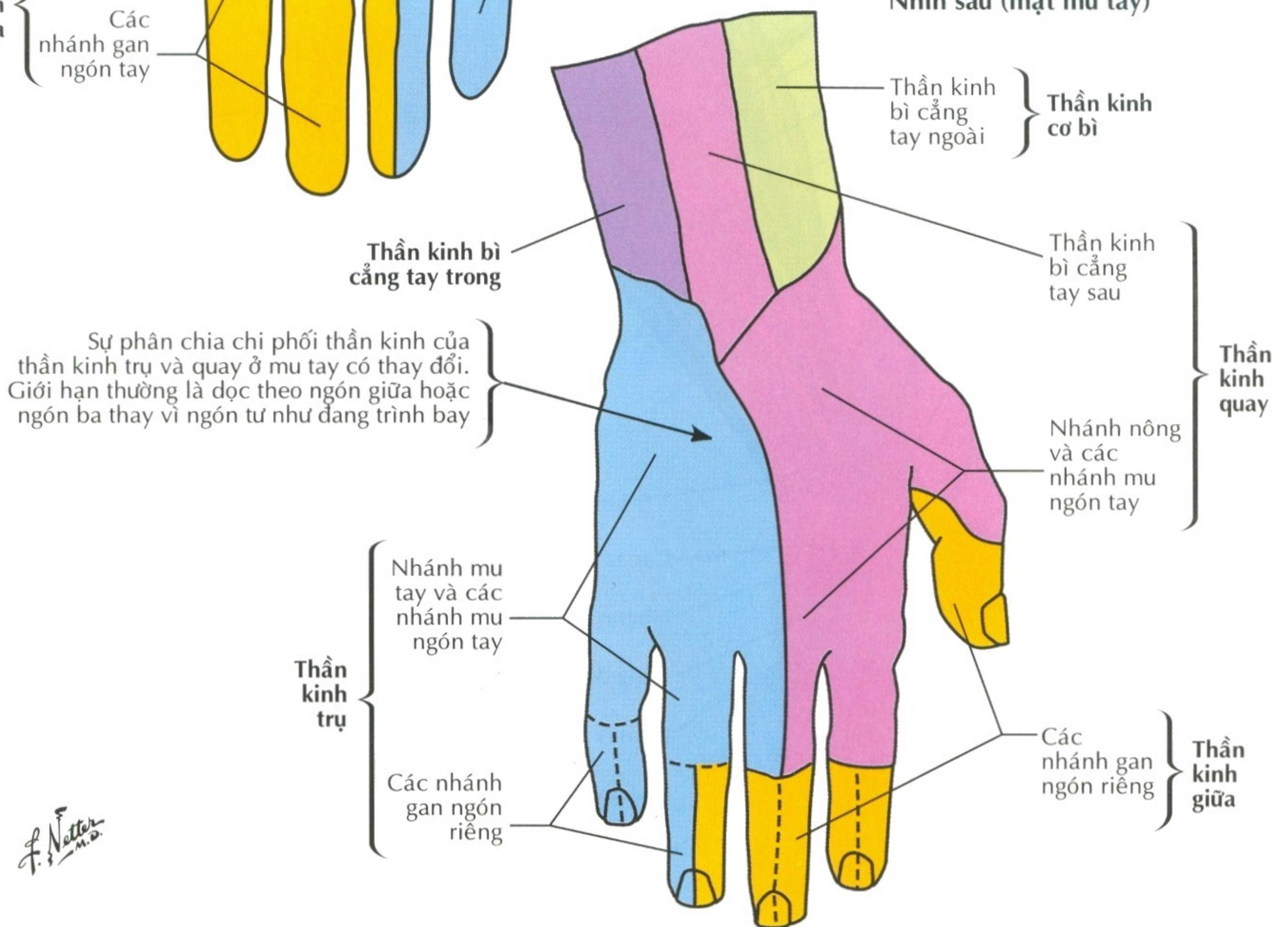


Các Thần Kinh Bì của Cổ Tay và Bàn Tay

Nhìn trước (mặt gan tay)



Nhìn sau (mặt mu tay)



F. Netter M.D.

Nhìn trước

Cơ đen ta

Cơ quạ - cánh tay

Cơ nhị đầu cánh tay { Đầu ngắn (đã cắt) Đầu dài (đã cắt)

Thần kinh gian sườn - cánh tay

Thần kinh bì cánh tay trong

Thần kinh quay

Thần kinh trụ

Thần kinh bì căng tay trong

Thần kinh giữa

Động mạch cánh tay

Cơ nhị đầu cánh tay (đã cắt) và gân

Thần kinh bì căng tay ngoài (từ thần kinh cơ bì)

Thần kinh quay { Nhánh sâu Nhánh nông

Cơ ngửa

Cơ cánh tay quay

Động mạch quay

Cơ sấp tròn (cắt một phần)

Thần kinh giữa

Cơ gấp ngón cái dài

Gân cơ gấp cổ tay quay (đã cắt)

Mạc giữ gân gấp

Nhánh nông của thần kinh quay

Nhánh vận động của thần kinh giữa và các cơ mô cái

Trẻ cân cơ nhị đầu

Đầu cánh tay (đã cắt)

Đầu trụ

Cơ gấp cổ tay quay (đã cắt)

Đầu cánh tay trụ

Đầu quay

Cơ gấp các ngón sâu

Cơ gấp tay cổ trụ

Động mạch và thần kinh trụ

Nhánh mu tay của thần kinh trụ

Các gân cơ gấp các ngón nông (đã cắt)

Các nhánh gan tay sâu của động mạch và thần kinh trụ

Nhánh nông của thần kinh trụ

Cung động mạch gan tay nông (đã cắt)

Nhánh gan ngón chung của thần kinh trụ

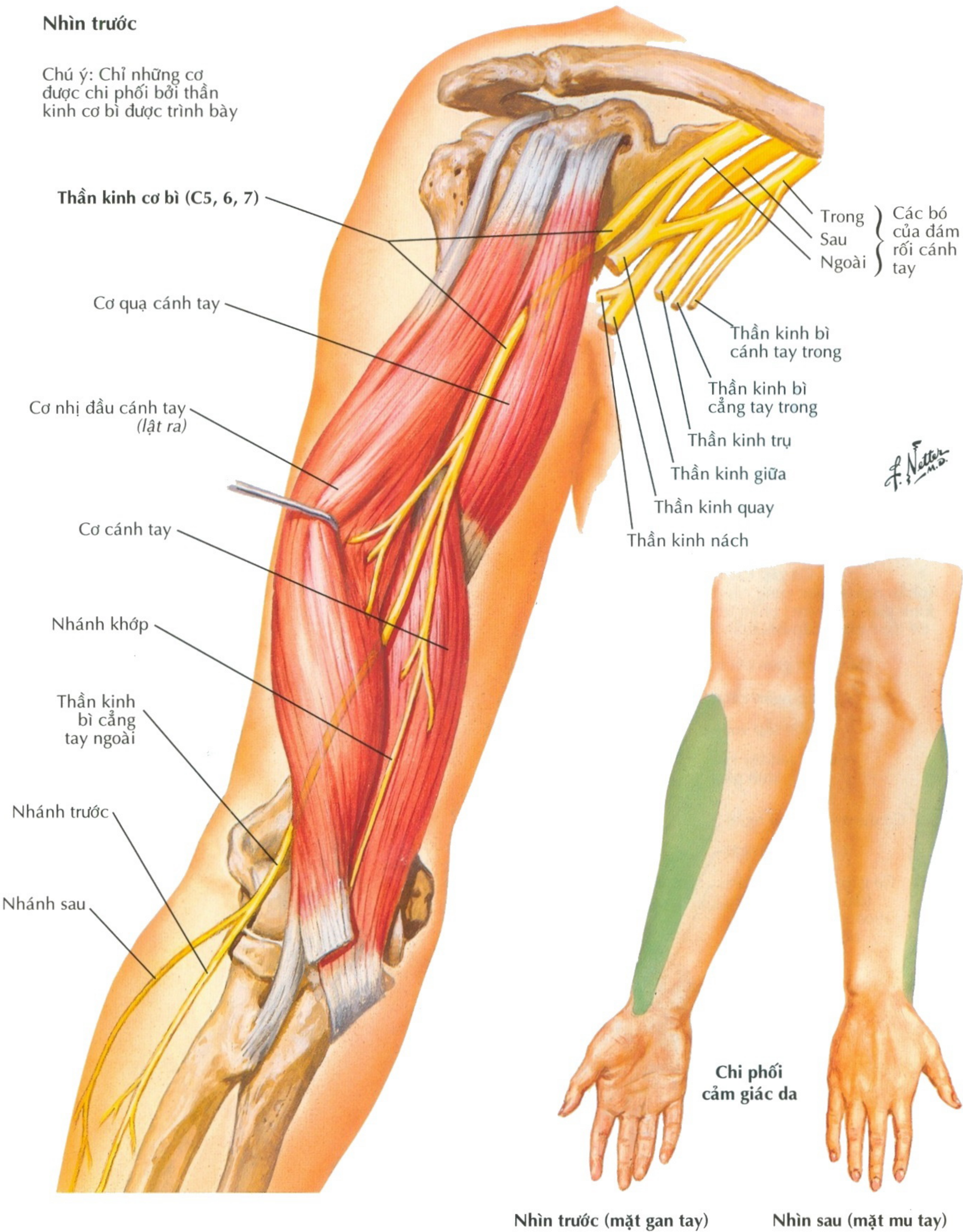
Nhánh nối giữa các nhánh của thần kinh giữa và thần kinh trụ

Các nhánh gan ngón riêng của thần kinh giữa

Các nhánh gan ngón riêng của thần kinh giữa

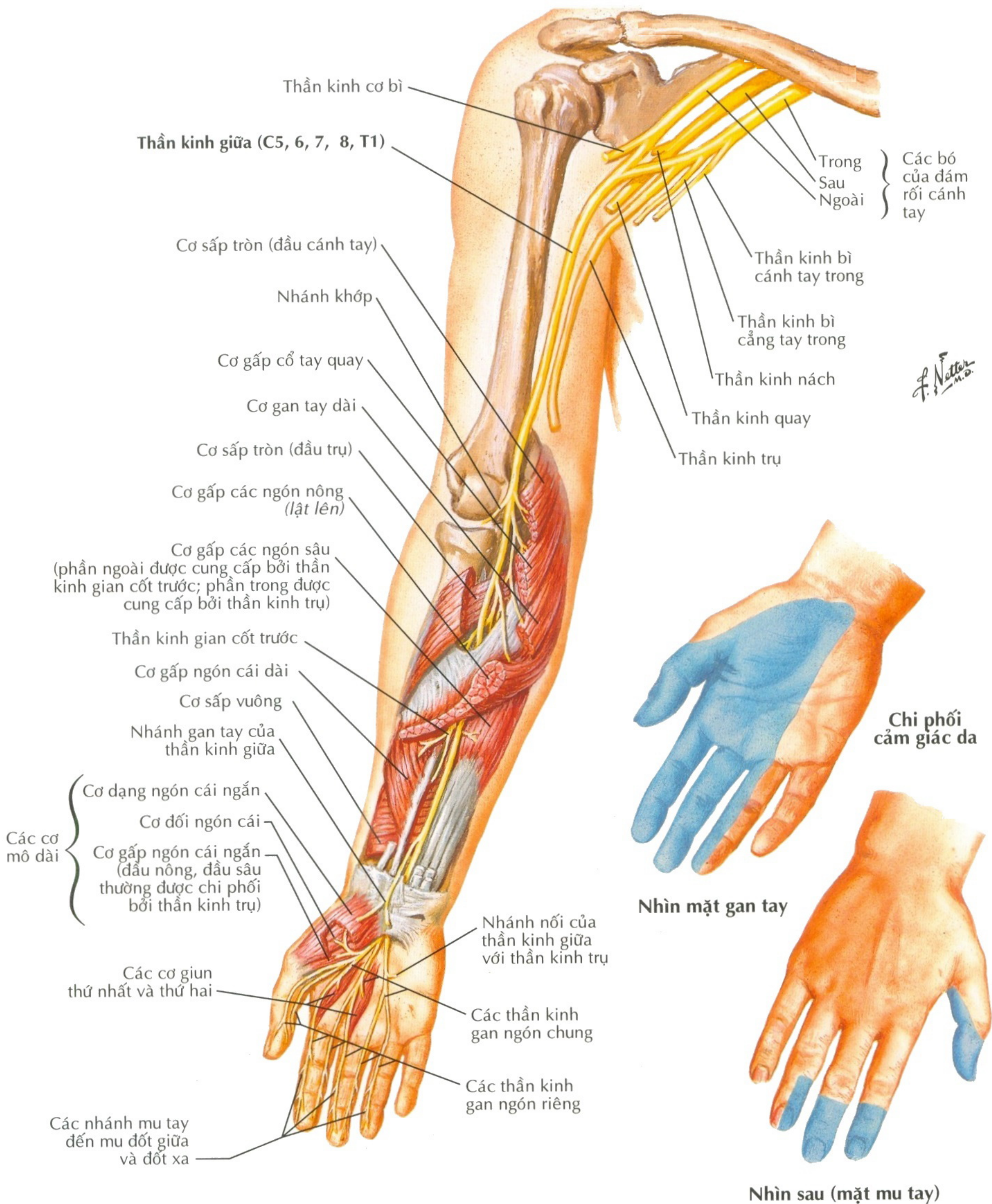
Nhìn trước

Chú ý: Chỉ những cơ được chi phối bởi thần kinh cơ bì được trình bày



Nhìn trước

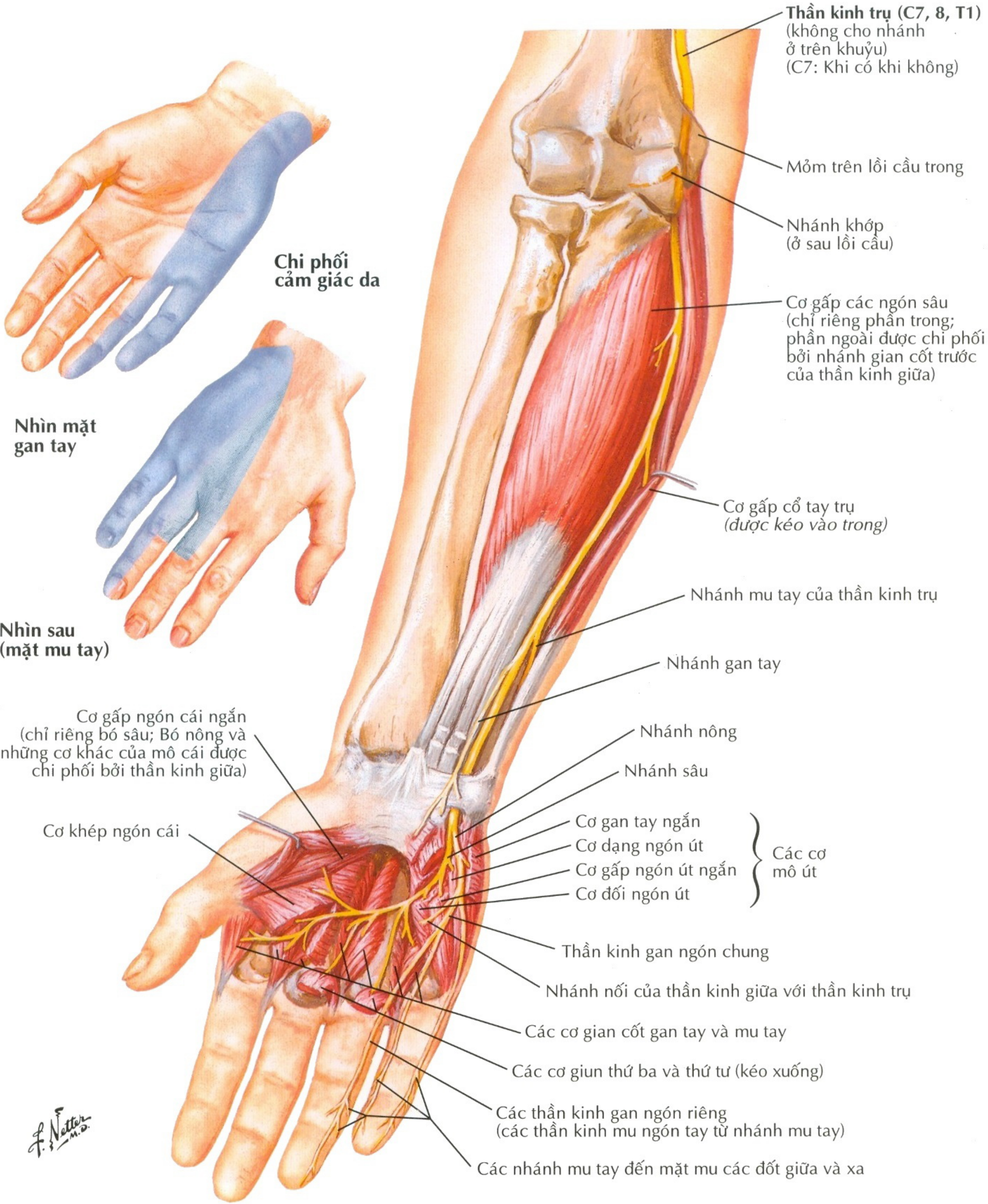
Chú ý: chỉ những cơ được chi phối bởi thần kinh giữa được trình bày

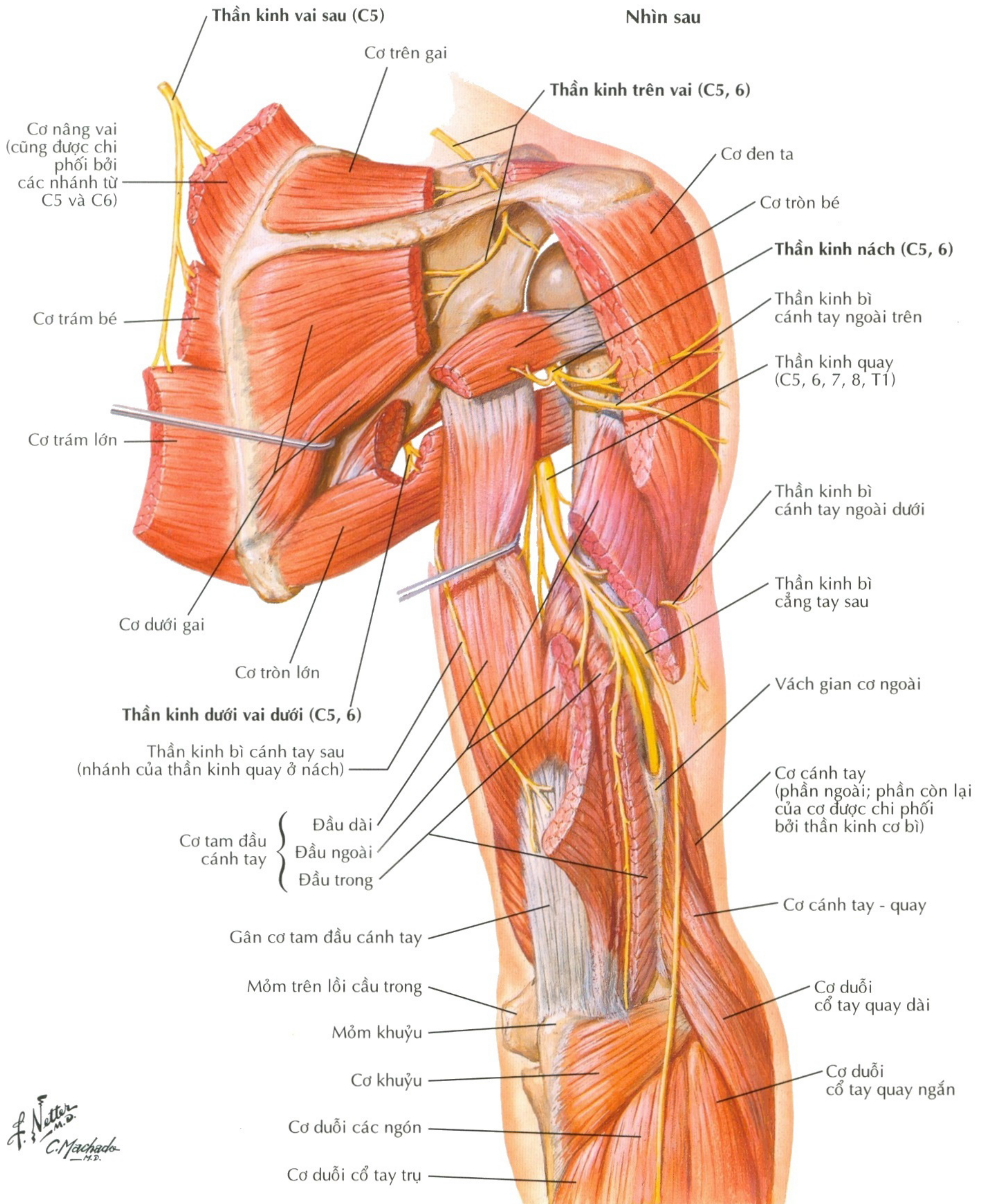


Hình 475

Nhìn trước

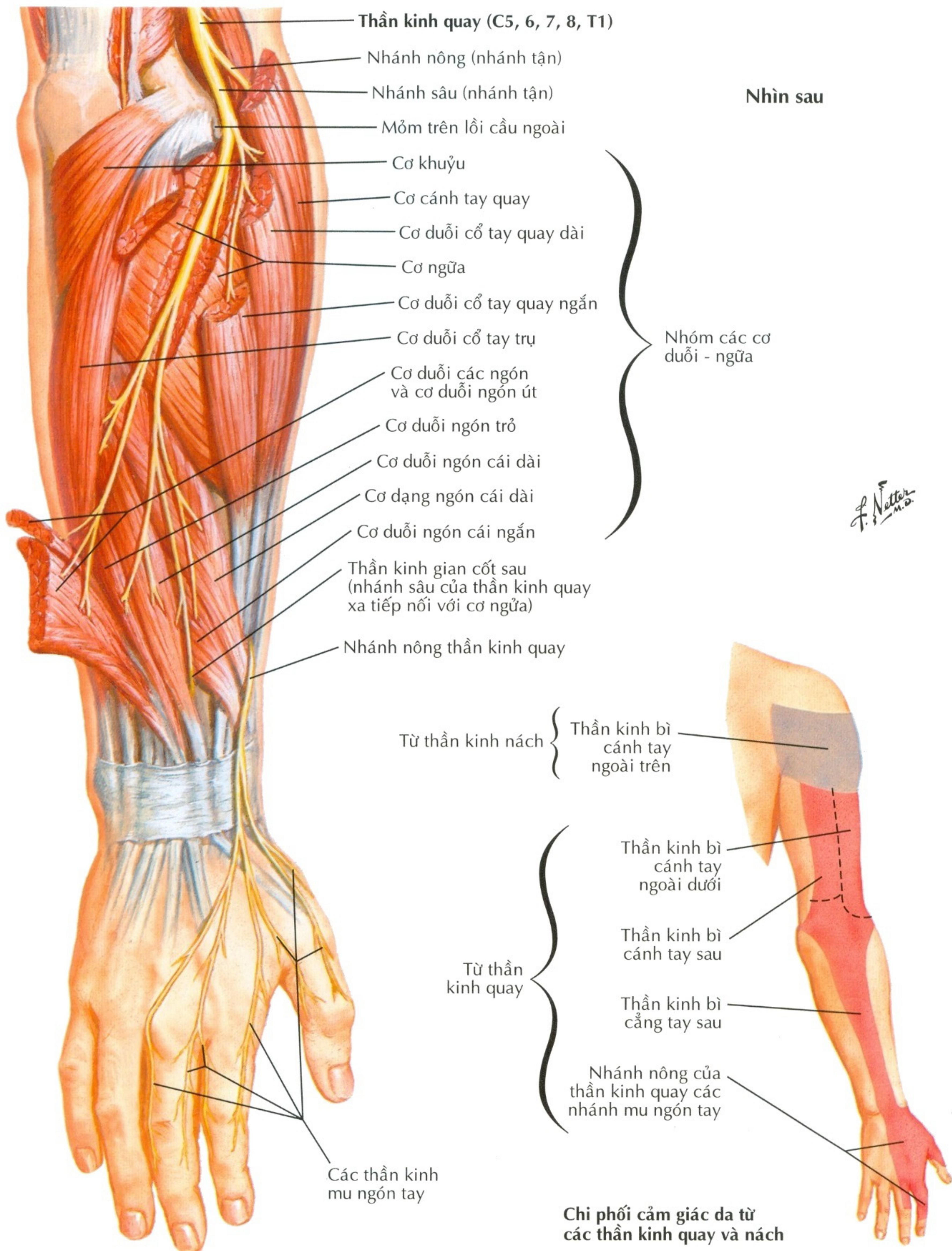
Ghi chú: chỉ những cơ được chi phối bởi dây thần kinh trụ được trình bày

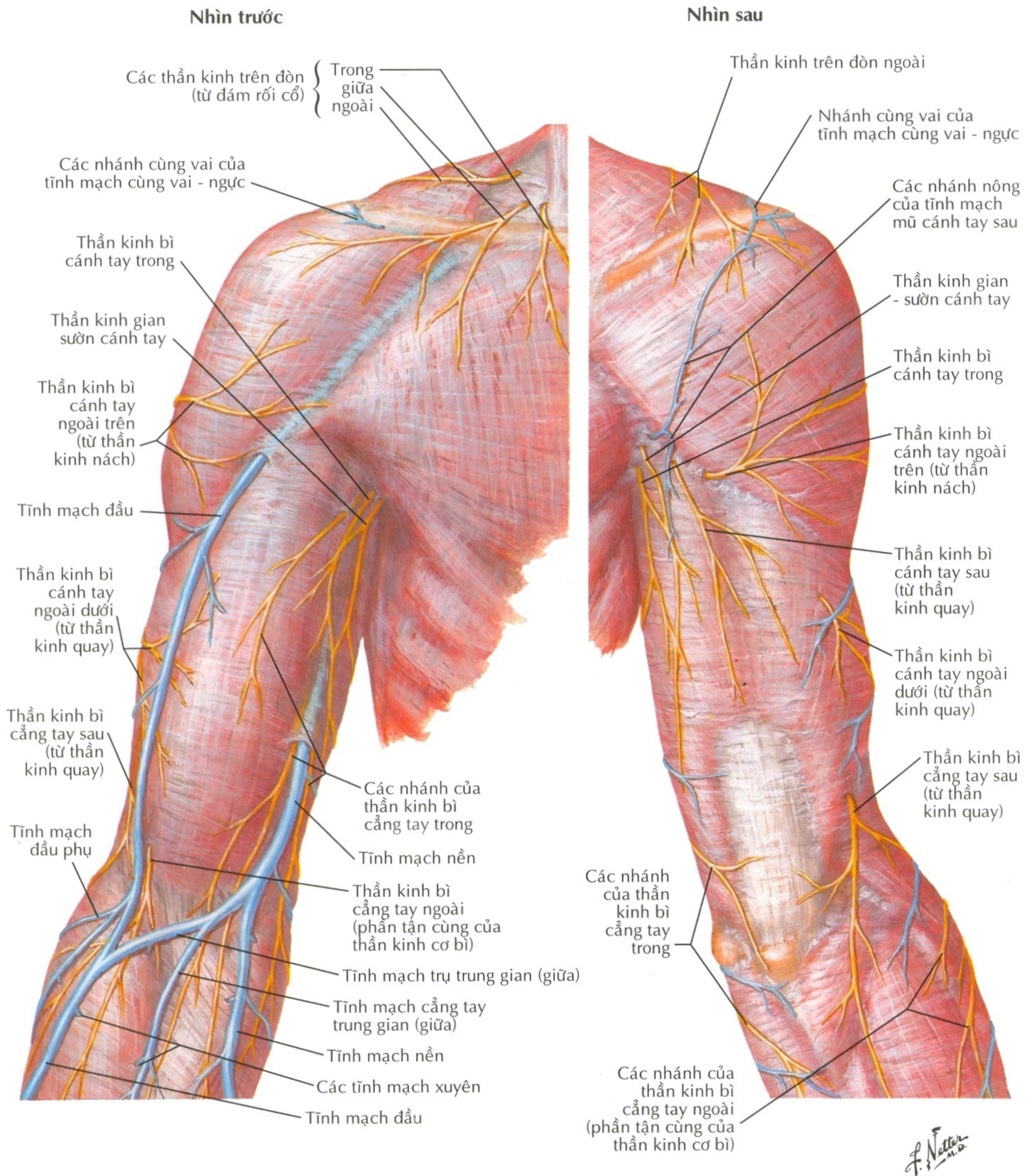




Thần Kinh Quay ở Cẳng Tay

Xem thêm hình 467

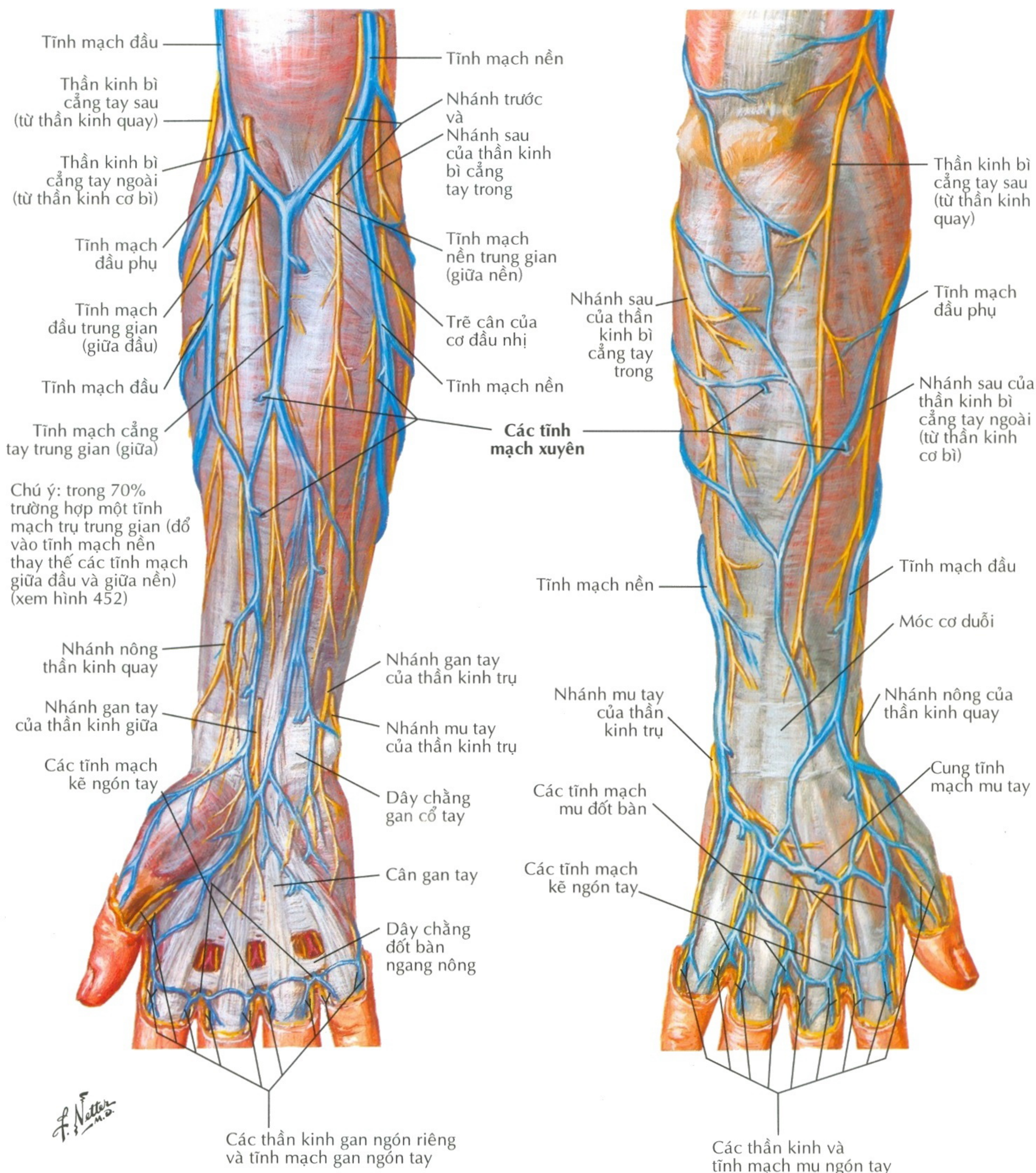




Các Thần Kinh Bì và Tĩnh Mạch Nông của Cẳng Tay

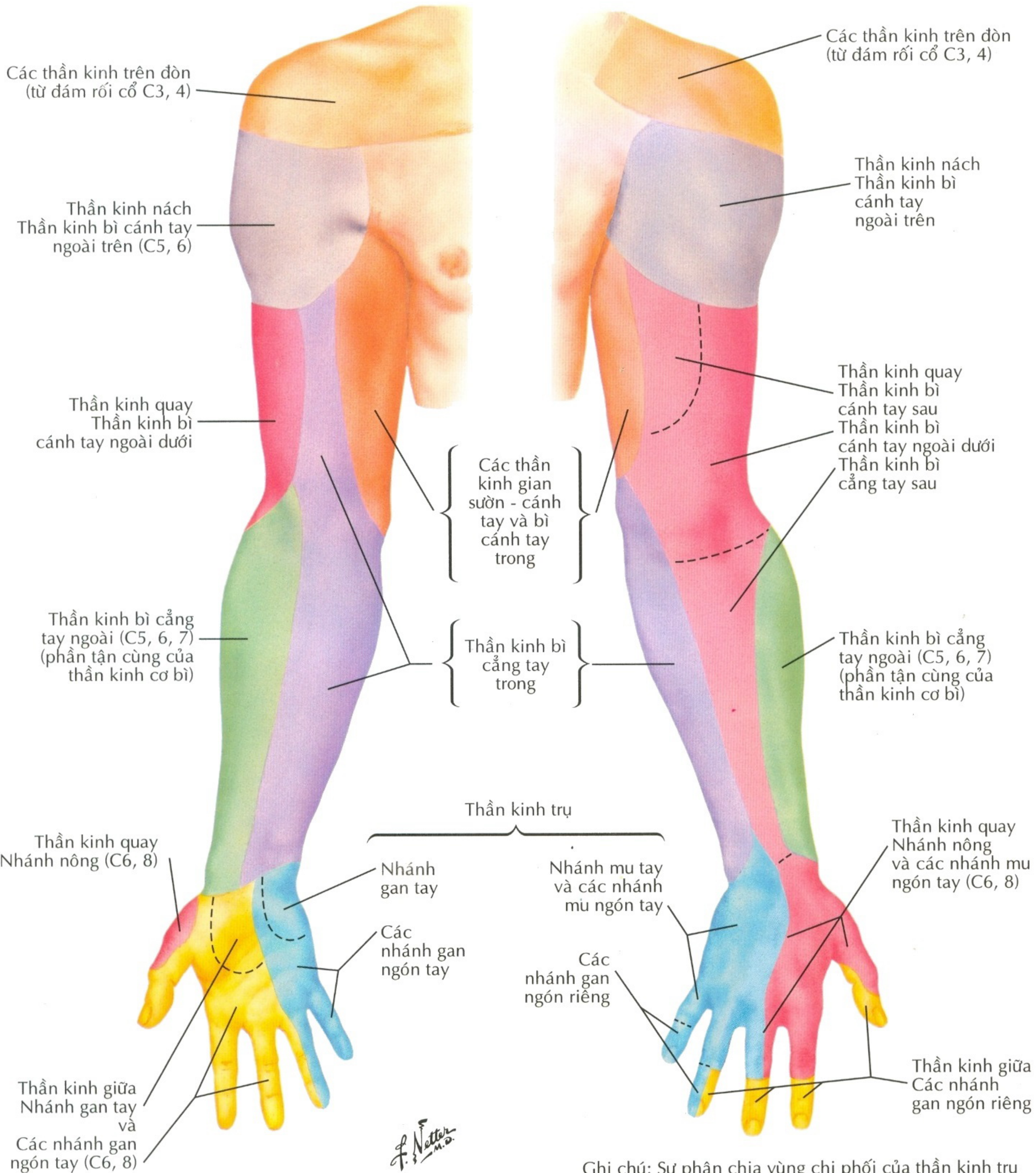
Nhìn trước (mặt gan tay)

Nhìn sau (mặt mu tay)



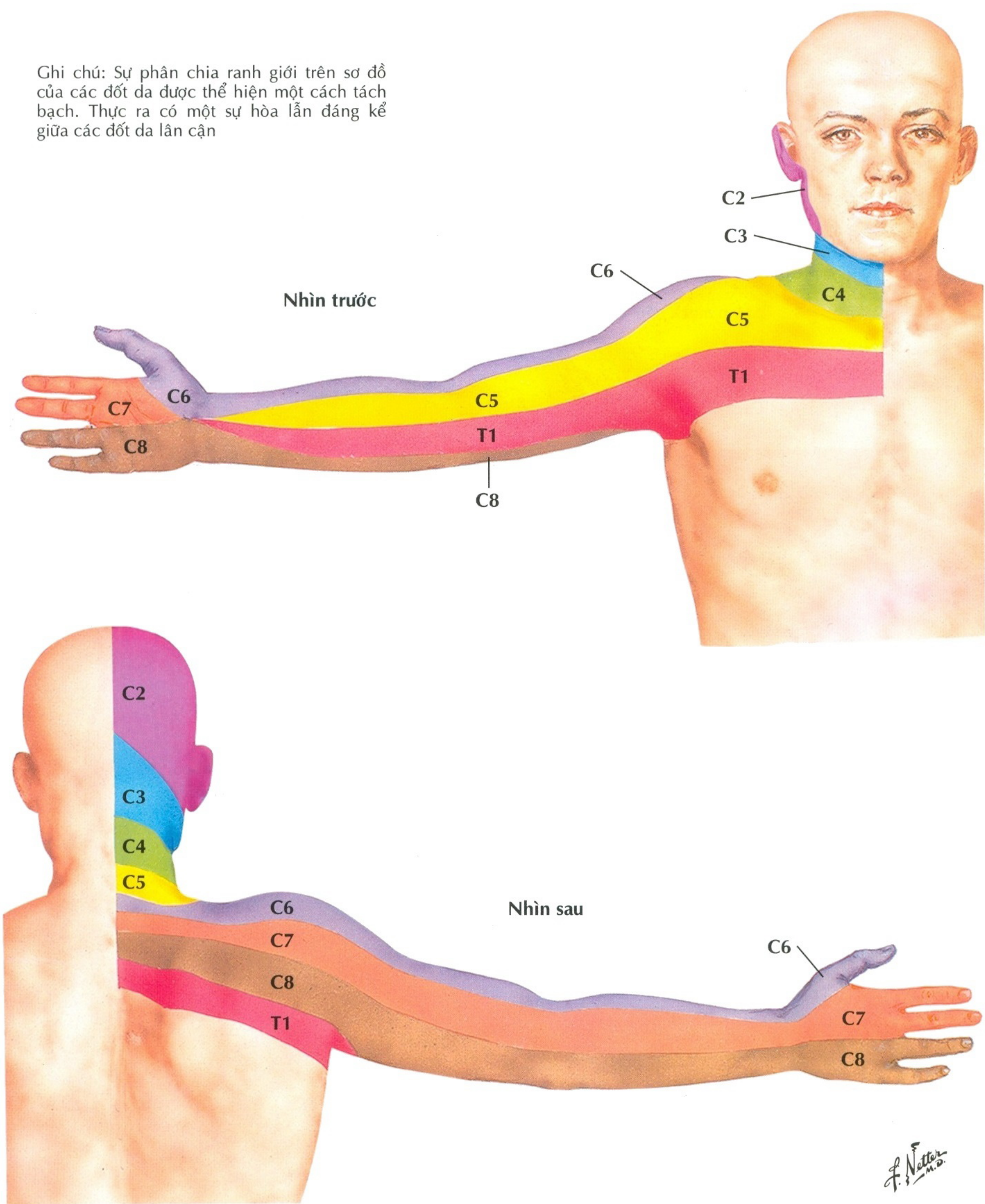
Nhìn trước (mặt gan tay)

Nhìn sau (mặt mu tay)

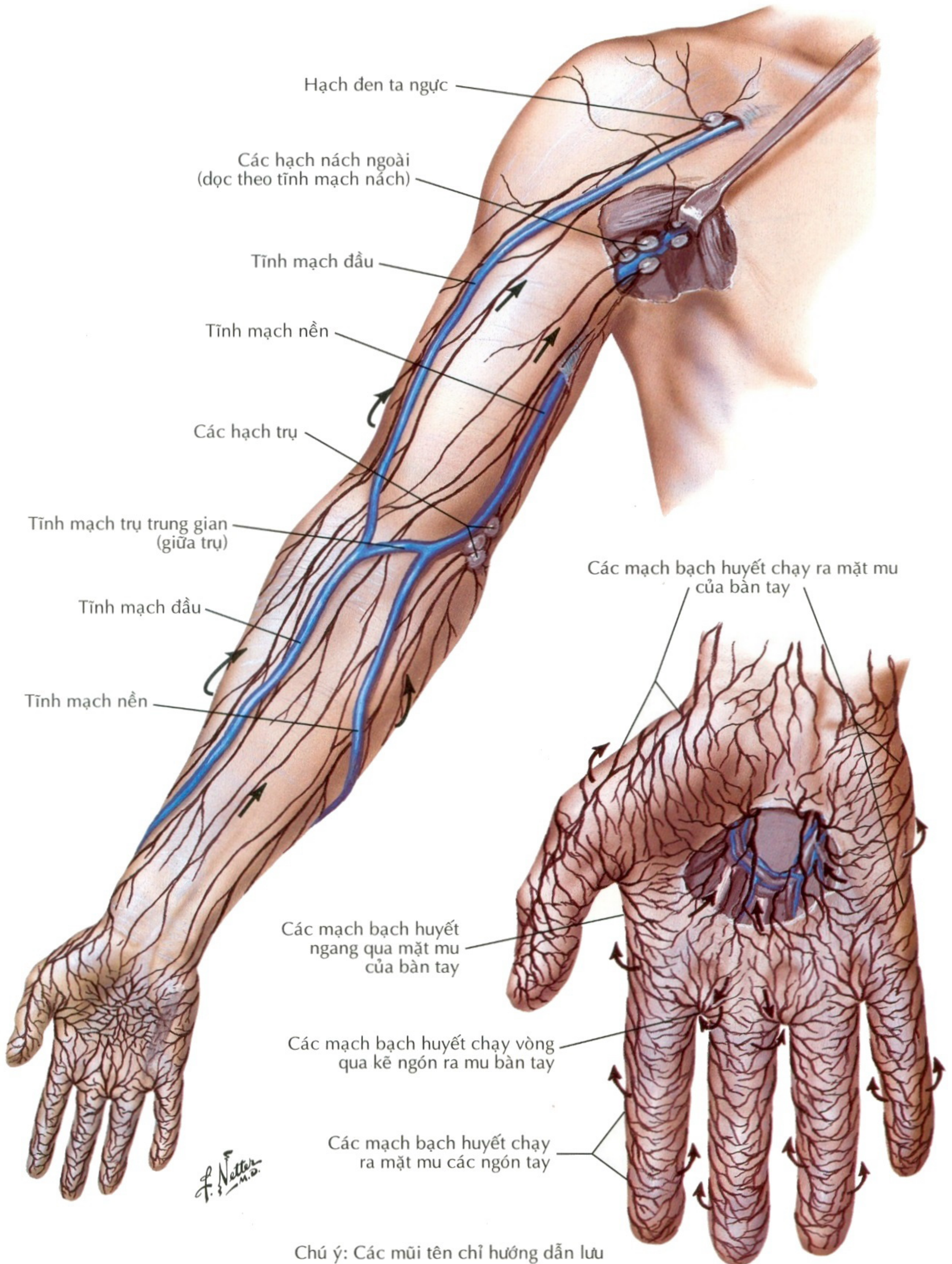


Ghi chú: Sự phân chia vùng chi phối của thần kinh trụ và thần kinh quay, ở mu tay có thay đổi và thường giới hạn dọc theo ngón giữa hay ngón ba thay vì ngón bốn như đã trình bày

Ghi chú: Sự phân chia ranh giới trên sơ đồ của các đốt da được thể hiện một cách tách bạch. Thực ra có một sự hòa lẫn đáng kể giữa các đốt da lân cận



Xem thêm hình 184, 468



Các Mạch Đồ Điện Toán Động Mạch của Chi Trên

